

SỐ 1727

QUÁN ÂM HUYỀN NGHĨA KÝ

Sa-môn Tri Lễ Tử minh ở Đồi Tống soạn

QUYỂN 1

Tri Lễ cúi đầu nhớ lại, lúc còn trẻ ưa thích học hỏi tìm đến dấu vết Bảo Vân, gặp giáo thọ pháp sư giảng giải phẩm này, thần căn đã chậm chạp liền nhiều lần hỏi han nghi ngờ. Tiên sư niệm tình tôi siêng năng học hỏi, không từ chối nêu ra. Cho nên các nghĩa được nghe ghi sơ lược trong lòng. Các vị cùng nghe xưa kia nay đều già yếu, thật là đáng lo kiến thức tiên nhân mai một! Mà cùng nhau tài hèn rắng sức, sao chép nghĩa kia để lại nơi đời cho kẻ hậu học, e rằng sự hiểu biết tối tăm, ghi truyền tông chỉ Viên giáo có chỗ lầm lạc, kính mong các vị hiền triết phủ chính. Ngày mồng một tháng tám năm Tân Dậu, niên hiệu Thiên Hi năm thứ đặt bút viết lời tựa.

Quán Âm Huyền Nghĩa là theo tên lược, đầy đủ phải nói Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Phẩm Huyền Nghĩa. Vì trong bài tựa đó và ở chánh văn nói đủ Người - Pháp, cho nên tạm nêu tên lược, nói Huyền Nghĩa là phần nghĩa của người giải thích. Huyền là tên gọi của sự u vi khó nhìn thấy, Nghĩa là sâu xa có lý do. Đây bởi Đại sư dùng lực Tam-muội thấu suốt ranh giới pháp tánh, nhìn thấy sâu sắc ý người pháp của phẩm này. Nên biết rằng năm nghĩa của các tên gọi đều sâu thẳm tinh tế, trí của người bầy phương tiện không ai có thể thấy. Quyển thượng đã có hai trục đối xứng cho đến trên dưới mà xét kỹ để phân biệt, kể đến chỉ ra người năng nói, tức Ngài Thiên Thai Trí Giả. Vì là học trò ghi chép lại những gì Ngài nói, cho nên không dám chánh nêu ra pháp huy.

Thiên Thai là tên núi chính là nơi Đại sư nương thân nhập diệt, cho nên lấy nơi này để nói lên người đó. Hoặc từ chỗ cư trú được tên gọi của núi, tướng trạng nhập diệt và sự linh nghiệm kỳ lạ sau khi nhập diệt, có nói đủ ở Đại Bản và các văn biệt truyện Phụ hành, nay không nói đủ ở đây. Trí Giả chính là Tùy Đế cầu thọ đại giới Bồ-tát rồi, Sư nói : “Đại vương lần hồi vâng theo Thánh cấm, thích nghi gọi là Tổng Trì”. Vua thưa: “Kinh Địa Trì chép: Lưu truyền ngọn đèn Phật pháp tức là người trí tuệ, Sư đã truyền bá ngọn đèn đáng ấy hiệu là Trí Giả”. Từ đó trên tất cả thư số đều ghi là đệ tử Tổng Trì hòa nam Trí Giả. Nói Đại sư: đây chính là thầy của Đế vương đại nhân cho nên gọi như vậy, chẳng giống như danh hiệu chữ ký ở thời nay. Nói làm vui lòng. Là tha hồ vui với học nói giải thích, vừa lòng mong mỗi diệu ngộ, hoàn toàn khác với cái gọi là các Sư thu thập kinh luận, trước thuật số chương tiêu hóa văn kinh. Vì thế pháp sư Đại Nhãn nhìn thấy Trí Giả nói pháp, đối với mọi người khen ngợi rằng: “Đây không phải văn số đã chuyển tải, chính là quán cơ tha hồ giải thích, Bát-nhã chẳng sắc bén chẳng chậm lụt, sắc bén hay chậm lụt là do duyên, dồi dào hợp thời, là tướng sắc bén đó, ao sâu hoa lớn chậm lụt vừa ý đạt được”. Các ký lục chính là tôn giả Chương An, giải hạnh linh dị sự tích trước sau, bản lưu truyền đầy đủ rõ ràng. Văn giải thích chia làm hai, đầu tiên giải thích lời tựa có hai, thứ nhất nói về chân ứng lợi vật chia ra hai, ban đầu chính thức nói về chân ứng có hai, lúc đầu nêu ra hai thân diệu dụng có ba, trước trình bày thể diệu - hai là dụng mất có hai, trước pháp dung thông, ứng mất đi. Pháp giới viên dung: Sắc tâm - y chánh bởi vì chính là tánh, hưởng về chỉ ra một pháp lần lượt gồm thấu tất cả, mỗi pháp gồm thấu khắp nơi cũng giống như vậy, các pháp cùng khắp lẫn nhau đều không có giới hạn, chính vì không ranh giới mà làm cõi đó. Pháp giới này chẳng có gì không viên dung, tức là trăm giới ngàn như - trăm như ngàn giới. Vì thế cho nên có thể nói duy sắc duy tâm duy y duy chánh. Nếu không như vậy thì tức chẳng phải viên dung. Quán Âm chứng đạt điều này lấy làm bốn thể, toàn bộ Diệu thể này mà phát khởi noi theo phù hợp. Dùng pháp giới ứng đi đến pháp giới cơ, cũng là lấy pháp giới cơ cảm pháp giới ứng. Pháp giới không hai năng và sở tự quên, cảm ứng còn quên thì Thể dụng lẽ nào phân tách. Do đó tuy lập ra ứng mà không có ứng để giữ lại, cho nên nói “Tượng vô sở tượng”. Lại nói, “Chân như” trở xuống là tánh thanh tịnh chân vong. Chân như thanh tịnh ấy, Luận Khởi Tín chép: “Chân như, đó là tâm tánh bất sanh bất diệt, vì thế cho nên tất cả các pháp từ xưa đến nay, xa lìa tướng ngôn nói - xa lìa tướng danh tự, xa lìa

tướng tâm duyên rất ráo bình đẳng, không có biến đổi sai khác không thể phá hỏng hư hoại. Chỉ là một tâm cho nên gọi là chân như”. Lại nói: “Thể chân như này không có thể phân tán, vì tất cả các pháp đều là chân, cũng không có thể lập ra, vì tất cả các pháp đều là Như. Đã không thể phá hủy hay lập ra thì tự bật dứt nói năng suy tưởng, thì cùng với hà sa phiến não vốn không tương ứng, cho nên nói thanh tịnh”. Quán Âm chứng đạt điều này mà làm bốn Thể, chính là chỉ bày thể này cho các chúng sanh, khiến cho Tri quán hạnh hoặc kiến chân tự. Tri kiến này là thành tựu ích lợi phục đoạn. Nếu chưa có sự thấy biết này thì chỉ có thể tinh tiến ba nghiệp trở thành cơ cũng lia các khổ, tất cả được gọi là Hóa, đây đều là tướng lợi ích chúng sanh của chân thân.

Hỏi: Đồng duyên gọi là ứng, bỗng nhiên có tên gọi là Hóa, hai thứ thân này đều chẳng phải trí đức, nay vì sao Hóa mà là chân thân.

Đáp: Hóa bỗng nhiên có tức là hóa hiện rõ hóa. Nay đối với hình như nói về hóa giữ lấy Hóa chuyển Hóa. Vì sao như vậy? Trên nói ở nơi hình như thì ứng Hóa đều hình như. Từ “Thật báo v.v...” trở xuống đến thân địa ngục, đều đã gồm thâu hết. Nếu muốn hóa chuyển phàm hiển nhập thánh, cần phải chỉ ra chân trí. Nếu chẳng phải chân thân thì không thể nào hóa chuyển. Nói hóa vô sở hóa ấy là y cứ vào tánh bình đẳng quên đối với công lao hóa độ, tuy khiến cho chín đường đều hưởng về Niết-bàn, mà không có chúng sanh nào được diệt độ vậy. Bình đẳng chân pháp giới - Phật không độ chúng sanh nên suốt ngày hóa độ chúng sanh mà suốt ngày không hóa độ. Hai là “Tuy tượng v.v...” trở xuống là nói về dụng quên. Hai lợi ích rộng khắp chia làm hai: Đầu tiên nói lên lợi ích rộng khắp, các pháp sắc tâm tuy tánh vô sanh, nhân duyên hòa hợp pháp như thế mà sanh. Quán Âm khéo chứng cùng với các pháp tánh, tuy không hình tướng, mà các cơ đều khế, không hình không hiện rõ. Đây là do ý niệm bật dứt đối với thù ứng, cho nên có thể khắp nơi tùy theo mọi cơ pháp giới. Điều đó giống như gương sáng không ý niệm mà hiện rõ, cho nên nói “Chẳng có gì mà không giống”. Hai là từ “Hóa không v.v...” trở xuống là lợi ích ngầm kín khắp cả. Từ chữ tuy ở trên bắt đầu câu này, xuyên suốt đến đây, tuy trong đó thật tánh không thể biến hóa, không biến mà biến mê ngộ rõ ràng như vậy. Quán Âm thuận theo lý tuy khắp mà không thay đổi, thường dùng chân trí hóa độ tất cả phàm thành thánh không hai, đây là do ý niệm không hóa độ chúng sanh, khắp nơi làm cho người khác đổi mê thành ngộ. Điều đó giống như đá nam châm không có ý niệm mà hút, cho nên nói “Chẳng chỗ nào mà không hóa” Ba là từ “Cho nên, không v.v...” trở xuống là

ngăn chiếu tức nhau, kết hợp hai thân đức tướng - chia làm hai: Trước tiên là tướng ứng thân, Trung đạo pháp giới cùng ngăn dứt hai bên cho nên không có gì hiện hữu, đương thể cùng soi chiếu cho nên chẳng gì không hiện hữu. “Thân hóa hiện thuận theo chín đường”: Ở đây nói Hóa là bỗng nhiên có giải thích, cùng với ứng trở thành hai tướng lợi ích rõ ràng đầy đủ.

Hỏi: Kinh nói “Người đáng độ bằng thân Phật thì hiện thân Phật” nay sao nói là chín?

Đáp” Thân cõi Phật có thông suốt có hạn cuộc, hạn cuộc ở tại thân Diệu giác trí tướng, ba ngàn thật tướng vì rốt ráo dùng hết, còn chẳng phải tâm nhãn Đẳng Giác quán thấy, hướng chi hạ địa và phàm phu nhỏ bé ư? Thông suốt thì tướng kết quả của ba giáo, cho đến phàm thánh Viên giáo vốn nhìn thấy, tuy phân chia thô phù hay mầu nhiệm mà đều gọi là thân Phật. Như vậy là tướng ứng hiện tùy cơ, là nhận thức việc đó hoặc là cái thấy của nghiệp thức. Vì thế tuy là Phật thân mà thông suốt gồm thân cõi Nhị thừa - Bồ-tát. Văn kinh thuận theo thông suốt cho nên nói hiện rõ mười, văn này thuận theo hạn cuộc cho nên nói là chín đường. Từ “Đối với hữu v.v...” trở xuống là chân thân đạt được. Thông suốt dùng chín cõi gọi là hữu, vì ở đó đều là nghiệp báo. Ứng thân tuy quả là ở tại trong đó, mà chân trí đó tự sâu xa tận cùng lý, cho nên nói là “Vắng lặng đi vào ý chỉ không hai”. Trước chính là chân thân mà tướng thù ứng, đây chính là tướng ứng mà chỉ ra chân chân. Từ “Bởi thế v.v...” trở xuống là nói về hai dụng gồm thân chúng sanh. Trên đây là nói hai dụng chân ứng đã như thế, nay nêu ra tướng ban cho và dứt trừ gồm thân chúng sanh. Hai câu đầu nói về chân thân dứt khổ, hai câu kế chỉ ra ứng thân ban vui. Phật đáp câu hỏi trước: “Ba nghiệp hiển bày cơ cảm đối với ngậm kín ứng hiện, bảy nạn hai cầu cho đến ba độ trừ hết đến cùng các khổ”, cho nên nói: “Được thoát khỏi bốn bờ khổ đau”. Phật trả lời câu hỏi sau: “Ba nghiệp nói lên ứng hiện đi đến cơ ngậm kín đó, ba cõi chúng sanh được mười thứ lợi ích, chung quy là bí tạng”, cho nên nói: “Khiến cho được hưởng niềm vui thượng phẩm. Nhưng mà bốn lời thề đó chẳng phải chuyên chú ban cho niềm vui, tuy ở đây trình bày thật sự thông suốt câu trên, ba nghiệp ở trên chính là nhân của năng cảm, ở đây nói bốn lời thề là căn bản của năng ứng. Trên dưới hiển bày lẫn nhau đây kia không thiết sót, nên biết ba nghiệp cũng thông suốt cơ nghi ngậm kín, hiện tại tuy không có mà đời trước cần phải đầy đủ. Từ “Cho nên ở cõi Ta bà v.v...” trở xuống bao gồm nói về bốn tích - chia làm hai: Đầu tiên là nêu ra các tên gọi - chia làm hai;

thứ nhất là nhân xưa - nay. Tên gọi nay là Kham Nhẫn độ gọi là Vô Úy: Giả Kinh này nêu ra hai: “Trong nạn cướp bóc một người nói lớn lên rằng: Các người thiện nam không nên kinh hãi, các vị phải nhất tâm xưng danh hiệu Quán Thế Âm, Bồ-tát này thường đem sự không sợ hãi đến cho chúng sanh”. Cho đến nói: “Xưng danh hiệu đó nên liền được giải thoát”. Còn trong khuyên cúng dường Đức Phật tự khen ngợi rằng: “Đại Bồ-tát Quán Thế Âm này, ở trong hoạn nạn cấp bách kinh hãi, thường giúp cho sự không sợ hãi, vì thế cho nên thế giới Ta bà này đều gọi Ngài là người ban cho sự không sợ hãi”. Bảo Tạng v.v... kinh Bi Hoa chép: “Thời quá khứ trong kiếp Thiệu Trì cõi Tấn Đề Lam (San đề lam), lúc bấy giờ có đức Phật ra đời hiệu là Bảo Tạng, có vua Chuyển luân, là Vô Lượng Tịnh, Thái tử thứ nhất ba tháng cúng dường Phật và Tỳ-kheo tăng, phát tâm Bồ-đề, nếu có chúng sanh chịu ba đường cùng tất cả khổ não, nếu có thể nhớ đến tôi xưng danh hiệu tôi, được thiên nhĩ tôi nghe đến - được thiên nhãn tôi thấy đến, mà không tránh được khổ đau ấy thì tôi không bao giờ thành vô thượng Bồ-đề. Phật Bảo Tạng nói: Ông quán sát tất cả chúng sanh muốn dứt trừ các nỗi khổ đau cho họ, nên nay tên ông là Quán Thế Âm”. Từ “Đã thành v.v...” trở xuống là quả và danh hiệu quá khứ vị lai. Đã thành v.v... kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi chép: “Sức uy thần của Bồ-tát này không thể nghĩ bàn, đã ở trong vô lượng kiếp quá khứ, thành Phật rồi, hiệu là Chánh Pháp Minh Như-Lai, vì nguyện lực đại bi an vui cho chúng sanh, nên hiện tại làm Bồ-tát”. Còn kinh Quán Âm Tam-muội nói “Trước kia đã thành Phật hiệu là Chánh Pháp Minh Như-Lai, Thích Ca làm đó làm đệ tử khổ hạnh của Đức Phật”: kể sẽ v.v... làm Bồ-xứ, kinh Quán Âm Thọ Ký chép: “Bồ-tát Quán Thế Âm kế sau đức Phật A-Di-Đà, sẽ thành bậc Chánh giác, hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như-lai”. Bồ-xứ giống như nghĩa các vua. Từ “Bổn Tích của Ngài v.v...” trở xuống kết tóm sự khó suy lường. Như trên kinh nói: “Hoặc đã thành Như-lai hoặc hiện làm Bồ-tát, đời chánh pháp đã qua từng làm thầy của Đức Thích Ca”. Nay nói Quán Âm vẫn là Bồ-xứ xứ của Đức Di Đà, cũng như Diệu Đức Nguyên là Tổ sư chín đời của Năng Nhân, cháu đã tròn đầy quả mà tổ hãy còn nhân vị, bổn tích cao thấp đâu thể đo lường! Nhưng cần phải sử dụng bốn câu cao thấp đó, để hiển bày tướng các Thánh khó thể nghĩ bàn. Từ “Nay nói v.v...” trở xuống là nói về tiêu đề người pháp - chia làm hai: Đầu tiên nói về người bao gồm tên kinh - có hai: thứ nhất nói về người - chia làm hai: Trước hết so sánh Phạn văn phiên dịch tên gọi, các kinh và thần chú trước đây xưng tên gọi chữ Phạn, văn nay lược bớt

đôi chút, mà tên gọi Hoa ngữ có nhiều sai lệch, ở đây gọi là Quán Thế Âm, nơi khác nói là Quán Tự Tại, nhưng trong kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi chép: “Bồ-tát Quán Thế Âm Tự Tại”, nghĩa đó hình như đầy đủ. Nhưng dựa theo cảnh trí mà nói về cảm ứng, thì ba tên gọi hiện tại giải thích rõ ràng không thiếu sót. Nếu theo cách giải thích này thì đã rõ ràng tự tại. Từ “Năng sở v.v...” trở xuống là dựa theo tiếng Hoa mà giải thích nghĩa, có hai: Đầu tiên giải thích riêng - chia làm hai: Thứ nhất giải thích, chia làm hai. Trước là giải thích chữ Quán - chia làm hai: Một là khéo thấu đạt ở giữa các biên, năng sở viên dung trí Trung đạo. Có và không bao gồm thông suốt hai trí, chỉ ở một tâm cùng ngăn dứt và cùng soi chiếu, lúc ở giữa soi chiếu tức thấu đạt hai đế, cho nên nói là bao gồm thông suốt. Vậy thì âm thanh ngôn ngữ mười cõi lập tức phát khởi lập tức quán xét thường ngăn dứt thường soi chiếu. Từ “Chiếu cùng v.v...” trở xuống là tu tánh cùng sáng tỏ, soi chiếu tận cùng chánh tánh nhìn thấy tánh đức vậy, xét kỹ ngọn nguồn nhìn thấy tu đức. Đây là dựa theo diệu cảnh nói lên diệu trí đó, vốn có đủ ba ngàn tui chính là ba đế, mà đối với tu cho nên hợp lại chỉ nói là chánh tánh. Duyên liễu trong tu đều có ngọn nguồn, chấp tay cúi đầu là nguồn của duyên, phước đức trang nghiêm là ngọn của duyên. Một câu một bài kệ là nguồn của liễu, trí tuệ trang nghiêm là ngọn của liễu. Thuận tu đã như vậy mà nghịch tu cũng như thế. Lúc gây ra điều ác thì các tâm sở, như tâm sở tuệ, há chẳng phải nguồn hay sao? Lúc chịu đau khổ thì tập quả, báo quả chính là ngọn đó. Nếu lấy tu tánh nói về nghĩa ngọn nguồn đó thì càng đến cực điểm, ba ngàn tánh đức nói về nguồn mới hết được, tu khởi lên ba ngàn nói về ngọn mới có thể cùng tận. Chẳng phải ba trí trên thì chẳng gì soi chiếu cảnh này, không phải diệu cảnh này thì chẳng có gì phát ra trí đó. Hột đây nước sữa phân nào có thể là đúng. Hai là giải thích về Thế Âm, tức là chúng sanh trong mười cõi gặp phải khổ đau cầu cứu, xưng danh hiệu phát ra âm thanh, là cảnh sở quán vậy. Cảnh trí trên đây đều là năng quán có thể thí dụ cái chày cái bàn giặt, Thế âm ở đây có thể thí dụ cho thuận phác; chẳng phải cảnh trí trước đây quán xét Thế Âm này, làm sao khiến cho mười cõi giới thoát khỏi ba chương? Lại nữa, phải biết cảnh trí được này, chính là thể dụng khó nghĩ suy của Bồ-tát, tức là năng ứng. Cảnh của Thế Âm chính là chúng sanh do khổ đau trở thành cơ, tức là năng cảm. Đây chính là cảnh trí cho đến cảm ứng. Trong ba chữ đều được thành tự. Muôn hình tượng lưu động cách nhau không đồng” là giải thích nghĩa chữ Thế. “Các thứ âm thanh khác nhau” là mang nghĩa Thế giải thích nghĩa Âm. “Đều nương

nhờ được lìa khổ là trở thành nghĩa cảm được lợi ích”. Từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống là kết hợp với thể thấy. Từ “Đây tức v.v...” trở xuống là nêu chung, ba chữ Quán v.v... là cảnh trí, năng sở ấy là cảm ứng. Năng chính là năng ứng - sở chính là sở ứng, há có thể nói lại rằng năng chiếu sở chiếu hay sao? Thứ hai là nói về kinh. Phẩm này đã dùng lưu hành riêng ở thế gian, vốn có nhiều đề gọi là kinh Quán Thế Âm, hoặc gọi là kinh Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Phẩm, cho nên nay trình bày tên người sau sơ lược giải thích về tên kinh. “Nói kinh do nghĩa theo Tịnh Danh Huyền Nghĩa nói: “Kinh từ tâm miệng bậc Thánh cho nên gọi là kinh, tất-đàn dẫn đến giáo, kinh từ tâm miệng Như-Lai, cho nên gọi là kinh”. Lại nói: “Thánh trước - Thánh sau chẳng vị nào không trải qua giáo từ tất-đàn này nói mà được thành đạo”. “Văn lý v.v...” ấy là, chọn lấy nghĩa dọc ngang - pháp dụ cùng trình bày, văn dọc nghĩa lý ngang bày tỏ mở rộng lẫn nhau, đan xen thành trong tâm quán trí của hành giả. Từ “Phổ môn v.v...” trở xuống là nói về pháp bao gồm phẩm - chia làm hai:

Thứ nhất nói về pháp, có hai: Đầu tiên hai chữ tiêu trừ kể là từ “Dụng nhất v.v...” trở xuống là nêu ra mười Phổ. Thật tướng: Tam thiên đều là Thật tướng viên dung lẫn nhau nên nói một không phải hai nghĩa. Muôn đức gọi chung là nhất thừa mà khác tên gọi.

Mười nghĩa ở văn dưới để nêu ra tướng đó:

1. Vô duyên từ bi.
2. Vô tác hoằng thệ.
3. Hạnh của viên tu.
4. Đoạn của bất đoạn.
5. Viên nhập pháp môn.
6. Vô ký thần thông.
7. Phương tiện trong Thế.
8. mở ra nói pháp.
9. Phổ cúng Chư Phật.
10. Lợi ích khắp chúng sanh.

Từ nguyện lập nên hạnh là quả của tự nhân, toàn thể phát khởi Dụng trên thì cúng dường dưới thì ích lợi, từ đầu đến cuối gồm thâu hết các pháp, cả mười đều là thật tướng thông suốt lẫn nhau khắp nơi gồm thâu không gì chướng ngại.

Thứ hai nói về phẩm: Thuận theo biệt hạnh lập đề mục kinh, nhưng là một phẩm lưu thông của Pháp Hoa, do đó nay trình bày lại không quên cội gốc. Trung A-hàm: “Bạt cự Hán dịch là Phẩm, chọn lấy

nghĩa đồng nhau nhóm hợp lại thành một chương”. Từ “Đại bộ v.v...” trở xuống là giải thích chánh văn - chia làm hai: đầu tiên ví dụ Đại Bộ, năm chương Diệu Huyền giải thích rất quanh co, một phẩm của kinh chẳng lẽ diệu nghĩa há khác nhau hay sao? Ở đó chỉ đích thực trình bày đề mục chung của năm chữ, nay vốn giải thích biệt đề của một phẩm, hướng gì lại làm chông lại, cho nên cần phải tự lập ra năm nghĩa phân biệt. Tuy là tự lập ra nhưng vẫn phải phù hợp với văn bản quyền bày thật viên mãn, mâu nhiệm kia, do đó giải thích tên gọi thì thuần túy tuyệt diệu về người pháp, hiển bày thể thì lý trí không hai, nói về tông thì cảm ứng khó nghĩ suy, nói về Dụng thì vô duyên ban cho và dứt trừ, phân định về Giáo thì cùng tột vị đề hồ. Năm chương này là gọi chung ba giáo khác nhau phân định về chung riêng v.v... Từ “Một là giải thích danh v.v...” trở xuống là giải thích văn nay có năm: Thứ nhất là giải thích tên gọi - chia làm bốn: Đầu tiên xếp vào chương mục. Từ “Thông suốt v.v...” trở xuống là nêu ra tướng. Từ “Vì sao v.v...” trở xuống là đối với căn. Chung đã là lược xưa nay đối với lợi căn, giải thích riêng thì rộng, thường đối với độn căn. Nếu hai điều đó hướng về thì phải trình bày hai Trì, Văn trì thì dùng nói rộng để làm lợi căn, Nghĩa trì thì dùng nói lược để làm lợi căn, độn căn vừa ý đạt được. Bàn đặc gọi là Độn tức căn cứ ở Văn trì. Ngài Mục-liên gọi là độn tức căn cứ nghĩa trì. Hai cách giải thích này đối với hai căn, cần phải y cứ theo Văn. Nghĩa luận lẫn nhau về lợi độn. Từ “Nay căn cứ v.v...” trở xuống là chính thức giải thích chia làm hai: Thứ nhất giải thích chung có hai: Đầu tiên nêu ra - có hai : Từ “Một là liệt danh v.v...” trở xuống chính thức giải thích có bốn: Trước hết bày ra ba tên gọi, đầu tiên sơ lược nêu ra, hai là lập nên ý của tên gọi có hai: Một là trình bày lý vượt quá tên gọi số đếm, Đại sư tuy sử dụng mười nghĩa môn để giải thích chung đề mục, mà thể đạt sâu sắc Quán Âm rất người, Phổ Môn pháp mâu, vốn là tướng tâm duyên của ngôn nói năng, cho nên nói chí lý thanh tịnh v.v... Vì vậy Khởi Tín chép: “Tất cả nói đều là giả danh không thật, chỉ thuận theo vọng niệm, không thể đạt được”. Từ “Chỉ vì diệu v.v...” trở xuống là danh số hiển bày lý có hai: Đầu tiên dựa theo nghĩa nêu ra, trên nói “Chí lý thanh tịnh không có danh tướng v.v...”, bởi dựa vào tự chứng dứt bật đối với nói năng suy nghĩ. Nay nói “lý mâu thông suốt giả danh tướng nói”, chính là căn cứ theo vật lập ra giáo mà luận. Nói là Hư Thông: Ở đây trình bày lý mâu không có tánh bám trụ vững chắc, tuy không có danh số mà có thể khắp nơi thích ứng với tất cả danh số. Cho nên Kinh Khê nói: “Tánh vốn không tên gọi mà đầy đủ các tên gọi, cho nên không

nói mà nói, nói liền thành giáo, thế thì lìa ngôn ngữ hay dựa vào ngôn ngữ đều thuận theo chí lý, bậc Thánh hay nói năng đều có lợi ích lớn”. Do đó Khởi Tín hỏi rằng: Nếu tất cả các pháp không thể nói - không thể nghĩ, các chúng sanh như nhau thì vì sao nói tùy thuận mà có thể được hội nhập? Đáp rằng” Nếu biết tất cả các pháp tuy nói mà không có năng nói - có thể nói, tuy nghĩ nhớ cũng không có năng nghĩ nhớ - có thể nghĩ nhớ, đó gọi là thuận theo. Nếu xa lìa nơi nghĩ nhớ gọi là được hội nhập, nay cũng như vậy, dùng mười loại nghĩa không nói mà nói, ý khiến cho người học không nghĩ nhớ mà nghĩ nhớ. Từ “Cho nên, Đại luận v.v...” trở xuống là dẫn văn chứng minh, Bát-nhã vô tướng tức là một pháp, Tất-đàn vì chúng sanh lập nên các loại tên gọi. Từ “Nay ở v.v...” trở xuống là chính thức nêu ra tên gọi có hai: Đầu tiên trình bày ở giữa là thích đáng. Nay lập mười nghĩa tức lìa nghĩa rất rộng cho đến rất tóm lược. Nghĩa rộng thì khiến cho trí lui sụt, sơ lược thì nghĩa không hoàn bị, ta nói ở giữa khiến cho nghĩa dễ rõ ràng. Từ “Mười nghĩa v.v...” trở xuống là chính thức nêu rõ ra có hai: Từ “Thứ hai v.v...” trở xuống là thứ lớp có ba: Đầu tiên là nêu rõ hai ý có hai: Thứ nhất chính thức nêu rõ, dựa theo Quán dựa theo Giáo đều có thứ lớp sanh khởi không lẫn lộn. Từ “Ước quán v.v...” trở xuống là trình bày chung về điều ấy. Hoặc quán hoặc giáo năng tổng năng cai, quán sát chung ba tâm, người pháp từ bi là sơ tâm, phước tuệ là trung tâm, chân ứng đến tám đều ở hậu tâm. Duyên liễu đạt đến cực điểm của tánh chỉ ra nhân mới trọn vẹn, trí dứt tận cùng rốt ráo trình bày quả mới đầy đủ, giáo dựa theo năm thời chẳng có gì không bao gồm, Hoa Nghiêm là đốn, ba thời là tiệm. Lại ở trong tiệm thì ba tạng chỉ là Tiểu, hai phần Tô là Đại. Nếu nói về Pháp Hoa thì vượt ra bốn vị trước, vì chẳng phải bao gồm mà chỉ là đối đãi kèm cặp, đã đầy đủ các luận nói cho nên nay lược bớt. Từ “Xét theo quán v.v...” trở xuống là giải thích hai ý có hai: Đầu tiên quán thứ lớp có mười: Trước hết là người pháp có hai:

Thứ nhất thường đứng đầu chín đời, từ bi đến chín loại đều lấy người pháp làm sở y, vì thế cho nên đề của phẩm đặc biệt nêu ra hai điểm này, do đó lấy phạm phu giả thật làm thí dụ trước có nắm chắc chỗ che thành tựu cho chúng sanh, mới có thể nói về các đức hạnh. Người pháp đứng đầu trong chín nghĩa há không đứng hay sao? Từ “Người pháp v.v...” trở xuống là phân biệt thứ lớp có hai: Một là nghi ngờ, vì sao theo (thừa) lấy người pháp làm thứ lớp? Pháp là sở thừa, người là năng thừa, theo lý hợp với bản tánh sở thừa nên nói trước, mới nói về thí giác năng thừa. Nay sao trái ngược điểm này. Từ : “Đây cần v.v...”

trở xuống là giải thích, năng thừa sở thừa trước sau không còn. Nay có hai ý, trước là người kế là pháp, một căn cứ vào văn kinh, hai thuận theo nghĩa thích hợp. Người có thể nắm giữ pháp chính là nghĩa đó.

Hai là Từ bi có hai: Đầu tiên là thứ lớp trong mười, hai là trước sau hai pháp, xuống phía dưới các khoa ví dụ có hai điểm này. Kế là đối với người pháp nói về từ bi: Đại sĩ đã quán sát pháp Phổ Môn của bốn tánh, chính là thấu đạt lý chúng sanh và Phật không khác, mà thương xót kẻ mê muội oan uổng phải chịu các khổ đau, mất đi niềm vui từ ban đầu, cho nên phát khởi thệ nguyện mãi mãi hạn kỳ ban cho và dứt trừ, quán cảnh phát tâm đích thực thích hợp thứ lớp đó. Trước là Từ kế là Bi: Văn có bốn cách giải thích, nay thuận theo lời đơn giản cho đến bốn hòa, không thuận theo sử dụng thứ lớp cho đến người thực hành, cho nên kết thúc chỉ ra rằng nay thuận theo nghĩa trước.

Ba là trong phước tuệ, người pháp y cứ theo niềm tin: Trước khi nguyện hạnh, người quán sát pháp trọn vẹn chỉ tạm thời thành tựu tín, dựa vào nhẫn nại vui vẻ lập nên bốn hồng thệ đó. Nếu không phải núi hạnh thì không gì lấp đầy biển nguyện, hạnh chính là nghĩa của phước tuệ thích hợp với Lục độ, năm độ giúp đỡ cho tuệ - tuệ dẫn dắt năm độ, điều đó giống như mắt và chân không thể nào thiếu sót lẫn nhau, năm độ trừ diệt sự chướng ngại - tuệ trừ khử lý mê hoặc, hai điểm này trọn vẹn công lao thì hiểu ra lý đạt được sự rồi, vậy thì biết phước tuệ thành tựu trước tâm từ bi, phát khởi công dụng ban cho và dứt trừ về sau. Trước là Phước kế là Tuệ, cũng thuận theo lời nói đơn giản không căn cứ vào bốn hòa. Nếu nói về giúp đỡ và dẫn dắt thì đâu có trước sau?

Bốn là chân ứng: Tín nguyện phước tuệ đều ở nơi nhân, nhân có thể quyết định được quả cho nên trở thành chân ứng, phước giúp đỡ cho tuệ biểu hiện lộ rõ chân thân, tuệ dẫn dắt phước biểu hiện rõ ứng thân. Chân ứng thứ lớp: Nếu căn cứ ở sự hóa độ tiệm thì trước tiên chỉ ra ứng thân tiếp nhận căn khí nhỏ bé đó, sau khiến cho hội nhập thật sự mới chỉ ra chân thân, cũng có thể trước đốn kế là tiệm, thì chân trước mà ứng sau. Nay không theo lập ra Hóa chỉ dựa vào chân hiển bày ứng phát khởi, mà lập nên thứ lớp đó. Vì vậy nói theo trước cũng là nói thích hợp thôi.

Năm là Dược Châu: Hai hạnh phước tuệ biểu hiện phát ra chân ứng, cho nên nói thẳng chứng đắc chưa hợp với lợi ích người. Nay trình bày dược châu thì nêu ra, tương hai thân lợi ích chúng sanh. Chân thân thấy lý sâu xa thì ba hoặc đều tiêu trừ, tức là lợi ích khỏi bệnh. ứng thân cảm ứng đến chúng sanh thì các thiện khắp hội tụ, tức như lợi ích của

mưa quý báu. Nói chân phá bỏ chấp thủ tướng: Đã dùng ba trí suy tư lý sâu xa làm chân, há chỉ có thể Kiến, Tư phá chấp thủ tướng hay sao? Phải biết rằng kiến, tư giữ lấy tướng sanh tử, trần sa giữ lấy tướng Niết-bàn, vô minh giữ lấy tướng hai bên, hoặc kế là hay không kế là đều có nghĩa đó. Trong thứ lớp được châu tướng tự với từ bi: Được tức là giống với Bi - châu có thể tướng tự với từ. Nơi kia có bốn nghĩa xác định so với trước sau, bốn hòa vua ngôn thuyết chính là trước Từ kế là Bi, thuận theo dụng sát vào cơ thì trước dứt trừ sau ban cho. Thứ lớp hiện tại giống như hai điểm sau của cách kia.

Sáu là Ẩn hiển: Trước nói hai thân phá hoặc như Được - đối cơ như Châu, cơ đã phá hoặc thì có thể thấy rõ chân thân, cho nên nói hai thân chính là có thể hiển bày lợi ích. Nay giải thích hai thân thường che phủ rộng khắp mọi vật, người có thấy biết đều gọi là lợi ích hiển hiện, người không thấy biết gọi là lợi ích ẩn (ngâm kín). Nói Như vậy, mới tận cùng tướng lợi ích chúng sanh của bậc Thánh. Hai lợi ích trước sau không thể nào phân định chắc chắn, cũng theo lời nói thích hợp cho nên nói là ẩn hiển, điều này dễ dàng hiểu được cho nên không nói.

Bảy là trong quyền thật: Duyên trước không giống nhau: Vì căn cơ chúng sanh được giúp có căn tánh sai khác. Quyền xảo vô phương: Tức là trí của năng soi xét không phân định phương sở, hoặc ngâm kín hoặc hiển bày phá ác sanh thiện, sâu cạn khác nhau, rộng hẹp có tách biệt, đều do hai trí thích hợp, hội nhập không sai khác, cho nên ở sau lợi ích thì phải nói về quyền thật, hai trí trước sau tuy có ba nghĩa, mà căn cứ vào cạn sâu làm thứ lớp.

Tám là trong bốn tích: Xảo có hơn kém: Nghĩa là trí có cao thấp. Thượng trung hạ là, lấy Diệu Giác làm bậc thượng, Đẳng Giác làm bậc trung, hạ thấp xuống là bậc hạ. Trước kia quyền thật xem xét cơ nghi chắc chắn phải sử dụng cả hai, vì thế nói là Hoành. Nay Bốn tích dựa theo địa vị đã nói về cao thấp, con người cần phải thuận theo Bốn mới có thể thùTích, nên nói là Thụ. Hai pháp trước sau có thể nhìn thấy.

Chín là duyên liễu có hai: Đầu tiên chỉ ra trước đây thuận theo nói về tự tha, như tám cặp trên từ vi tế đến thô trước, đều là thuận theo mà nói nhưng vẫn chưa phân phối. Nay lần theo dòng chảy tìm về nguồn, phải trình bày tánh đức mà làm căn bản cho sự sanh khởi của các pháp. Hai là trình bày nay lùi lại bàn về hạt giống, tức ngược lại con người của trí tuệ, bi thệ, quán trí, chân thân, chủ yếu lấy tánh đức liễu nhân làm hạt giống. Nếu pháp phước đức từ thệ Phổ môn của ứng thân, chủ yếu lấy tánh đức duyên nhân làm hạt giống, tự hành đã như vậy để ví

dụ hóa tha, bốn chứng thật trí lợi ích ngậm kín thì Dược Vương thuộc về liễu chủng, Tích hóa quyền trí lợi ích hiển bày thì Châu vương công lao quy về duyên chủng, mới có thể để thuận theo luận, lùi lại bàn bạc làm thứ lớp.

Mười là kế duyên liễu nói về trí đoạn: Trước đã suy tìm ngược lại tận cùng gọi là bắt đầu nhân của đức. Nay lại thuận theo nói đến nơi rốt ráo quả của đức, tức là dùng từ trước đến sau để làm thứ lớp đó, đi qua “trà” không có tên cho nên sau mười loại không nói.

Từ “ Căn cứ ở giáo nói rõ thứ lớp v.v...” trở xuống nói về thứ lớp của Giáo - có hai: Đầu tiên là nêu lại chương lập môn. Hai từ “Chung nghĩa v.v...” trở xuống là dựa vào môn giải thích nghĩa có hai: Thứ nhất là Thông: Năm thời bốn giáo đều có thể nói về mười, tùy theo pháp mà lập ra nghĩa không thể nào đi sâu vào cùng tận, tạm thời như ba tạng lập nên mười cặp là: Người pháp thì thu nhận ấm trở thành người và các pháp duyên, độ, từ bi thì Thanh-văn pháp duyên, Bồ-tát sanh duyên, phước tuệ thì Thanh-văn ba học, Bồ-tát sáu độ, chân ứng thì năm phần pháp thân tác ý chung cho ứng, dược châu thì chữa trị bốn trụ bệnh - rười mưa ba thừa quý báu, ẩn hiển thì chúng sanh được lợi ích có thấy nghe - không thấy nghe, quyền thật thì xứng với thật của chân - tùy theo quyền của tình, bốn tích thì tự chứng căn bốn thị hiện làm tích, duyên liễu thì một câu liễu nhân làm hạt giống cho duyên lành, trí đoạn thì Thanh-văn bốn quả - Bồ-tát đốn thành, ba tạng hãy còn có đủ thì Chung riêng có thể biết. Hai từ “Biệt nay v.v...” trở xuống là tách biệt có hai: Đầu tiên là năm vị chia làm hai: Thứ nhất giải thích có năm: Một là nữ có hai: Trước là nói đầy đủ sáu nghĩa trước, nữ chính là bộ đốn cho nên chỉ về Hoa Nghiêm, sáu chữ biệt đề đầy đủ người - pháp - dụ, Đại Phương Quảng là pháp, Phật là Xá-na quả của người, Hoa nghiêm dụ cho nhân các Địa là quả đức Hoa Nghiêm. Chỉ dựa vào một đề đã bao gồm sáu nghĩa, vì Từ bị cho đến Chân ứng không vượt ngoài nhân quả tự hành, Dược Châu - Ẩn Hiển chỉ là năng sở hóa tha, tức là ngay nơi Trung đạo tách biệt mà nói về sáu nghĩa. Từ “Mà chưa v.v...” trở xuống là trình bày thiếu bốn nghĩa sau có hai: Đầu tiên nói về Chung riêng chia làm hai: Thứ nhất trình bày không có tách biệt. Từ “Chung nghĩa v.v...” trở xuống là chấp nhận có chung. Nếu dùng Biệt Viên đối với Thể dụng quyền thật nói về Bốn Tích, thì căn cứ liễu của nhân nhỏ, Trí đoạn của Đại Giác, cũng có lý còn lại. Từ “Vì sao...” trở xuống nói về thiếu - đủ có hai: Đầu tiên duyên theo Hóa bắt đầu nói về thiếu hụt, bốn thứ quyền thật v.v... nói về ý xuất thế, chỉ ra thành tựu từ lâu xa, lùi lại

bàn về ba nhân rốt ráo trở về bí tạng, lúc mới thành tựu lập giáo chỉ tiếp nhận đại cơ, đã không phải là chung quy cùng tận cho nên thiếu sót ý này. Hai từ “Sở dĩ v.v...” trở xuống là đối với đầy đủ nói về thiếu sót có hai” Đầu tiên đối với Pháp Hoa nói Tiểu ngôn cách với Đại: Kinh bản cựu dịch quyển ba mươi bảy chép: “Khi Xá-lợi-phất ra ngoài rừng Kỳ Viên, không thấy Như-lai biến hóa trang nghiêm tự tại, và phát sanh ý niệm cũng không thích nói, không thể nào khen ngợi, bởi vì người Thanh-văn vượt ra ba cõi”. Đây chính là văn như điếc như câm vì chưa nói vì thực thi quyền, bỏ quyền bày thật. Nói không có Bổn Tích: Hoa Nghiêm lúc đầu nói: “Ở Bồ-đề đạo tràng mới thành Chánh giác”, nay Pháp Hoa chép: “Tất cả thế gian Trời - Người - A-tu-la đều nói nay Phật Thích Ca Mâu-ni sinh ra trong cung họ Thích, cách thành Già-da không xa ngồi nơi đạo tràng đạt được Tam-muội Bồ-đề. Nhưng Ta thật sự thành Phật đến nay trải qua vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức na do tha kiếp”. Đây là văn của Hoa Nghiêm bị phế bỏ. Nói búng ngón tay, tăng hắng: Như phẩm Thần Lực: “Thích Ca Mâu-ni cùng phân thân chư Phật đưa ra tướng lưỡi rộng dài, trên thế gian cõi Phạm, tất cả lỗ chân lông toả ra ánh sáng vô lượng, thấy đều soi chiếu khắp các thế giới ở mười phương, đầy trăm ngàn năm sau đó trở về gồm thâu tướng lưỡi, trong một lúc tăng hắng cùng búng ngón tay, hai âm thanh này vang khắp đến thế giới chư Phật mười phương, mặt đất đều rung chuyển sáu cách, cho đến Đức Phật nói cho các Bồ-tát từ dưới đất vọt lên biết: Các ông từ sau khi Như-Lai diệt độ, cần phải nhất tâm thọ trì đọc tụng giải thích biên chép đúng như lời dạy mà tu hành v.v...” Đây chính là Bổn môn để nhiều lần dẫn dò Bồ-tát dưới đất vọt lên lưu thông kinh, hiện rõ ra thần lực này. Sở nói: “Tăng hắng ấy là tướng của thông suốt lưu loát. Búng ngón tay là tùy hỷ. Bởi biểu hiện ý căn bản xa xôi của Như-lai, đã được thông suốt lưu loát, tùy hỷ với Bồ-tát nghe đối với căn bản xa xôi, tăng thêm đạo giảm bớt sanh. Từ “Nói không có v.v...” trở xuống là đối với Niết-bàn. Nói không nói về căn tánh Tiểu thừa v.v... ấy là không như Niết-bàn nói về người hàng nhị thừa và tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tất cả sẽ thành Phật, cho nên thiếu hai cặp sau. Từ “kế căn cứ v.v...” trở xuống là Lạc có hai: Đầu tiên Đại sư trình bày thiếu sót và đầy đủ có hai: Thứ nhất chính là nói về thiếu sót và đầy đủ. Từ “Vì sao v.v...” trở xuống nói về lý do thiếu hụt và đầy đủ. Nói giáo nhị thừa: Bởi vì quả của Bồ-tát ba tạng giống với nhị thừa, như trong Đại Luận thông thường chỉ ra A-hàm là kinh Thanh-văn mà thôi. Giáo này không thảo nói về Chân của diệu hữu, cho nên thân trí diệt đi không thể nào phát

khởi ứng. Đã không có Chân ứng lẽ nào có Dược Châu v.v... kỳ lạ ư? “Riêng hỏi v.v...” trở xuống là Chương An riêng phân biệt có hai: Đầu tiên chính thức phân biệt chia làm hai: Thứ nhất chất vấn điều ấy, bởi vì sợ người không hiểu Đại sư lập nên nghĩa của chung riêng này, cho nên lập ra chất vấn ấy làm nguyên do của giải thích nêu ra, mới có thể dựa vào trong Chân lập ra chất vấn về chung riêng, bởi vì hai điều này là lý chung riêng. Từ “Riêng đáp v.v...” trở xuống là giải thích điều đó, không dùng Chân để thông đối với Trung đạo biệt, bởi dựa theo ba thừa thông đối với Bồ-tát biệt. Nếu ba tạng ba thừa từ nhân đến quả, có thể dựa vào Chân để thông suốt nói về mười nghĩa. Nay giải thích về Quán Âm cần phải ở tại nhân vị trong nhân Bồ-tát giáo này chỉ có người pháp cầu Phật, bốn thế tử bi, sáu độ phước tuệ, điều phục hoặc, chưa dứt trừ, cho nên không có thể nói về bảy loại như Chân ứng v.v... há chỉ không ở tại bảy loại của Trung đạo hay sao? Cũng chính là chưa có bảy loại của Chân đế. Từ “Sư nói v.v...” trở xuống là chỉ ra ý Sư, chỉ bằng ba tạng riêng luận về Bồ-tát, ba nghĩa trước đây khác đối với nhị thừa, không dựa vào Trung đạo riêng luận về ba nghĩa, ba sanh tô, bộ tuy là bốn giáo, nay đối nghiêng về Tiểu Thừa nói trọn vẹn sáu loại người pháp Trung đạo v.v... chưa khai mở quyền tích và lùi lại thảo luận v.v... do đó không có bốn thứ khác nhau. Bốn là bợ chín, tuy thông hiểu pháp Tiểu Thừa, nhưng chưa khai bày người Tiểu Thừa, giống như hai bộ trước chỉ nói về sáu ý. Năm là từ “Nếu theo v.v...” trở xuống là vị đề hồ có hai: Đầu tiên là Pháp Hoa chia làm hai: Thứ nhất nói về bộ làm sáng tỏ tám ý. Sáu tuy giống như trước nhưng chẳng có gì không khác với Tiểu thừa. Trước là Viên ngăn cách với Thiên, đây là khai Diệu của thô, vì vậy người - lý - giáo - hạnh đều hội về một thừa, quyền - thật - bốn - tích chỉ nổi bật ở tiêu chuẩn này. Nếu dựa theo tự - tha cho đến thiên - viên để nói về quyền - thật thì bộ trước chẳng phải không có. Nay vốn nói về điều ấy là thực thi quyền bỏ quyền bày thật, hội quyền về thật - phước quyền lập thật. Quyền thật này bộ khác quyết không có. Nếu bốn thứ Bốn tích về lý sự - lý giáo - giáo hạnh - thể dụng không riêng gì kinh này, thì các bộ có lẽ có. Nếu mảy trần kiếp trước lúc ban đầu thành Phật mà làm Thật Bốn, khoảng giữa và hôm nay thị hiện thành Phật đều là Quyền Tích. Đây gọi là quyền thật bốn tích. Bốn môn khai bày xong thân này chính là Bốn, Tích Môn đã nói và các bộ bàn luận, đều gọi là Tích, tên ấy bây giờ đã là Bốn Tích. Hai loại này các kinh đều có bàn luận, cho nên nói các giáo không nói đến Pháp Hoa mới nói ra. Từ “Ba đời v.v...” trở xuống nói về Hóa đầy đủ một thời kỳ.

Trong Chương Ngũ Phật trong phẩm Phương Tiện, đều trước thực hành phương tiện sau đó nói về chủng trí, phương tiện tức là bốn thời ba giáo, chủng trí là Pháp Hoa nhất thừa. Vậy thì biết chư Phật hóa độ chung quy ở kinh điển này, Đấng Minh - Ca-diếp sanh ra ở Tịnh độ, cho nên đến Pháp Hoa liền vào diệt độ. Hiện tại Phật Thích Ca xuất hiện ở cõi uế, cho nên nói về Niết-bàn để vì chuộc mạng. Từ “Nếu căn cứ v.v...” trở xuống là Niết-bàn có hai: Đầu tiên trình bày gồm thâu cơ hết. Từng bước hóa độ đến nay đi vào Pháp Hoa là hướng về phía trước đã dần dần, lại có người chưa nhập đời đến Niết-bàn - Pháp Hoa giống như lạnh lợi. Nhưng Pháp Hoa như đánh trận - Niết-bàn như tàn quân, Pháp Hoa là gặt hái - Niết-bàn là thu nhặt, công lao của Đại Hóa ở nơi Linh Thứu. Cơ còn lại chưa hết cho nên đến Song Lâm, hết sức dần dần đã mờ nhạt tám nghĩa Pháp Hoa, cần phải vì người này xoay vần nói về Phật tánh, cơ của một thế hệ rất ráo triệt để ở đây. Từ: Nếu luận v.v...” trở xuống nói ra pháp không gì sót lại, Niết-bàn đã gồm thâu độn cơ, cho nên bắt đầu cùng tận bốn tánh - rất ráo hiển bày cực quả, mười nghĩa chĩnh đốn đầy đủ, cho nên dùng tánh ba lần phát khởi hướng về tu ba loại, đã là tu tánh đều ba thì nhân quả không hai, cả hai chẳng phải duyên liễu, tức là Thể của chánh nhân Trung đạo. Nhưng chánh Thể này chắc chắn đầy đủ đức của song chiếu, cho nên đến tu thành tựu ba điểm Pháp thân. Lệ theo mà biết duyên liễu cũng đều đầy đủ ba tu đức, phải nói rằng ba điểm Bát-nhã, ba điểm Giải Thoát v.v... Nên biết văn này là thuận theo hai nghĩa người và pháp của đề kinh, cho nên lập ra mười Môn trước sau đều là hai, hai chính là không hai - Trung ở tại trong đó, số có thiếu hụt, đầy đủ mà pháp không hề thêm bớt. Vì thế Chỉ quán chép: “Thủ-lãng-nghiêm nêu riêng một pháp, mà đầy đủ tất cả các pháp cũng không giảm bớt, gọi là Bí mật tạng. Cho đến Niết-bàn ba pháp đầy đủ các pháp cũng không nhiều, cũng gọi là Bí mật tạng, vì các kinh đi đến duyên không đồng nhau”.

Từ “Đây trải qua năm vị v.v...” trở xuống là kết ý trong đây. Nói rằng trải qua năm vị này nói về thứ lớp mười pháp. Hỏi: Trước dựa theo quán nói về mười pháp, tự hành - hóa tha ban đầu cần phải kết thúc, thật sự thành tựu thứ lớp sanh khởi không lẫn lộn, nay trải qua năm vị, chỉ trình bày các bộ có đủ bao nhiêu pháp, sao gọi là thứ lớp sanh khởi vậy? Đáp: Trước dựa theo trong quán chính thức nói về thứ lớp tu chứng, nay dựa theo trong giáo mới có thể nói về Dụng và thứ lớp. Trình bày mười pháp đó tùy theo đối với vị của bộ và thứ lớp mang đến cơ, bốn vị ở trước chỉ ba, chỉ sáu, sau đến đề hồ đầy đủ tám, có đủ mười, chẳng lẽ

không phải Dụng và thứ lớp hay sao? Phải biết trước đây nói về thứ lớp quán pháp của các giáo, nay trình bày quán pháp tùy theo thứ lớp giáo, tuy chính là dựa theo Tu - dựa theo Dụng không như nhau, mà đều được gọi là thứ lớp mười pháp.

Từ “Căn cứ bốn giáo v.v...” trở xuống là bốn giáo, nói chung thì tùy Chân tùy Trung đều có mười cặp, nếu Luận riêng, thì ba tạng riêng dựa vào Bồ-tát, chỉ có ba cặp người pháp - Từ bi - Trí tuệ, vì chưa dứt hoặc cho nên không có nghĩa chân ứng v.v... đầy đủ như trước giới thiệu. Cũng như ở đây Thông giáo dựa vào Bồ-tát, mà có thể luận riêng về sáu cặp chân đế v.v... lấy Địa thứ bảy tiếp tục thệ nguyện giúp sự tu tập còn lại, thần thông thác sanh cả hai xoay vần hóa độ chúng sanh, có thể có nghĩa của Chân ứng - Dược Châu - Ấn Hiển. Nhị thừa không có điểm này, cho nên gọi là Biệt. Nếu Biệt giáo đó thực hành tùy thứ lớp, mà có thể căn cứ Trung đạo nói về sáu nghĩa, phàm ba, Thánh ba tướng đó có thể thấy. Trước Pháp Hoa viên cũng chỉ có sáu, bốn giáo Niết-bàn đều biết mười cặp. Nhưng dựa mà lập lại thấy đều tiến tới, trải qua năm vị trước đã hàm chứa giáo nghĩa, cho nên nói có thể hiểu. Từ “Cho nên biết v.v...” trở xuống là kết phần hai ý khen ngợi có hai: Đầu tiên kết thúc khen ngợi, quán luận mười nghĩa này thì nhân có nguyện hạnh, quả có năng lực, giáo luận mười nghĩa này thì luận pháp có trước sau, phủ che toàn bộ căn cơ lợi độn, cho nên người vâng chịu giáo tu quán chẳng ai không căn cứ vào đạo ấy, thương lượng sơ lược hãy còn tính toán. Dùng mười nghĩa này tính toán giáo quán một đời, gồm thấu chẳng gì không hết. Bao gồm cùng cực tu đức cho nên nói ý khí rộng xa, thấu suốt nguồn gốc tánh đức cho nên nói nghĩa vị sâu xa. Lại, ngang thì thấu nhận bốn giáo cho nên nói rộng xa, thụ thì thu nhiếp năm vị cho nên nói sâu xa, người pháp đến chân ứng trước sau của tự hành, dược châu đến bốn tích trước sau của hóa tha, duyên liễu và trí đoạn trước sau của tu tánh, ba nghĩa là thô - sáu nghĩa là tế, cho đến tám nghĩa hãy còn thô - mười nghĩa tế nhất. Đây chính là sơ lược mở rộng để giải thích về thô tế. Nếu dùng thô diệu giải thích thô tế, thì các vị thuần túy hay lẫn lộn có thể theo ý đạt được. Từ “Hỏi pháp v.v...” trở xuống là phân biệt, ý người hỏi: Trước Pháp Hoa nói riêng về Hoa Nghiêm - Phương Đẳng - Bát-nhã đều có sáu nghĩa, có ý gì khác hay không. Tuy hỏi ba vị mà sáu ý đồng khác. Trong trả lời đích thực đưa ra ba trong lục vị và Đề hồ tám. Vì trong năm vị căn cơ có lợi độn, người lợi căn từng phần từng phần được đi vào đề hồ, người độn căn tùy theo vị lần lượt xoay chuyển đổi thay, do đó sáu nghĩa trong Hoa Nghiêm, căn cơ của vua

Cao Sơn lập tức đi vào Địa Trú, cùng tử mê muội buồn rầu kiến tư hoàn toàn đang còn, ba tạng chỉ là Tiểu thừa cho nên không hiển bày được lợi ích to lớn ấy. Hoặc tám muôn chư thiên được vô sanh nhân, vì thế nói là bí mật rời chỗ ngồi. Người nhị thừa đang phá kiến tư, cho nên chỉ thành lạc. Sáu trong Phương Đẳng có khen có chê, người lợi căn nghe rồi khen liền được lợi ích trọn vẹn, người Tiểu thừa bị chê kín đáo đi vào thông môn. Sáu ý trong Bát Nhã đang sàng lọc, lợi căn nghe pháp không rốt ráo đạt được lợi ích bất cộng, Thanh-văn chuyển sanh giáo bí mật phá trần sa. Tám ý của Pháp hoa điều phục cơ đã thành thực, khai bày Quyền Môn kia liền chỉ ra thật lý, lại phế bỏ dấu vết gằn kề khiến cho thấy bốn thân, người độn căn đều đạt được nhất thừa - hàng lợi căn lại tăng thêm thánh đạo. Niết-bàn cùng vị cho nên lược bớt không nói, chỉ vì thu nhật đầy đủ nói về mười cặp, đối với cùng cực độn căn cũng được lợi thường. Vì vậy biết bốn vị tuy nói về viên đốn cơ ngộ sâu cạn, đến thời thứ năm ích lợi buông xuống không sai khác. Không vâng chịu sơn môn làm sao biết tướng của một đời hóa cơ nói giáo. Thứ ba là Giải thích, có ba: Một là sơ lược nêu ra. Hai là từ “Người tức cho đến” trở xuống, là mở rộng giải thích mười nghĩa: Thứ nhất là người pháp - chia ba: Đầu tiên lập ra đối tượng nói về Nhập tức là chủ thể trong Âm. Nói lược về bốn tên gọi, đó là ngã - nhân - chúng sanh - thọ giả, nói đầy đủ thì là mười sáu, tức là ở bốn thứ trên thêm vào mười hai loại của nó, gọi là mạng giả, sanh giả, dưỡng dục giả - chúng số giả tác giả, sử tác giả, khởi giả, sử khởi giả, thọ giả, sử thọ giả, tri giả, kiến giả. Nói giả danh là tự không có thật thể, nhưng mượn năm ấm hòa hợp mà thành, như nắm năm ngón tay giả danh là nắm tay, vậy thì nắm tay do ngón tay mà được - ngón tay chẳng phải nắm tay mà thành, nắm tay như đối với Nhân - ngón tay như đối với Pháp, năng thành là Thật- Sở thành là giả. Giả thật của điều này dựa vào giáo Đại - Tiểu giải thích về Thường - Vô thường. Tiểu thừa nói về người pháp rốt ráo là vô thường, Đại thừa giải thích giả thật rất rõ thường trụ, Như Tạng - Thông giáo, bắt đầu từ phạm địa đến Hữu dư Niết-bàn, đều có giả thật. Nếu đi vào Vô dư thì thân trí đã quên, người giả đâu có nương nhờ? Nếu Biệt - Viên giáo vào lúc ba hoặc hai tử hoàn toàn hết sạch, người và pháp thường trú tự tại. Người giả là chúng sanh tôn quý cùng cực - thật pháp gọi là thường trú năm ấm. Tóm lại, nếu nói hoặc không còn thì người pháp mãi mãi không có, ấy là Tiểu thừa cũng gọi là Quyền giáo. Nếu nói hoặc không còn mà người pháp không thể diệt, ấy là Đại thừa cũng gọi là Thật giáo. Bình thường nói Biệt - Viên - sơ - hậu biết thường, bởi vì biết người

pháp không thể hủy diệt dứt trừ. Tạng - Thông trái lại thế nên nói là không biết. Lại nên biết rằng tên gọi của giả nhân, thường thuận theo y, chánh thật pháp mà lập nên, như người thế gian xưng hô. Hoặc từ hình dung tướng mạo - hoặc từ đức hạnh sự nghiệp, tức là Chánh báo thật pháp lập nên tên gọi. Hoặc từ nơi chốn cư trú - hoặc từ nắm lấy tất cả, tức là y báo thật pháp lập nên tên gọi. Nay Quán Thế Âm là giả danh: Quán là quán trí - Thế Âm là cảnh, đây là chánh báo tự tha há chẳng phải thật pháp ư? Nhưng lấy tên gọi là Bồ-tát Quán Thế Âm, cho nên xếp vào người. Phổ môn đã là thừa của người này, cho nên xếp vào pháp. Nếu nói Phổ môn Pháp Vương Tử Quán Thế Âm, tức là phải lùi lại xếp phổ môn thuộc về người, Quán Âm thuộc về pháp. Bởi lẽ căn cứ vào phẩm này dùng quán trí nhìn người, vì thế cho nên giải thích nghĩa đều dùng trí tuệ mà đối với người. Phải biết Thế quán trí là thật pháp, đã dùng quán trí nhìn người, thì trong chín cặp Từ - Tuệ - Chân - Dực - Minh - Thật - Bổn - Liễu - Trí đều là pháp thật. Gọi là giả nhân, giờ đây biết rồi, giải thích xuống dưới các văn đều có thể nhìn thấy.

Từ “Người này v.v...” trở xuống là giải thích, có hai: Thứ nhất nêu chung chia làm hai: Đầu tiên nêu ra tất cả phàm thánh. Cho dù lậu - vô lậu - thiên - viên - nhân - quả, hơn kém không giống nhau, nhưng giả thật đó rất ráo không hề thiếu hụt. Từ “Nếu sắc v.v...” trở xuống là đều nói về giả thật, có hai: Đầu tiên là phàm, hèn hạ thường nói là phàm - tẻ ác nói là bỉ, tức là lục đạo ngũ ấm chỉ thành con người sanh tử phần đoạn.

Từ “Giới định v.v...” trở xuống là Thánh, có hai: Đầu tiên nêu ra tướng, đã thay đổi phàm trở thành Thánh tức là chuyển ngũ ấm thành năm phần. Ba thừa bốn giáo tuy quyền thật khác nhau, nhưng đều có thể chuyển ấm mà trở thành pháp thân, tùy theo địa vị nắm lấy pháp thành tựu giả nhân. Từ “Cho nên Đại luận nói v.v...” trở xuống là dẫn chứng: Cùng cực địa vị Diệu Giác - hai chấp người pháp rất ráo không còn chỗ nơi, một ngàn giả danh đều thành tựu bốn đức, gọi là Vô thượng chúng sanh, dựa vào hai ngàn ấm mỗi mỗi bốn đức, gọi là Vô thượng thật pháp, do đó Thiên - Tiểu và nhân vị tròn đầy, chẳng qua là bốn tánh người pháp Vô thượng, nhưng hai chấp chưa hết, nên tu đó có thể không gọi là Vô thượng. Hai là “Tuy Không v.v...” trở xuống là dựa theo giải thích, có hai: Đầu tiên là Phàm - Thiện ác làm nhân - người pháp là quả, tất cả nói về ba phẩm đây là dựa theo chung để nêu ra, trong đó biệt nghiệp thay nhau cảm lấy quả chẳng phải toán số có thể đạt tới.

Từ “Bậc Thánh v.v...” trở xuống là Thánh: Tánh đức người pháp chẳng hề thay đổi, chỉ vì tùy cơ giáo môn nêu ra quán, trở nên có Tiểu - Đại - Cọng - Bất cọng khác nhau, cho nên ở trong Thánh phân biệt tướng đó. Trước là Tiểu, có ba: Thứ nhất dựa vào Hữu Môn để giải thích, tức là người pháp quán trong Tỳ-đàm vậy. Nói nhân không - pháp bất không ấy là chẳng phải hoàn toàn không phá bỏ thật pháp, bởi quán hạnh của môn này, lúc phá bỏ giả nhân mà chưa phá bỏ ngũ ấm, tạm thời nói là bất không. Dùng hai không này quán sát trước sau, nhưng tướng trước sau hai đường không như nhau. Nếu quán giả nhân như sừng thỏ hoặc rơi rụng kiến đế liền ở Tu đạo quán sát ấm là vô thường, phá trừ tư hoặc kia. Nếu chấp của người đó tuy bị xua đuổi đến cùng, nhưng kiến hoặc không phá mà lại vượt qua đi vào trong thật pháp đối với ấm sanh ra kiến, tức là phải quán sát ấm vô thường vô ngã. Phá trừ kiến hoặc này, cho nên pháp không, quán sát hai hoặc năng phá, chính là đối với từng đoạn từng đoạn đều có người pháp. Nếu kiến hoặc chưa điều phục tức là người pháp hữu lậu, có thể điều phục kiến hoặc đó tức là người pháp phương tiện, phát chân dứt kết và sanh khởi hữu dư, đều là người pháp vô lậu. Nhưng trong giáo Tiểu thừa không nói đến sanh xứ, nay dựa theo vượt qua giai đoạn cho nên sanh ra ngoài cõi giới. Như Đại luận chép: “Vượt ngoài ba cõi có cõi nước thanh tịnh, Thanh-văn - Duyên-giác sinh ra trong đó, bởi vì Đại thừa nói thân trí không diệt mất, nghiệp vô lậu liên quan sanh ra ngũ ấm kia”. Từ “Nếu không v.v...” trở xuống là dựa vào Không Môn để giải thích, tức là quán Nhị không trong Thành Thật. Thu nhận ấm trở thành người không giống như Hữu Môn câu ngã trong ấm. Ba giả phù phiếm hư huyền mà lại khác với thật pháp sanh diệt, con người đã thu nhận ấm mà có quán sát mới có thể ngay nơi pháp quán sát con người, từ đầu đến cuối giả thật đều phá bỏ. Nói ba giả: Gọi là Nhân thành - tương tục - tương đãi, tên gọi không khác mà nghĩa Đại thừa trở về tiểu thừa. Đại thừa quán ba giả, sanh tức là chẳng sanh lại cũng không diệt. Nay quán ba giả nhân duyên hòa hợp thể tánh không bền chắc, Đại thừa quán như hoa đốm trong hư không, quán đây như khói mây. Từ quán sát-này cho nên thông hiểu đi vào đạo bình đẳng của chân không. Từ “Ngoài ra, hai v.v...” trở xuống là hai môn cũng theo trên để giải thích. Môn vừa có vừa không tức là điều được nói của Luận Côn Lặc. Môn chẳng phải có chẳng phải không chưa biết luận nào. Có người nói: Độc Tử A-tỳ-đàm rõ ý môn này, mà chưa có thể chắc chắn sử dụng. Nhưng giả nhân không có bốn môn là giống nhau, chỉ nói về thật pháp thì bốn tướng có sai khác. Nếu Tỳ-đàm

trình bày phân tích sắc còn ở nơi gần cạnh hư huyền, thành thật phân tích sắc phá đổ ở nơi gần cạnh hư huyền, Côn Lạc giải thích sắc vừa có vừa không. Thứ tư ý môn ví dụ thuận theo cùng bỏ đi. Nhưng bốn môn này giải thích pháp tuy khác, mà đế lý là một. Nếu không đạt được ý bốn môn thì trở thành tranh cãi, cho nên Đại Luận nói: “Nếu không đạt được Bát-nhã phương tiện, đi vào A-tỳ-đàm liền rơi vào trong đó, đi vào Không môn thì rơi vào trong không”. Còn Đại sư nói: “Kể ra còn gần cạnh hư huyền - luận phá bỏ gần cạnh hư huyền, điều này cùng với tà không có làm nhau v.v...” Nếu đạt được ý: Sắc hoặc thô hay là tế, quán sát tóm lại là vô thường vô ngã, phá bỏ kiến ái được đi vào Không bình đẳng, cả hai cũng, cả hai chẳng phải nói tương tự Trung đạo, lý chỉ ở không, nhưng có thể ung dung hội nhập lý không, từng đoạn từng đoạn, người pháp theo như trước có thể biết.

Từ “Ma-ha v.v...” trở xuống là khai triển, có ba: Thứ nhất nói về thể “Không” thông suốt ba giáo. Chẳng nói người pháp không - bất không là, khác với Tỳ-đàm kia lúc quán nhân không, chưa phá thật pháp. Không nói Thể có giả dụng ấy là, khác với Thành thật kia thu nhận thể thật pháp trở thành dụng của giả nhân. Chỉ quán người pháp vốn tự không sanh nay cũng không diệt, sắc là đầu tiên của ngũ ấm - ngã là thứ nhất của mười sáu loại, do đó tất cả nêu lên một, theo đó người pháp còn lại tức là không cho nên nói là Như. Quán sát hai không này bắt đầu là nhân rất ráo là quả. Hoặc là người, hoặc pháp - không sanh, không diệt gọi là Niết-bàn, thường tu quán này để thực hành chánh đạo. Nên biết rằng Đại phẩm nói về nghĩa “Không” hàm chứa sâu cạn thế nào? Nếu người độn căn nói chỉ là “Có trống rỗng”, tức là đi vào “Thiên Không” chứng được lý Thông đó. Nếu người lợi căn hề nghe đối với “Không” biết hai bên “Không”, gọi là nhìn thấy “Không” ở giữa thuộc về hai giáo sau. Lại, “Không” ở giữa này lại chia ra hai loại, xa lìa giới hạn mà hiểu đây là lý Biệt, ngay nơi giới hạn mà hiểu là thuộc về lý Viên. Như-lai trí tuệ phương tiện, khéo léo nói về “Không”, thường phủ kín ba căn đoạn - chứng không giống nhau. Lại nữa, nên biết rằng nghĩa không của kinh ấy tuy thông suốt ba giáo, mà người pháp này chẳng phải hai loại trước, chỉ sử dụng không ngay nơi giới hạn rất ráo, hết sạch hai chấp đó thì thành giả thật trọn vẹn. Nếu không như vậy thì chẳng phải người pháp nay. Hai từ “Dùng quán v.v...” trở xuống nói về duyên, liễu Thông - Biệt - Viên: Trước đây trình bày hai Không mà chưa nói về duyên liễu, ý tuy ở người Viên nhưng Thông có phần, nay dựa theo hai Không trình bày hai Phật tánh, cho

nên ở tại Viên - Biệt không liên quan đến Thông Môn. Nay văn đã lấy quán người pháp không, trình bày hai thứ nhân, một nói đối với không cần phải phân ra hai loại; nếu quán rốt ráo không thì ở nơi người pháp hiển bày trọn vẹn hai nhân, nếu quán thứ đệ không đối với người pháp tức là hai nhân riêng biệt. Văn dùng người pháp Vô thượng làm hạt giống duyên liễu, cũng cần phải hết sức tách biệt, trăm cõi giới giả thật là Phật - Niết-bàn đây là Viên quán. Nếu chỉ có cõi Phật cho nên thuộc về Biệt. Ý văn ở tại người Viên - Biệt có phần. Giải thích điều này chia làm hai: thứ nhất trong liễu nhân, lấy quán người không chính là hạt giống liễu nhân. Quán không của Đại thừa là gột rửa tính hiển bày đức, nay kinh đã dùng trí tuệ nhìn người, cho nên người chấp không thì người trí hiển bày, hướng chi quán bốn không chính là hiển bày bốn trí, bốn trí tức là tánh đức liễu nhân. Do đó dẫn ra văn nói về quả Phật làm chứng cứ, thì nhân quả không hai - tu tánh nhất như. Vì vậy biết văn hiện tại chính là nói về Viên quán. Nói ban đầu giác ngộ người không - rốt ráo giác ngộ pháp không: Người là giác trí, không chỉ tự không đối với chấp người, lại có thể không đối với pháp chấp. Tuy nói trước sau chẳng phải thứ lớp quán, mà đây là căn cứ vào đại thừa quán hai không tánh tướng, phá hai chấp sanh pháp, hiển bày hai đế chân tục, quán tuy không thể thứ lớp mà nói có trước sau vậy. Như Đại Bản Sớ chép: “Chân đế tức là pháp không - tục đế tức là sanh không, tục là giả - chân là thật”. Phụ Hạnh nói: “Nếu chấp tánh có là Thế mà chẳng phải đế, phá tánh chấp của mình mới có thể gọi là Thế đế, cho nên nói Thế đế phá tánh. Tánh chấp phá rồi chỉ có tên gọi, tên gọi là giả - giả tức là tướng, vì tướng không cho nên quán đối với pháp tánh. Quán lý chứng chân gọi là chân đế phá tướng, không chẳng phải trước sau mà hai đế cùng lúc. Bởi vì giải thích tánh tướng trước sau mà nói. Hãy suy nghĩ và suy nghĩ! Không thấy ý này chỉ uổng gọi là “Tức không”. (Trích từ Phụ hạnh). Đây là nói về giác trí trong một niệm, chấp người pháp không - nghĩa có trước sau, đừng mê muội lời này mà xếp vào Biệt, như khi nói không làm, tức là nghĩa này. Hai là trong Duyên nhân quán pháp không tức là hạt giống duyên nhân: Căn cứ vào giác trí cho nên pháp chấp đã mất - ngã ấm thanh tịnh, chính là dùng ấm thanh tịnh mà làm duyên nhân, hơn nữa liễu vốn không chính là ấm vốn tịnh, ấm vốn thanh tịnh gọi là hạt giống tánh duyên. Vì thế dẫn ra cực quả pháp không của Đại Luận - Đại kinh, và nhân chân pháp không của Đại phẩm, để nói lên tướng duyên nhân. Nên biết rằng nhân chân, quả tột cùng đã viên dung mười cõi, thì ngũ ấm trăm cõi đều là pháp vô thượng, thu nhận các pháp này gọi đó là

Phật. Nếu nói theo ba ngàn, thì một ngàn chúng sanh đều là giả danh của Phật, hai ngàn ấm - độ đều là thật pháp của Phật. Vì vậy ngài Kinh Khê nói: “Quả ba ngàn thành tựu đều gọi là thường lạc. Lại nói: “Một Đức Phật thành đạo thì pháp giới chẳng nơi nào không phải y chánh của Đức Phật này, tu đức đã như vậy thì tánh đức vốn như thế”.

Hỏi: Duyên liễu trong văn cùng nói là chủng, nghĩa đó có sai không?

Đáp: Nói là chủng, tất cả có hai nghĩa, một là đối địch nói về chủng, như ba đạo là ba loại đức, hai là tương tự ví dụ nói về chủng, như duyên liễu là hạt giống trí đoạn, tánh đức pháp thân làm hạt giống tu đức pháp thân. Hai loại này đều lấy nghĩa năng sanh. Nếu lấy hai không làm hạt giống thì nghĩa tương tự ví dụ. Nếu dùng hai chấp làm hạt giống tức là nghĩa đối địch. Nay văn đã nói quán người pháp không tức là hạt giống duyên liễu, là tương tự chẳng phải đối địch. Nếu dựa vào giác trí quán sát hai không, làm hạt giống hai nhân, thì chọn lấy tu hai tương tự đối với quả có hai. Nếu ngay nơi tánh đức vốn tự hai không làm hạt giống hai nhân, thì chọn lấy lý thanh tịnh tương tự đối với bản thân mình thanh tịnh. Do đó luận trọn vẹn về tánh - chủng có đối địch có tương tự. Biệt giáo không có hạt giống đối địch nên người học xem xét suy nghĩ. Viên giáo trái với điều đó, người học hãy suy nghĩ. Từ “Vì quán v.v...” trở xuống là nói về hai nghĩa tức, lia chỉ riêng viên đốn, có hai: Đầu tiên dựa theo sáu pháp nêu ra ba nhân, chia làm hai: Thứ nhất là dẫn ra kinh nêu rõ tức ly chúng sanh Phật tánh ấy là ba nhân tánh đức. Sáu pháp là ngũ ấm và thần ngã. Đây là bởi vì bốn giác thường vắng lặng - thường soi chiếu - thường chẳng phải vắng lặng soi chiếu, vắng lặng là duyên nhân, soi chiếu là liễu nhân, cả hai chẳng phải chánh nhân. Ba nhân này đối với sáu pháp không tức không lia, chính là sáu pháp bất sanh bất diệt không thể nghĩ bàn. Lập Môn đã tuyệt diệu, do đó tách biệt sơ tâm không có thể tạo ra các đường. Từ “Bất tức v.v...” trở xuống là y theo lý nói về Tức ly. Chánh nhân bất tức: Chánh chẳng phải lặng chiếu cho nên không tức tất cả. Lúc mê thì bất tức Ngã - ấm - nhân - pháp, lúc hiểu rõ thì không tức liễu duyên. Vì trước sau không biến chuyển thay đổi. Duyên liễu bất ly: Hai nhân tánh đức đã thích hợp mà vắng lặng mà soi chiếu. Vắng lặng là thật pháp trăm cõi - soi chiếu là giả nhân trăm cõi. Giả thật này có thể mê muội có thể hiểu rõ, mê muội cho nên nêu ra Thể mà làm giả thật một cõi giới, tức là chẳng phải hạn cuộc mà lại hạn cuộc, vì thế cho nên hai nhân không xa lia sáu pháp. Nếu chính là mê muội trở thành hiểu rõ chuyển thành duyên liễu trong tu, phá bỏ hai

chấp hiển bày giả thật trăm cõi giới vốn vắng lặng chiếu soi, gọi là hai không, tức là chẳng khắp mà khắp. Do đó nói không xa lìa chúng sanh không, mà có liễu nhân, không xa lìa ấm không mà có duyên nhân. Kết thúc nói không xa lìa sáu pháp: Không động ngã ấm mà thành hai không. Chỉ một giác tánh đầy đủ ba thứ đức, gọi là ba nhân - ngay nơi ba mà một - ngay nơi một mà ba, chẳng phải một chẳng phải khác - không dọc không ngang, muốn sáng tỏ bí tạng thì bật dứt đối với suy tư nói năng, vì thế đối với sáu pháp nói chẳng phải Tức ly. Người thấy trong văn nói chánh nhân bất tức - duyên liễu bất ly, không thấu đạt diệu chỉ thì phân biệt đối đãi mà thôi. Phải biết rằng một vương - một số - một căn - một cảnh, tùy theo mê muội - tùy theo hiểu rõ từ nhân đến quả, chỉ hướng về nêu lên một đều gọi là Phật tánh, không thể nói là đúng - không thể nói là sai. Cho nên nói không tức sáu pháp - không lìa sáu pháp, cũng gọi là một niệm tức không - Giả - Trung. Trung cho nên không chính là - không Giả cho nên không xa lìa, nghĩa chẳng phải khác đường, vì vậy quán này chỉ thuộc về Viên giáo.

Từ “Phật từ v.v...” trở xuống là dựa theo ba tánh nói về phần chứng. Nói Phật từ v.v... là, muốn đối với Quán Âm nói về phần Mãn. Phật đối với ba tánh sáu tức rất ráo đầy đủ. Vì sơ tâm thường dùng ba quán quán sát sáu pháp. Cần phải biết rằng ba tánh chính là ba đức ba quán trong tánh.

Lúc đầu phát tâm cần phải đối với ba tánh khởi lên ba tu. Sáu vị tuy khác nhau mà tánh không tách biệt, vậy thì sáu tức là người pháp Vô thượng, cho nên xuống dưới kết thúc nói: Hai lần hỏi đáp là phân biệt giải thích về người pháp Vô thượng. Từ “Một trước v.v...” trở xuống là văn kết thúc, có hai:

Thứ nhất kết thúc chỉ ra văn kinh. Từ “Nên biết v.v...” trở xuống là kết thúc quy về đề mục có thể thấy.

Hai là Từ bi, có ba: Đầu tiên là nêu ra. Hai từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống là giải thích, chia làm hai: Thứ nhất dựa theo bốn thệ nguyện nói về công lao, có hai: Trước nói phải thệ nguyện, chia là ba: Một là phải thệ nguyện ý. Nói từ bi hoằng thệ: Đơn giản đối với phàm phu tiểu thừa không thệ nguyện từ bi, nói lên Bồ-tát này có thệ nguyện từ bi. Hai là từ “Thí như v.v...” trở xuống là nêu lên thí dụ biểu hiện, từ bi gồm thân chúng sanh như điều tiết công xương hợp lại, không thệ nguyện keo sơn thì dứt trừ và ban cho không lâu dài. Ba là từ “Thệ nguyện v.v...” trở xuống là văn bản thí dụ kết thúc.

Từ “Bi tâm v.v...” trở xuống là bày tỏ vận tâm, có hai: Một là hai

thệ nguyện nói về Bi, nay đã thông suốt chỉ ra thế gian nói bao gồm hai lời, về ba cõi, xuất thế gian sau đó cũng với ví dụ này. Hai từ “Vì từ v.v...” trở xuống là hai thệ nguyện nói về Từ. Trước trong bát khổ - quả nặng mà nhân nhẹ, cho nên trước dứt trừ cái nặng. Nay trong cho vui- nhân hiển rõ mà quả bí mật, cho nên trước ban cho hiển rõ. Đây là tâm lợi ích chúng sanh của Bồ-tát, thì khác với biết khổ - đoạn tập - ưa thích quả - tu nhân Thanh-văn. Nếu trong Anh Lạc trình bày bốn thệ: “Chưa vượt qua khổ để khiến cho vượt qua khổ để, chưa hiểu rõ tập để khiến cho hiểu rõ tập để, chưa yên ổn đạo để khiến cho yên ổn đạo để, chưa đạt được diệt để khiến cho đạt được diệt để”. Bốn thệ của kinh đó đã lập đều là lợi tha, nay văn đã nói ra ba thông suốt tự hành, nên biết rằng nói có tự tha ý chắc chắn đầy đủ cả hai. Hai là từ “Nhưng trước v.v...” trở xuống dựa theo bốn giáo biệt giải rộng về tướng. Vì lập thệ đó thì phải nương vào bốn đế. Nếu không nương theo đế thì gọi là cuồng nguyện, vì sao? Vì bốn đã gọi là đế, thì có thể xem xét thật đế tướng của mê muội hiểu rõ - ranh giới của đau khổ vui sướng. Dựa vào đây phát khởi thệ mới có lý của dứt trừ đau khổ ban cho niềm vui. Nếu đối với pháp không thể tử tử (đế), chỉ có phát khởi tâm ban cho cứu giúp, rốt ráo trở thành nguyện nguyện cuồng giận đơn.

Ở đây có hai: Thứ nhất ví dụ khoa trước. Hai từ “Nếu ba v.v...” trở xuống trình bày bốn giáo dựa vào đế lập thệ. Cần phải biết rằng quyền thật đều có sự lý, cho nên dùng bốn giáo trình bày so với đế tướng sanh diệt - vô sanh - vô lượng - vô tác, đều nói Bồ-tát nương vào phát khởi thệ. Đầu tiên ba tạng giáo này là đối với người nặng về mê muội chân, nói hai nhân quả thế gian và xuất thế gian, không thể chính là chân lý cho nên sanh diệt lẫn nhau. Bồ-tát quán điều này khởi thệ nguyện “hữu tác”, có chúng sanh đáng độ - có hoặc nghiệp đáng đoạn, có pháp đáng biết rõ - có Phật đáng thành tựu, bốn lời thệ đều là hữu tác khiến cho như vậy.

Hỏi: Ba tạng giáo nói về diệt chẳng phải chân đế, nay văn dựa vào diệt, phát khởi lời thệ thứ tư, sao nói lý chân đế vô vi sai rư?

Đáp: Thể của diệt đế là hai Niết-bàn, tuy chẳng phải chân đế mà có thể sâu xa đối với lý, cho nên nói nhân diệt hội chân. Đạo là diệt nhân khổ tập trái với lý, Phật đã khế hợp với chân, cho nên thành Phật thệ quán chân mà phát khởi. Từ “Lại nữa v.v...” trở xuống là Thông giáo, vốn dứt trừ vốn ban cho hai nhân hai quả trên đại thể giống như giáo trước, chỉ vì cơ được che phủ của giáo này mê chân nhẹ nhàng cho nên sự đều chính là lý. Bốn đế hoàn toàn như huyễn không sanh không

diệt, đó gọi là khổ không có tướng ép ngặt, tập không có tướng hòa hợp, đạo không có hai tướng, diệt không có tướng diệt. Quán bốn đế này mà khởi lên bốn lời thệ, đế đã như không thì thệ cũng như huyền. Nói nếu có một pháp vượt hơn Niết-bàn v.v... Đại luận quyển năm mươi trước đó dẫn kinh rằng: “Tâm các Thiên tử nghĩ rằng: Tùy theo hạng người như thế nào lắng nghe những gì Tu-bồ-đề nói ra? Tu-bồ-đề biết ngôn ngữ trong tâm niệm các Thiên tử. Người như huyền nghe pháp vô thính - vô văn - vô tri - vô chứng”. Cho đến nói “Phật cũng như huyền hóa - Pháp Niết-bàn cũng như huyền hóa”. Luận giải thích rằng: “Trong tất cả chúng sanh Phật là bậc nhất, trong tất cả các pháp Niết-bàn là bậc nhất, nghe hai sự việc như huyền này, kinh ngạc và nghi ngờ nói rằng. Tu-bồ-đề nói sai làm người nghe lầm lẫn. Vì thế cho nên lại hỏi Tu-bồ-đề. Tu-bồ-đề nói: Vì hai pháp đều từ vọng pháp mà sanh ra, pháp thuộc về nhân duyên không có quy định thật sự. Tu-bồ-đề suy nghĩ điều này: Nếu khiến cho có pháp vượt hơn Niết-bàn, có thể khiến cho như huyền hưởng chi là Niết-bàn”.

Ba là Biệt giáo: Giáo này vì người mê nặng về Trung đạo, tuy nói về quả vô tác - mà không thông nhân, do đó ban đầu phát tâm chỉ dựa vào vô lượng, vốn giải thích về pháp của sum la muôn tượng, đều vì mê muội đối với tạng tánh Như-lai mà phát khởi. Nhưng tạng tánh này tuy không có đủ chín loại, mà có thể tùy duyên biến đổi tạo ra các pháp. Tánh tùy theo duyên nhiễm thì khởi lên khổ tập vô lượng của thế gian. Tánh tùy theo tịnh duyên thì khởi lên đạo diệt vô lượng của xuất thế gian. Cho nên trong Diệu huyền nói về Biệt giáo Như-lai tạng rằng: Gọi là Diệu Hữu, vì tất cả các pháp mà làm Y trì, từ Diệu Hữu này sinh ra các pháp, nhưng từ khổ tập chắc chắn có thể làm ngăn cách, cho nên phải phân biệt duyên đạo diệt phù hợp mà vượt qua. Trước dùng bốn đế sanh diệt điều phục đối với tất cả các hoặc. Kế đến dùng bốn đế vô sanh dứt trừ đối với kiến ái. Khoảng giữa dùng bốn đế vô lượng phá trừ trần sa. Sau cuối dùng bốn đế vô tác dứt trừ vô minh. Bốn thứ Bốn đế này trong Biệt giáo, đều gọi là vô lượng, cho nên nói: Duyên trong ngoài giới - nhân quả khổ tập - bốn đế vô lượng mà thành lập nguyện. Vì sao như vậy? Vì biết tất cả nguồn gốc của mê muội và hiểu rõ, đều là Phật tánh, tánh vô lượng cho nên để gọi là vô lượng, giáo trước không như vậy cho nên không được gọi tên. Viên giáo tuy có nghĩa vô lượng, cả ba đều chính là thật cho nên nói vô tác.

Bốn là Viên giáo, có hai: Đầu tiên chỉ ra bốn thệ, có hai: Thứ nhất nói về tướng thệ: Pháp giới tức là mười pháp giới. Viên dung là luận

chung trăm cõi - nói riêng thì ba ngàn đã là y chánh của chúng sanh - Phật thì đầy đủ lẫn nhau khắp nơi lẫn nhau, cho nên nói là viên dung. Nói không phải trái v.v... là Dùng tánh quyết định tu - ngàn pháp đều là tánh đâu có tu, không thể mất; Tỳ kheo phá giới không vào địa ngục, hành giả thanh tịnh không vào Niết-bàn, đâu chỉ riêng địa ngục - Niết-bàn chính là tánh ư? Hoặc cũng là phá giới - tịnh hạnh chẳng phải tu, chẳng phải trái- chẳng phải thuận mất đi khổ diệt, chẳng phải tối - chẳng phải sáng mất đi tập đạo. Vì vô minh tối tăm thì trái với các loại: Trên chỉ ra toàn tu chính là tánh vì thế cho nên đều không phải. Nay nói về toàn tánh phát khởi tu vì thế cho nên đều tồn tại. Kinh Khê nói: “Tánh không hề thay đổi - tu thường rõ ràng như vậy, đã quán không trái mà trái, cho nên khởi lên Bi nguyện dứt trừ hai nỗi khổ đó; đã quán chẳng phải thuận mà thuận, cho nên phát khởi từ nguyện ban cho hai niềm vui đó. Do biết pháp giới viên dung, cho nên chẳng phải trái thuận, cũng do pháp giới viên dung, cho nên có trái thuận. Có trái thuận nên phát khởi thế, chẳng trái thuận nên vô duyên”. Từ “Thí như v.v...” trở xuống nói về vô duyên, có hai: Thứ nhất là dụ, không đạt được ý trước thì dụ này không hiểu. Từ “Nay đây v.v...” trở xuống là pháp, chính là dùng ba Từ phân duyên và vô duyên. Nếu dựa vào sanh pháp thì duyên có không, nếu tâm chính là trung mới bật dứt niệm duyên. Vì bật dứt niệm. Mới có thể rộng khắp pháp giới tùy ý vận dụng ban cho hay cứu giúp. Phẩm Phạm Hạnh thứ mười bốn trong Đại kinh ban đầu nói: “Từ có ba loại: 1. Duyên chúng sanh. 2. Duyên vào pháp. 3. Vô duyên. Duyên chúng sanh là duyên với tất cả chúng sanh nghĩ rằng như cha mẹ mình. Duyên vào pháp là thấy tất cả các pháp đều từ duyên sanh ra. Vô duyên là không trụ vào tướng pháp và tướng chúng sanh”. Đại Luận hai mươi cũng nói: “Từ có ba loại: Chúng sanh duyên - nghĩa là duyên với vô lượng người oán, thân, và không oán, thân ở mười phương. Pháp duyên - nghĩa là duyên với La-hán - Bích Chi Phật vô lậu và chư Phật bậc Thánh, phá bỏ tướng ngã của mình, chỉ quán bốn duyên không - năm chúng pháp. Vô duyên là không trụ vào có không, chỉ riêng chư Phật có. Ở đây giống với ý văn Niết-bàn nên đại khái đồng nhau”. Còn Đại Luận thứ năm nói về Bi cũng có ba loại như chúng sanh v.v... cho nên biết dùng ba từ bi để đối với ba đế, nghĩa rất rõ ràng. Nay thuận theo luận nói hơn hẳn chỉ nói vô duyên. Nếu đạt được vô duyên thì chắc chắn đầy đủ sanh pháp. Từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống nói về sáu tức, đều do lý đầy đủ mới có Sự dụng. Nay toàn bộ lý Từ khởi lên năm tu đức, mà Quán Thế Âm chưa đạt đến rốt ráo vẫn còn ở phần chân. Muốn làm cho chúng sanh biết lý

từ bi tu thành tựu năm tức, cho nên dấy lên hai câu hỏi để sinh ra hai câu trả lời, chày thốt đập vào nhau là các đồ dùng thuần phác mộc mạc. Từ “Nếu trước v.v...” trở xuống là kết thúc trở về, có hai: Thứ nhất là kết thúc chỉ ra văn kinh. Hai từ “Cho nên, biết v.v...” trở xuống là kết thúc trở về đề mục, có thể hiểu rõ.



QUÁN ÂM HUYỀN NGHĨA KÝ

QUYỂN 2

Ba là phước tuệ, chia làm ba: Đầu tiên là nêu tên gọi khác, sự thù thắng trong phước không hơn định, nêu lên hơn gồm thâm xấu kém, thì năm độ đầy đủ rồi. hai là từ “Định gọi là v.v...” trở xuống là dựa vào tên gọi để giải thích nghĩa, có hai: Đầu tiên là nêu công năng của hai pháp, có bốn: Thứ nhất công năng của định tuệ. Tĩnh ái quán sách: Do tịch tĩnh cho nên thường yêu quý gồm thâm các hành, do quán chiếu cho nên thường sách tấn các hành. Yêu quý mà không đốc thúc thì tâm sanh ra ngưng trệ, đốc thúc mà không yêu quý thì tuệ phát khởi phân tán. Yêu quý đốc thúc đầy đủ mới có công năng hưởng đến quả. Hai từ “Lặng chiếu v.v...” trở xuống là đức của phước trí. Trí của lặng chiếu: Tức là hai trí quyền thật. Chẳng tối tăm nào không sáng: Tức là không có sự tối tăm của ba hoặc. Phước đức thiền định chắc chắn bao gồm các độ và các thiền đại tiểu. Dùng phước giúp đỡ trí giống như dầu giúp cho đèn. Ba là từ “Cũng gọi là v.v...” trở xuống là xứng với mắt và chân. Hồ thanh lương tức là Niết-bàn. Niết-bàn chắc chắn cần phải đầy đủ ba đức, cực điểm ở tại Diệu Giác, phân chia thông suốt Sơ trú. Bốn từ “Niết-bàn v.v...” trở xuống là tên gọi trang nghiêm, hai nghiêm thuộc về tu - pháp thân là tánh. Tánh có thiếu và đủ, nên làm cho hai tu có khác nhau về chân duyên. Như dưới đây phân rõ.

Từ “Giải thích định tuệ này v.v...” trở xuống là dựa theo bốn giáo giải thích, có hai: Đầu tiên trình bày bốn giáo, Bồ-tát ba tạng giáo tuy nói quán lý, điều phục mà chưa dứt, tạm thời nêu lên các thiền thật sự bao gồm các độ còn lại, phát khởi chân chắc chắn ở tại ba mươi bốn tâm. Nếu Bồ-tát Thông giáo thể pháp xảo tuệ, lý độ trợ giúp, nhân lập tức pháp chân đến Phật mới hoàn tất. Người Biệt giáo tuy tin tâm năng tạo chính là Phật tánh, mà tánh chẳng đầy đủ chín loại vì hoặc che lấp, cho nên cần phải tách biệt duyên hai lý trong chân, phá chung hoặc, vì thế cho nên gọi là duyên tu trí tuệ. Chính là các thiền Tam-muội Tục để trợ giúp hiển bày Pháp thân. Viên giáo nói về tánh ác, hiểu rõ thật

tướng của hoặc tức là năng quán, gọi là quán thật tướng, định cũng như vậy gọi là Thật tướng Định. Lại dùng tên gọi thật tướng hiển rõ thân, tức một mà ba gọi là thân định tuệ, tức ba mà một cùng tên gọi thật tướng. Nếu mê muội tánh ác thì đâu được dự vào hàng sơ tâm. Hai từ “Nay, Viên v.v...” trở xuống là kết thúc chỉ ra đề kinh, có hai: đầu tiên là chỉ ra văn kinh. Nói trí quang chiếu Khổ: Kinh không có văn này, mà có nghĩa đó. Vô lượng chúng sanh gặp phải khổ đau xưng gọi danh hiệu, Bồ-tát lập tức quán sát âm thanh đó nên đều được giải thoát, quán là trí soi chiếu - soi chiếu tức là Quang. Quán Âm diệu trí tức là Thể của chúng sanh ba đường, chúng sanh mê muội cho nên điên đảo mới sanh ra, Quán Âm soi chiếu giải thoát ở nơi này. Liên tiếp dẫn ra văn phát ra ánh sáng trong ba kinh là: Nếu chẳng phải sắc, làm sao có thể nói là phát ra, nếu định là sắc đâu gọi là trí tuệ. do vậy biết sắc tâm thể đó không hai, sắc tánh tức là trí - trí tánh tức là sắc, đâu chỉ riêng Quang như vậy! Tất cả sắc như vậy! Nghĩa Phổ hiện sắc thân chắc chắn có thể biết. Lại lẽ nào chỉ có quả sự mà thực tế còn ở nhân lý, bởi y cứ vào lý đầy đủ mới có Sự dụng. Từ “Bởi vì v.v...” trở xuống là kết thúc quy về đề mục. Bốn là chân ứng, có ba: Đầu tiên là nêu tên gọi chỉ ra nghĩa, hai thân đều có nghĩa của tập tạng, Chân nhóm hợp tất cả, trí tuệ cất giữ ở một tâm, ứng nhóm hợp tất cả, thân thông cất giữ ở một sắc. Sắc tâm không hai tất cả tuệ như một, nói duy sắc duy tâm là ở đây. Hai từ “Nếu khế hợp v.v...” trở xuống đối chiếu phân biệt đúng sai, có hai: Đầu tiên dựa theo pháp chỉ ra, chia làm ba: Thứ nhất thể thật tướng của pháp tức là pháp thân, trí năng khế hợp tức là tự thọ dụng báo thân. Hai thân này nay đều gọi là chân thân. Pháp thân báo thân đã sâu kín thì thường xứng hợp cơ nghi, khởi Ứng thân hơn kém v.v... Hai từ “Thí như v.v...” trở xuống là Dụ, nắm lấy gương dụ cho chứng chân, ngay nơi hình dạng dụ cho khởi ứng. Ba là từ “Chân, ứng này v.v...” trở xuống là kết luận, Tam thiên cùng thể là chân, Tam thiên cùng dụng là ứng, chân ứng này nơi chốn không rời nhau, luận nói không mưu cầu, mà nghĩa hiển bày tôn chỉ hiện tại, các tông phái vốn bàn luận khó tránh khỏi tác ý. Từ “Hoặc như ngoại đạo v.v...” trở xuống là nói người phân biệt, có hai: Đầu tiên phân biệt Tiểu thừa và ngoại đạo, cảnh thiên căn bản hữu lậu không sáng tỏ, cho dù tiểu thừa hiện rõ thân thông cũng không thể nào lợi ích chúng sanh. Đây là phân biệt chẳng phải ứng, “Còn chưa v.v...” trở xuống là phân biệt chẳng phải chân. Nếu người nhị thừa là, tạm thời nêu lên nhị thừa, chắc chắn bao gồm hai giáo và hai Bồ-tát. Theo đúng ý Diệu Huyền, hai giáo Tạng và Thông đều là tác ý thân thông, vì cần

hoại diệt vô thường trú, bốn không thể khởi ứng. Nếu Biệt giáo tiếp dứt hoặc của Thông, Biệt chưa hết, cũng không thể ứng. Cho dù khiến duyên đến vật đều gọi là thô ứng, hoặc sơ tâm Biệt giáo cũng không thể ứng. Sơ địa ban đầu đạt được ba quán hiện tiền, chứng hai mươi lăm Tam-muội vương, pháp thân thanh tịnh vô tư vô niệm, tùy cơ lập tức đối diện, là diệu ứng không thể nghĩ bàn.

Từ “Đại thừa v.v...” trở xuống là chỉ người Viên giáo, có hai: Đầu tiên nói về hai thân. Đắc thật tướng chân: Đích xác nói là Viên trú nghĩa bao gồm Biệt địa. khác với chân không: Gọi chất là chân. Bạc Thánh ứng giống như cùng thể chất của cơ, đã chứng tánh bốn giác của chúng sanh, dùng cơ trăm cõi ứng với cơ trăm cõi, thể vốn không hai lẽ nào có thể khác nhau đôi chút hay sao? Hai từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống là nêu ra sáu tức. Ba là từ “Kinh nay v.v...” trở xuống là kết thúc chỉ ra đề mục của kinh, có hai: Thứ nhất chỉ ra văn kinh. Hai là từ “Bởi vì v.v...” trở xuống là kết thúc đề mục.

Năm là Dược châu, có ba: Đầu tiên nêu tên gọi là chỉ ra giáo. Kinh Nại Nữ: Nói đầy đủ là Kinh Phật nói Nại Nữ Kỳ Vực, một quyển. Nại nữ là người con gái sinh ra dưới cây Nại nhà Phạm Chí nước Duy-da-Ly, nhan sắc xinh đẹp nổi tiếng truyền đi các nước xa, do đó vua Bình Sa đến đính hôn, về sau sanh ra một người con trai tên là Kỳ Vực, lúc sanh tay nắm ống kim túi thuốc, đến năm tám tuổi ông thông suốt rất nhiều y thuật, đi khắp nơi chữa bệnh. Sau đó gặp đứa trẻ gánh củi, Kỳ Vực nhìn thấy, xem tất cả ngũ tạng - ruột - dạ dày đứa trẻ này, tâm Kỳ Vực nghĩ rằng: Bản thảo kinh nói có cây thuốc chúa, từ ngoài rọi vào trong nhìn thấy phủ tạng con người. Trong củi đứa trẻ này chẳng lẽ không có cây thuốc chúa hay sao? Tức thì hướng đến hỏi đứa trẻ, bán củi được mấy đồng tiền? Đứa trẻ nói: Mười tiền, bèn trả tiền lấy củi. Dỡ củi xuống đặt trên đất tối tăm không nhìn thấy trong bụng. Kỳ Vực nghĩ: Không biết trong bó củi cây nào là thuốc chúa thật? Bèn tháo hai bó củi chọn lấy từng cây một rồi áp vào bụng đứa trẻ, không hề soi thấy gì, bèn lại tiếp tục chọn lấy. Như vậy hết hai bó củi. Rốt ráo có một nhánh nhỏ, cắt dài hơn thước, thử chọn lấy để soi thì nhìn thấy đầy đủ trong bụng. Kỳ Vực rất vui mừng, biết nhánh nhỏ này chắc chắn là thuốc chúa, tất cả củi trả lại cho đứa trẻ, đứa trẻ đã được tiền mà củi lại như cũ, vui sướng mà đi. Kỳ Vực trở về nước chữa bệnh cho mọi người khắp nơi, đều dùng thuốc chúa soi chiếu coi xét, thấy hết nguồn gốc của bệnh, sau đó chữa trị chẳng có người nào không khỏi bệnh. Nay lấy thí dụ chân thân dứt trừ đau khổ, như thuốc chúa chữa trị bệnh tật. Châu là vật báu như ý:

Như trong Hoa Nghiêm được ma-ni châu sửa trị trong sạch mười loại, có thể mưa xuống các thứ báu. Nay dùng dụ cho ứng thân ban vui, như mưa báu của ngọc ma-ni. Từ “Rộng trải qua v.v...” trở xuống là dựa theo giáo phân rõ năng, có hai: Đầu tiên sơ lược chỉ ra, có ba: Tùy theo giáo cạn sâu mà lợi ích chúng sanh có rộng hẹp, theo đó nói về tướng trị bệnh được vật báu. Hai từ “Nay xét theo v.v...” trở xuống là mở rộng trình bày Viên giáo, có hai: Đầu tiên giải thích hai thân, có hai: Thứ nhất Được thọ thân, chia làm hai: Một là Dụ, rể sâu dụ cho chân diệu, phân bố bốn phía dụ cho ứng rộng rãi chỉ ra giáo - lý - hạnh - quả, như thứ lớp rể v.v... tìn hạnh tu bốn thứ như nghe được lợi ích, pháp hành tu bốn thứ như tiếp xúc được lợi ích. Hai là từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống là Pháp. Đoạn đầu phẩm này chuyên nói về dứt trừ đau khổ, tức là Đại bi xông ướp cho chân thân, cùng với nghĩa trị bệnh như nhau. Hình thành lợi ích chúng sanh tạm thời nói theo Thông giáo mà nói. Nếu căn cứ vào văn kinh cần phải ở tại lợi ích ngầm kín, không dùng hình thành kết hợp nghe và tiếp xúc ở trước, ý cũng ở nơi này. Từ “Lại như v.v...” trở về sau là thân Châu vương, chia làm hai: Một là Dụ, như văn. Hai là từ Bồ-tát v.v...” trở xuống là Pháp, tức là dùng Đại từ xông ướp cho ứng thân, làm cho rộng khắp được vui sướng, cùng với nghĩa vật báu như nhau. Hỏi: Đại Bi xông ướp Chân thân - tướng đó như thế nào? Đáp : Chân là diệu trí thường phá trừ vọng hoặc, Bi gọi là thương xót thường dứt trừ khổ đau cho người khác, cùng là một Dụng thanh tịnh của pháp thân mà thôi. Muốn soi chiếu sáng tỏ lý có ích về lợi tha, cho nên xây dựng Bi dứt trừ khổ xông ướp cho trí phá trừ mê hoặc, tức là hiển bày trí có Bi, rộng khắp trừ bỏ nỗi khổ vọng hoặc của chúng sanh, cũng như đối với đại từ xông ướp ứng thân ban cho niềm vui, cùng là một dụng tự tại của pháp thân. Một dụng hai năng, cho nên có nghĩa của năng huân - sở huân, bởi vì ứng thân vốn là pháp tự hành chứng đắc, dùng từ xông ướp cho nên mới lợi ích khắp nơi cho người khác. Vậy thì từ tâm chẳng phải không xông ướp chân thân, Bi tâm chẳng phải không xông ướp ứng thân, chân thân chẳng phải không ban cho niềm vui, ứng thân chẳng phải không dứt trừ khổ đau. Muốn cho dễ dàng hiểu rõ, vì thế cho nên văn kinh nhờ vào hai lần hỏi đáp, phân biệt mà nói ra vậy. Hai từ “Đây cũng v.v...” trở xuống là phân rõ sáu tức, bác địa đã đầy đủ lý của hai thứ trị bệnh và mưa báu, không khác với Phật, từ danh tự trở lên tùy cạn - tùy sâu, năng điều trị - năng rưới mưa. Từ “Theo như trước v.v...” trở xuống là kết thúc chỉ ra đề mục kinh, có hai: Đầu tiên chỉ ra văn kinh. Từ “Cho nên, biết v.v...” trở xuống là kết thúc đề mục.

Sáu là minh hiển, có ba: Đầu tiên giải thích tên gọi. Từ: Đại Thánh v.v...” trở xuống là giải thích tướng, Đại Thánh thường dùng chân trí kín đáo xông ướp, diệu sắc hiển bày che phủ, vô minh ngăn cách cho nên lợi ích mà không biết.

Từ “Thí như v.v...” trở xuống là nêu ra thí dụ, hai chiếu sáng dụ cho hai lợi ích, người mù dụ cho vô minh, phàm phu tiểu thừa đều còn phân cách ở hạ địa, màng mắt đã có khác nhau về dày mỏng, tướng không thể nhìn thấy thì không thể suy đoán như nhau. Thứ ba là từ “Cho nên, Phẩm được thảo dụ nói v.v...” trở xuống là dẫn chứng, ba cỏ - hai cây đều không biết mặt đất như nhau - cơn mưa như nhau, dưới không lường nổi trên cũng là người Thông giáo - Viên giáo, cho nên dẫn ra Diệu đức không biết Diệu âm. Nói vì không biết cho nên gọi là lợi ích ngấm kín: Đây là trình bày hai thân đối với người không biết, đều gọi là lợi ích ngấm kín, tức làm sáng tỏ chân ứng ở nơi người biết điều đó, đều gọi là lợi ích hiển bày. Phát khởi trí nhìn thấy lý đối với chân hiển bày lợi ích, thấy thân mà không biết chỉ chịu ơn lợi ích ngấm kín, chân ngấm kín - ứng hiển bày có thể dùng ý suy nghĩ. Từ “Đây cũng v.v...” trở xuống là nói về sáu Tứ. Lý giống như cực Thánh cho nên không nói đến, danh tự chính là người vốn có trí hành bao gồm ích lợi cho người, bầy phượng tiện kia thọ nhận mà không biết, hưởng chỉ trong ngoài gồm hai lợi ích chẳng phải nhỏ bé, đều biết chính là tánh cho nên xa lìa ngã năng. Thứ ba là Từ “Nếu căn cứ v.v...” trở xuống là kết thúc chỉ ra, có hai: Đầu tiên chỉ ra văn kinh. Trước đây nói về chân ứng đều có ẩn hiển, đây là dùng hết lý, nay dùng người pháp tách biệt đối chiếu hai lợi ích, tạm thời thuận theo văn như vậy. Hai từ “Cho nên v.v...” trở xuống là kết thúc đề mục.

Bảy là Quyền Thật, có ba: Đầu tiên là giải thích tên gọi, tạm thời sử dụng thì quyền là thích hợp, chẳng phải tạm thời tức là rốt ráo. Hai từ “Tóm lại v.v...” trở xuống là phân rõ tướng, có hai: Đầu tiên nói chung về ba loại, chia làm hai: Thứ nhất nêu rộng ba loại, tức là chỉ riêng tự - chỉ riêng Tha và tự tha giống nhau. Theo các kinh luận đã nói về quyền - thật, tướng đó không như nhau, hoặc nói tự hành có quyền - có thật, hoặc thừa nhận hóa tha có quyền - có thật, hoặc kinh luận giải thích pháp của tự hành đều gọi là thật, pháp của hóa tha đều gọi là quyền. Vì thế cho nên tông phái này hễ nói về quyền thật, thì phải nói về ba loại này. Nếu không như vậy, người vâng chịu học hỏi, thì không biết tất cả tướng của quyền thật, đối với các kinh luận không tránh khỏi sinh ra nghi ngờ. Lại cần phải biết rõ pháp tướng quyền thật, hoặc dựa

theo lý sự hoặc dựa theo lý giáo, giáo hạnh trói buộc hay thoát khỏi nhân quả thể dụng, tiệt đốn mở ra hay hợp lại tất-đàn chung riêng, đều thông suốt tự - tha và tự tha chung nhau. Nay đối chiếu trung quán với hai quán làm quyền thật, tựa như lấy nhân quả mà phân rõ ba loại, tự tu ba quán là tự hành quyền thật, nếu dựa theo hóa tha thì chỉ thuận theo ý người, lúc bốn tất-đàn thích hợp không có thể chắc chắn phân định. Nếu loại thứ ba tự hành ba quán, có quyền có thật, vì thuận theo trí cho nên chỉ gọi là thật, pháp của Hóa tha tuy có quyền thật, vì thuận theo tình cho nên chỉ gọi là quyền. Hai từ “Dùng ba nghĩa này..” trở xuống là trải qua khắp các giáo, có hai: Đầu tiên sơ lược chỉ ra bốn giáo, tùy giáo cạn sâu nói về các lý - sự, dựa theo tự - dựa theo tha và tự tha chung nhau, nghĩa đều không thiếu sót. Hai từ “Lại theo v.v...” trở xuống là nói đầy đủ sáu tức, sáu thông suốt ba giáo tức là chỉ ở Viên giáo, lại dựa vào tự hành, trình bày sáu quyền thật từ nhân đến quả, nghĩa rất thuận tiện. Từ “Tím ý phẩm này v.v...” trở xuống là Biệt dụng thứ ba, lần hỏi đáp trước có quyền thật, bảy nạn - hai câu ở quyền, xa lìa hẳn ba độc là thật. Vì do Đại sĩ sử dụng hướng về tự hành một tâm ba quán, quán sát âm thanh đó khiến cho đều được giải thoát, vì thế đều xếp vào thật. Lần hỏi đáp sau, thân mười cõi nói pháp hiển hiện có quyền thật. Vì Đại sĩ này tùy căn cơ sai khác thị hiện các loại ứng, cho nên nhìn thấy xếp vào quyền. Đây chính là phân định hướng về Tự hành - Hóa tha để làm Quyền Thật không có lần thứ ba, làm thế nào phân kinh hai đoạn mà đối chiếu quyền thật? Ba là từ “Lần hỏi trước v.v...” trở xuống là kết thúc quy về, có hai “Trước là kết thúc chỉ ra văn kinh, trước sau đều nói tự hành - Hóa tha ấy là phân tích chỉ Tự hành - chỉ hóa tha quyền thật, ý nói: Lần trước là Tự - Tha thật của tương đối, lần sau là tự - tha quyền của tương đối. Hai từ “Cho nên, biết v.v...” trở xuống là kết thúc quy về đề mục.

Tám là Bốn Tích, có ba: Đầu tiên là danh nghĩa, Tịnh Danh Huyền Nghĩa chép: “Bốn Tích: Bốn là lý của sở y, Tích là sự của năng y, sự lý kết hợp nói cho nên gọi là Bốn tích. Ví như người dựa vào trú xứ, thì có dấu vết đi đến. Trú xứ là sở y, người thường dựa vào có dấu vết đi lại, do xứ có dấu vết - tìm dấu vết được xứ. Nên biết rằng hoặc là cao hay thấp thật sự đạt được đều là Bốn, hoặc cao hay thấp ứng hiện đều là Tích. Hai là từ “Nếu liên thông v.v...” trở xuống là giải thích, có hai: Đầu tiên chung cả phạm tiệt, người thế trí cao có nhiều phương cách thực hiện, chỉ thấy tông tích mà chẳng biết bốn ý, hai giáo Thánh hiền đến địa vị tương tự Biệt giáo, vốn đã chứng đạt được mà địa vị phía dưới

làm sao biết rõ, từng đoạn đều có thể thông suốt nói về Bốn tích. Hai là hạn cuộc Viên Thánh, có hai: Đầu tiên hạn cuộc phần mãn, có hai : Thứ nhất chỉ ra sơ lược, đích thực nói về bốn đó, phải phá trừ vô minh chứng đạt thể của pháp thân, Tích chỗ lưu truyền hoặc thân của chín cõi giới hoặc hiện rõ tám tướng. Từ “Nếu một hương v.v...” trở xuống là phân biệt phân định, có hai: Đầu tiên chọn cùng hương (nhất vãng). Hai từ “Nay nói kỹ v.v...” trở xuống là chọn lấy tinh tế mà nói, có hai: Đầu tiên dựa theo nghĩa mà nói, có hai: Thứ nhất là nói về Bốn tích thông suốt cao thấp, nếu biết rõ bốn câu giải thích mới hết. Một - Bốn thấp Tích cao, sơ trú pháp thân Tích là tám tướng, địa vị trên Bồ-tát, tám tướng vốn là oai nghi bậc Diệu giác, cho nên nói Tích cao. Hai là Bốn cao Tích thấp, Diệu giác pháp thân Tích là địa phía dưới và tướng chín cõi. Ba là đều là cao, Diệu giác pháp thân tích là tám tướng. Bốn là Tất cả là thấp, Sơ trú Pháp thân Tích là chín cõi. Trong đây bốn mươi địa vị Bốn Tích cao thấp, có thể lấy ý biết rõ. Từ “Vì sao v.v...” trở xuống là nói thật có thể phân rõ đúng sai. Từ “Cho nên, phẩm Thọ lượng v.v...” trở xuống là dẫn văn chứng minh, tự ý là Bốn, tha ý là Tích. Từ “Căn cứ bốn v.v...” trở xuống là tất cả sáu tức, năm địa vị Bốn tích lý đều đầy đủ. Ba từ “Xét theo trước v.v...” trở xuống là kết thúc quy về, có hai: Đầu tiên chỉ ra văn kinh, trước dùng thật Bốn lợi ích cho người, sau dùng tùy Tích làm lợi ích cho người. Hai từ “Cho nên biết v.v...” trở xuống là kết thúc đề mục.

Chín là Duyên liễu, có ba: Đầu tiên nêu rõ danh nghĩa, có ba: Trước nêu danh nghĩa, danh nghĩa tu tánh này đều như vậy. Từ “Liễu tức là v.v...” trở xuống phân rõ phẩm loại, tương tự đến cực quả, từng đoạn từng đoạn tên gọi khác nhau mà thể đó chẳng khác. Từ “Đại luận v.v...” trở xuống là dẫn luận giải thích. Tướng của duyên liễu thật sự giống như làm cỏ và trồng cây, không có hai năng lực này thì ruộng tánh không dồi dào. Từ “Chung luận v.v...” trở xuống là dựa vào giáo giải thích, có hai: Đầu tiên các giáo đều có đủ, nghĩa Tạng giáo Thông giáo thành lập hoàn toàn trái với tánh chủng. Biệt giáo tuy có sơ tâm biệt tu, mà chỉ có tu tánh không hai của Viên giáo, tuy nói đều có đủ nhưng phải phân rõ sự khác nhau này. hai từ “Nay chánh v.v...” trở xuống là hạn định dựa vào Viên giáo luận, có hai: Đầu tiên hạn định phân rõ hai nhân, có hai: Thứ nhất nói về hai thứ nhân quả, trong hai nhân này tạm thời ở tại chủng loại tu. Từ “Vốn nhân quả này v.v...” trở xuống bàn về căn bản của hai loại, có ba: Đầu tiên là nói chung về tánh đức, nhân quả trước còn ở trong tu, nay cùng tận nguồn gốc đó thì

tánh có đủ duyên liễu. Kinh Tịnh Danh chép. “Tất cả chúng sanh vốn có tướng Niết-bàn không thể diệt trở lại, vốn có tướng Bồ-đề không thể đạt được trở lại”, Khởi Tín luận trình bày hai đức chân như, nói rằng Như thật không - Như thật bất không, nên chỉ ra rõ ràng tam thiên tức là không - Tam thiên tức là Giả, đều là văn nói tánh đức duyên liễu. Từ “Đại kinh v.v...” trở xuống tách biệt dẫn ra văn giải thích, có hai: Đầu tiên dẫn chứng giải thích Liễu nhân, không nói về tam thiên uổng hiểu tất cả, chẳng phải Không - Giả - Trung thì đừng phân rõ tự không, tánh không như thật cùng với tất cả nhiệm vốn không tương ứng. Tất cả nhiệm: không ra ngoài ba hoặc, tự chẳng phải tánh vốn có tức không - Giả - Trung, há có thể không thích ứng với tất cả các nhiệm hay sao? Chính là rốt ráo không là tánh liễu nhân, cũng sử dụng các loại ấy, toàn tánh khởi tu mới thấy vốn có không. Từ “Lại nói v.v...” trở xuống là chứng cứ giải thích duyên nhân. Kinh chép: “Chúng sanh chính là tướng Bồ-đề và tướng Niết-bàn”, hoặc nói rằng “Trong lý có đầy đủ công đức của Phật”. Văn nay là chúng sanh có vị thiên của sơ địa và định diệt tận, há chẳng phải tánh đầy đủ pháp của Thiên - của Thanh-văn hay sao? Đã có đủ hai pháp này, các pháp của cõi khác làm sao không đầy đủ? Lại người đầy đủ hai định, nói theo hai loại tập quả và báo quả, há không cùng đầy đủ các tánh tướng hay sao? Không lấy lý đầy đủ mà hiểu rõ văn này, làm thế nào mong muốn gạt bỏ cho là diệt định, tánh đức duyên nhân chứng nghiệm ở đây. Từ “Dùng hai loại này v.v...” trở xuống là y tánh lập tu. Dùng hai loại này làm tánh chủng. Phương tiện v.v... là trí hành. Đầu ngọn lông ấy là loại chủng. Căn cứ vào loại tánh này, tu thành tựu trí hành cho đến hai nghiệm. Từ “Một khoa này v.v...” trở xuống không nói về Sáu tức. Ý chính của khoa này chỉ nói về Lý tức mà không luận đến năm vị. Từ “Hỏi trước v.v...” trở xuống kết thúc có đề kinh, chia làm hai: Đầu tiên chỉ ra văn kinh, trình bày hai nghiệm hiện tại cần phải có nguồn gốc đó, cho nên từ hai thứ mà được tên gọi. Từ “Cho nên biết v.v...” trở xuống là kết thúc đề mục.

Mười là Trí Đoạn, có hai: Đầu tiên là nêu ra sơ lược. Hai từ “Lối chung v.v...” trở xuống là mở rộng giải thích, có hai: Đầu tiên không hai mà hai là trình bày trí đoạn, chia làm hai: Đầu tiên dựa vào đường lối chung nói về hai đức. Nói đường lối chung, ở đây giải thích bao gồm cả Biệt giáo, lấy hữu vi - vô vi đối chiếu với trí đoạn. Nếu chỉ nói riêng Viên giáo, khổ tập còn vô tác - trí đức chẳng lẽ là hữu vi? Nhưng tên gọi tuy dựa vào Biệt giáo mà ý đó chỉ riêng ở Viên giáo. Bởi vì khéo tu ba quán được thành tựu trọn vẹn công lao đoạn đức. Lúc nhân lập ra điều

này có thể đến quả cần phải nghỉ ngơi, cho nên lấy hạnh vô tác tạm thời đặt ra tên gọi hữu vi. Đoạn đức gọi là vô vi tách biệt từ địa vị sau đạo, đây hãy còn lập ra giáo đạo, vì thế cho nên nói là “lối chung”. Văn này tự có hai: đầu tiên trí đức, có hai: Thứ nhất nêu ra tên gọi khác. Viên tịnh v.v... là trí cao nhất Viên - hoặc không còn cho nên Tịnh, bất sanh bất diệt gọi là Niết-bàn. Từ “Nói hữu vi v.v...” trở xuống là giải thích hữu vi. Trí tuy vô tác mà có công lao chứng đoạn, cho nên dựa vào Biệt giáo lập ra gọi là Hữu vi. Nhân tuy vô thường v.v... Trong kinh Niết-bàn chép: “Bởi vì người ngoại đạo chấp nhân là thường trở thành quả vô thường, Đức Phật sử dụng Biệt giáo dùng Nhân vô thường cảm quả thường trú, mà đối phá trừ, cho nên nhân vô thường còn ở Biệt giáo”. Dem nhân đến: Do hoặc chưa dứt cho nên khởi trí soi chiếu, một phần hoặc diệt đi thì một phần trí quên mất, do đó trí vô thường. Đã có dụng của soi chiếu nên gọi là hữu vi, quả đã không còn hoặc xứng với lý thường trú, trải qua vô vi tác, dem nhân gọi là quả vì thế khiến cho trí nhận được đầy đủ tên gọi hữu vi. Từ “Đoạn tức v.v...” trở xuống là đoạn đức, có hai: Đầu tiên nêu ra tên gọi khác. Giải thoát: không trói buộc gọi là Giải, tự tại là thoát, ở chỗ nhiễm mà không nhiễm gọi là giải thoát. Phương tiện v.v... Cơ phát sanh thì sanh ra, là sanh bất sanh, cơ diệt đi thì diệt, là diệt bất diệt. Quyền biến chỉ ra sanh diệt không bị đắm nhiễm chướng ngại, cho nên Niết-bàn này gọi là phương tiện tịnh. Từ “Nói vô vi v.v...” trở xuống giải thích nghĩa của đoạn, có hai: Đầu tiên phân biệt tiểu thừa, không biết ba loại thế gian thường trú, cho rằng phiền não diệt đi thì không có thân tâm, sao có thể tự tại gọi là Vô thế đoạn, chỉ giải thoát kiến tứ luống dối, chưa đạt được tam thiên ba đế tự tại. Từ “Đại thừa v.v...” trở xuống nói về Đại thừa, có hai: Đầu tiên đích thực nêu ra, ba giải thoát bậc Diệu giác gọi là Hữu Thế Đoạn. Nói đoạn là tùy ý vận dụng đoạn. Đã có trí đức hiểu rõ ba hoặc không, cho nên ở nơi chín đường ác tự xa lìa lẫn nhau. Tâm chúng sanh như tay bôi keo tiếp xúc vật không đều dính lại, tâm của chư Phật như tay rửa sạch sẽ tiếp xúc với vật không dính mắc, đã có nước trí rửa sạch keo đó, khiến cho dụng được thanh tịnh tự nhiên không dính mắc. Trí và đoạn đức này nói có thứ lớp, sử dụng không trước sau. Bởi vì tam thiên pháp rất ráo tức không, tên gọi trí đức này. Pháp tam thiên rất ráo tức Giải, là đoạn đức này. Pháp của tam thiên rất ráo tức Trung, là pháp thân đức. Đạo tiền đạo hậu đều là một tâm, Thông giáo còn là song lưu, viên quả lẽ nào tương đương phân cách? Từ “Cho nên, Tịnh Danh v.v...” trở xuống là dẫn chứng, chứng minh Hữu Thế Đoạn, thấy nhận

chịu nghiệp báo toàn thể chính là pháp môn tánh ác. Như gia nghiệp bầy bấu của người giàu sang, phạm phu sanh ra mù lòa chuyển động vương vít trở ngại, làm tổn hại vật báu, nhị thừa bệnh sốt cao thấy là con quỷ hung dữ trốn chạy rất xa, mắt người Viên giáo không mù không bệnh, thấy rõ ràng là vật báu tự nhiên sử dụng mang cho, chẳng những tiếp xúc không bị làm tổn thương sợ hãi, mà tự mình có thể dùng vật này cung cấp giúp đỡ người khác. Đối với chứng cứ này lý gọi là Tự cấp, lấy điều này lợi ích cho vật tức là Huệ tha. Đoạn đức hiện tại chính là ở Huệ tha. Những điều này đều do thể đạt, tu ác tức là tánh ác, nay trình bày địa vị rốt ráo thể đạt. Từ “Tịch mà v.v...” trở xuống là dựa theo lạng chiếu mà phân biệt phi đức. Thường trú lạng chiếu diệu sắc diệu tâm, mới gọi là tướng trang nghiêm của trí - đoạn, tiểu thừa đoạn diệt thân, trí đều quên, lấy gì mãi mãi cứu độ chúng sanh, lấy gì thường soi chiếu lý tịch lạng? Từ “Như thế v.v...” trở xuống là hai mà không hai - nói về ba đức, có hai: Đầu tiên dựa theo ngay nơi ba nói về lý cao nhất, có hai: Đầu tiên nói về hai, ba không khác, mà tịch lạng mà soi chiếu chính là trí - đoạn, chẳng tịch lạng chẳng soi chiếu tức là pháp thân. Hai đức đã cùng tận thì pháp thân là cao nhất, cũng gọi là rốt ráo ba thứ Phật tánh. Hai từ “Pháp thân v.v...” trở xuống là nói nhân quả không khác nhau, có hai: Đầu tiên tách biệt nêu ra ba pháp nhân quả, có hai: Thứ nhất pháp thân ẩn hiển. Thể của một đức Pháp thân chẳng phải nhân quả, nhưng có ẩn hiển, đây là vì duyên liễu nghịch thuận. Duyên liễu trái ngược tánh mà trở thành hoặc nghiệp, cho nên khiến chánh nhân chẳng phải ẩn mà ẩn, gọi là Như-lai tạng. Duyên liễu thuận theo tánh nên trở thành trí đoạn, vì thế khiến cho chánh nhân chẳng phải hiển mà ẩn, gọi là pháp thân. Tuy có ẩn hiển mà thể không hề thêm bớt, cho nên Đại kinh chép: “Chẳng phải nhân - chẳng phải quả”. Từ “Lại nói v.v...” trở xuống là hai đức tu - tánh, nhân này chẳng phải quả còn gọi là Phật tánh, Phật là quả xứng gọi, há chẳng phải quả pháp mà là nhân chủng hay sao? Quả này chẳng phải nhân lại gọi là Phật tánh, tánh là nhân xứng hợp, há chẳng phải người pháp làm quả đức hay sao? Không dùng tu tánh duyên liễu để hiểu, văn này làm sao giải thích? Từ “Phật tánh v.v...” trở xuống chung chỉ ra ba pháp nhân quả, có hai: Đầu tiên dựa theo nghĩa bày tỏ, trước đây tuy nhân quả chính là lẫn nhau - chẳng phải lẫn nhau, mà đều gọi là Phật tánh, nghiệm xét biết rõ duyên liễu thông suốt nhân - thông suốt quả. Lại nói: Phật tánh chẳng phải nhân chẳng phải quả, bởi vì chánh nhân không tức Ngã ấm, do đó nói rằng chẳng phải nhân, duyên liễu không lìa Ngã ấm, cho nên nói đều là

nhân. Không tức do đó ở một điểm ở phía trên, không lia cho nên hai điểm ở phía dưới. Vì thế cho nên tánh ba mà không dọc không ngang. Lại nữa, chánh nhân không tức trí đoạn, cho nên nói chẳng phải quả, duyên liễu không lia trí đoạn, do đó nói chính là quả. Không tức cho nên một điểm ở phía trên, không lia cho nên hai điểm ở phía dưới. Vì thế cho nên quả ba mà không dọc không ngang. Do đó biết ba diệu thông suốt nhân quả, mới được gọi là tu tánh không hai. Từ “Cho nên Phổ Hiền Quán v.v...” trở xuống dẫn văn chứng minh, không thấu đạt ba diệu trước sau bao gồm liên tục, Phổ hiền quán văn có thể hiểu như thế nào? Từ “Trí đức v.v...” trở xuống lại dựa vào hai loại phù hợp văn kinh, nếu không phải là trí đức thường soi chiếu, sao có thể chính là xứng hợp - chính là thoát khỏi? Nếu chẳng phải đoạn đức điều hòa khắp cả, sao được thân giảng nói ứng với khắp nơi? Từ “Hỏi đáp trước v.v...” trở xuống là kết thúc quy về. Có hai: Đầu tiên chỉ ra văn kinh. Từ “Cho nên, biết v.v...” trở xuống là kết thúc đề mục. Từ “Hỏi mười loại nghĩa v.v...” trở xuống là nêu văn để chứng minh, có hai: Đầu tiên dựa văn không có lập nên chất vấn, thu nhận so với văn khác lập nên tổng mục đó, giải thích mười nghĩa về tên gọi của đề trích từ kinh khác, kinh này hoàn toàn không có văn này, sao tên gọi thu nhận tách biệt làm tổng mục vậy? Hai từ “Đáp đại v.v...” trở xuống dựa theo có nghĩa mà trả lời tất cả, có ba: Đầu tiên trình bày khai triển nghĩa trong nhiều kinh cùng sử dụng. Có hai. Đầu tiên căn cứ nghĩa pháp rõ ràng. Các bộ kinh đại thừa đều nói về Trung đạo, nên khiến có thể dùng nghĩa chung. Hai từ “Nếu không v.v...” trở xuống là để thầy người nghiệm xét, các Sư nói giải Thích Các kinh Đại thừa, hiển rõ lý thì phải nói về Phật tánh, chỉ ra hoặc thì chẳng gì ngoài năm trụ, há lấy kinh thường không có văn để vặn hỏi hay sao? Từ “Phẩm này v.v...” trở xuống lấy hai lần hỏi đáp nêu rõ nghĩa không thiếu sót, mười thứ biệt danh văn tuy không nêu ra, mà hai lần hỏi đáp chung nêu rõ mười nghĩa, trình bày như nhìn thấy tận mắt, cho nên nói là rõ ràng. “Nay đã v.v...” trở xuống là phân biệt từng câu một, chứng minh mười nghĩa, có hai: Đầu tiên kết thúc có nghĩa ở trước - mở ra có văn về sau. Trước nói trong văn không có mười tên gọi ấy, chỉ vì không thứ lớp trình bày nêu ra mười tên gọi. Nếu ở trong phẩm phân tán ra chọn lấy các câu, thì có văn có nghĩa vậy. Hai từ “Như văn v.v...” trở xuống dựa theo câu đối chiếu nghĩa. Nghiệp tự tại tức là pháp thân: hai thân chân ứng cũng gọi là sắc pháp, ứng thì hiện rõ sắc - chân thì ngậm kín pháp, tên gọi thuận theo các khế hợp cho nên nói là pháp thân, lý đầy đủ tất cả mỗi mỗi đều dung thông, tự tại nhất. Nghiệp là

đức nghiệp tức là trí đức. Chân thân khế hợp với pháp gọi là tự tại nghiệp. To cao đồ sộ là tiếp tục nói về tướng mạo cao xa vô cùng. Cao siêu như vậy chính là đầy đủ. Những lý trí bậc này phù hợp lẫn nhau, đều là danh nghĩa của chân thân. Nếu cả ba nghiệp không hiển bày ứng ấy thì phước đó không mất. Phải biết bí mật có công lao của ban cho và dứt trừ, tức là lợi ích ngầm kín. Thường hành xả là trí không rốt ráo không hề bị vướng mắc điều gì, cho nên thuộc về trí đức. Lại nữa, vì lập tức quán sát âm thanh thuộc về trí, đều được giải thoát là đoạn, đây làm sáng tỏ hai đức cùng lúc sử dụng. Nên biết rằng từng câu chứng minh nghĩa không chỉ nêu ra mười nghĩa có văn đó, mà cũng hiển bày mười lớp hai đức Trí đoạn có đủ lẫn nhau. Bốn là phân biệt, có hai: Đầu tiên là phân biệt, chia thành mười: Thứ nhất là phân biệt Người pháp, có hai: Đầu tiên hỏi: Kinh đó trình bày đầy đủ mười Pháp Vương Tử, ngoài Pháp Vương Tử Quán Thế Âm, tự có Pháp Vương Tử Phổ Môn, đã lấy Phổ Môn mà tên gọi ở tại người, nay giải thích Phổ Môn sao xác định thuộc về pháp? Hai là trả lời, có hai: Đầu tiên là lập câu, có hai: Trước tiên sơ lược lập ra bốn câu, câu tuy có bốn nghĩa thật sự chỉ có hai, vì không ngoài tương phi và tức nhau. Như vậy hai nghĩa đều thông suốt Đại - Tiểu, ý nay ở Đại, mà nói về Tiểu thừa trong câu Tức - Lìa ấy, là muốn chỉ ra danh ngôn thì phải lấy lý xác định. Nói rõ về người pháp, nếu điều đó không dùng hai đế - Trung đạo, xét kỹ quyền thật đó mà chỉ nói Tức lìa thì làm sao có thể đích thực hiển bày tức nhau bây giờ? Hai từ “Nếu xét theo v.v...” trở xuống dùng bộ đối chiếu câu, có hai: Đầu tiên nói về người pháp tức lìa trong các bộ, chia làm bốn: Đầu tiên là Hoa Nghiêm, kinh ấy là Biệt giáo, duyên với pháp thật tướng, tu thứ lớp các hạnh, chưa có thể lập tức dùng pháp thật tướng, vì quán xét người và hạnh, thế nên người pháp không tức nhau. Viên quán không thứ lớp, lập tức dùng thật tướng để quán xét người và hạnh, thế cho nên người pháp lại tức nhau. Biệt giáo thì chứng đạo mới tức nhau, Viên giáo thì trước sau không hai. Hai là Tam Tạng, giáo này là Hữu Môn, quán người như sừng thỏ cho nên không có, ấm có sanh diệt cho nên thật, đây chỉ riêng câu Phi. Không môn hai hướng, thu nhận thật làm Giả - Giả thật chẳng như nhau, gọi là cùng câu Phi. Đã không lìa nhau lại gọi là tức nhau, hai môn của giáo này tuy nói về Tức - lìa, mà người và pháp đều chẳng phải Trung đạo. Ba là Phương Đẳng, bốn giáo cùng bàn Tạng - Thông chỉ hai đế, Biệt - Viên giống như Hoa Nghiêm. Bốn là Bát-nhã về sau ví dụ còn lại. Bát-nhã làm cho hết sạch tướng độn nói là chỉ không, giống như hai đế trước, lợi chia làm hai loại giống như

Biệt - Viên trước. Niết-bàn bốn giáo tuy đều biết thường mà sơ tâm sử dụng quán không thể không có sai khác, Tạng - Thông tạm thời cần phải thuận theo hai đế, người hàng sơ tâm Biệt giáo chưa lập tức là pháp Viên. Từ “Nay, Phương Đăng v.v...” trở xuống nói về chất vấn thuộc về câu tức của Phương Đăng. Từ “Nay, nói rõ v.v...” trở xuống thông suốt chất vấn, có ba: Đầu tiên đích thực dựa theo câu tức thông suốt chất vấn. Lần hỏi đáp trước trong phẩm này thì Quán Âm thuộc về người năng quán, sở quán há chẳng phải là pháp ư? Nếu lần hỏi đáp sau đã lấy Phổ Môn làm pháp sở chứng thì pháp này há không có người năng chứng hay sao? Phương Đăng đã xem Phổ Môn là người, có thể xem Phổ Môn chẳng phải pháp ư? Nói về đại ý đó, Quán Âm - Phổ Môn đều là pháp Trung đạo, tùy theo tất-đàn ích lợi lấy gì xem là người? Chỉ riêng Viên giáo trước sau tiếp xúc thu nhận thật tướng, mà làm người giả. Từ “Ví như v.v...” trở xuống là nêu lên vật thí dụ. Từ “Nay nghĩa Phổ môn v.v...” trở xuống lấy người pháp có đủ lẫn nhau kết thúc chỉ ra, có ba: Đầu tiên trình bày pháp đầy đủ người. Hai từ “Nếu bao gồm v.v...” trở xuống là nói về người có đủ pháp. Ba từ “Như thân v.v...” trở xuống lấy thân làm ví dụ, đều có thể thấy rồi. Thứ hai chọn lựa từ bi, có hai: Đầu tiên phân biệt danh tướng, Từ Bi có ba: Thứ nhất nói về đồng dị giữa ban cho (Từ) và dứt trừ (Bi), có hai: Trước là tướng ban cho và dứt trừ gồm cả câu hỏi, khổ trừ diệt tức là vui vẻ, như hết đêm thì sáng, vui vẻ đến thì khổ không còn, như đèn đến thì bóng tối bị xua tan. Hứng đến nêu lên một loại lập thì có hai năng, vì sao Từ Bi mà phân thành hai pháp? Hai từ “Đáp thông v.v...” trở xuống là trả lời ban cho và dứt trừ không cùng. Một năng bao gồm cả hai, đây chính là chung nói về đối cảnh phát tâm, thật sự cần phải giới thiệu tách biệt, cho nên nêu lên hai thí dụ để làm sáng tỏ tướng riêng. Hai là trình bày hỷ xả thiếu sót và đầy đủ, có hai: Đầu tiên hỏi. Hai là trả lời, có hai: Đầu tiên không hai là xả, bốn vô lượng tâm, xả bỏ không có tự thể riêng. Xa-ma-tha quán thể đã là định, định có thể mang lại niềm vui. Tỳ Bà Xá Na quán Thể đã là Tuệ, Tuệ có thể dứt trừ khổ đau. Hai quán không hai tức là Ưu-tất-xoa, cũng gọi là Bình Đẳng Xả, cho nên không hai mà hai thì lập thành Từ bi, hai mà không hai tức là đối với xả. Nay đã nói đối với không hai Từ bi, thì đã bao gồm xả cho nên không tách biệt lập nên. Hai từ “Hỷ là v.v...” trở xuống là khổ do thiếu mừng vui, có hai: Đầu tiên là giải thích theo pháp, nay nói Từ bi là lập nên thệ nguyện, vận dụng từ mang lại niềm vui, chúng sanh đã khổ đau sâu nặng, tức là phải vận dụng Bi, cả hai đều chưa toại nguyện làm sao có mừng vui? Lúc phước

tuệ đầy đủ công lao được hoàn tất, mới ban cho chúng sanh xin chúc mừng. Hai từ “Như A v.v...” trở xuống dẫn ra việc ví dụ. Vua A Luân Gia chính là em của vua A-dục, không quy y Tam Bảo, nhìn thấy anh dâng cơm cúng tăng bèn sanh ra hiềm khích đặt điều nói xấu, vua A-dục thấy thương xót tìm kế sách khuyên giải. Vương vào nhà ẩm giả nói đã băng hà, đốc thúc kế thừa ngôi vua, mới bước lên ngự toà thì vua A-dục lộ rõ phần nộ, tội đó đáng chết, thế là lệnh cho bảy ngày thọ nhận ngũ dục của bậc Đế vương, sai Chiên-đà-la từng ngày một đọc to rằng “chết”. Qua thời hạn rồi vua hỏi: Có vui sướng hay không vậy? Đáp rằng: Em nghe mấy ngày sẽ chết chỉ khổ đau mà không hề vui vẻ. Vua nói: Sa-môn quán từng niệm từng niệm diệt đi, tuy thọ nhận cúng dường mà lẽ nào có tâm mê đắm. A Luân biết rồi, xuất gia tu đạo đắc A-la-hán. Ít đau khổ được vui vẻ - tiếp cận sự việc có thể nghiệm xét. Chúng sanh cũng như thế, cho nên tâm Bồ-tát chưa sanh ra vui mừng. Ba từ “Vấn thiền v.v...” trở xuống là nói về các chi trước sau, có hai: Đầu tiên dựa theo trước sau để hỏi. Nay nói về bốn tâm từ bi hỷ xả, từ thường cho vui thì vui trước hỷ sau, vì sao trong thiền chi hỷ trước mà lạc sau? Sơ thiền có năm chi, gọi là Giác - Quán - Hỷ - Lạc và Nhất tâm. Nhị thiền có bốn chi, đó là Nội tịnh - Hỷ - Lạc và Nhất tâm. Tam thiền không có Hỷ. Tứ thiền không có Lạc. Nay dựa theo Sơ thiền và nhị thiền, đều là Hỷ ở trước chi lạc ở sau, ý đó là sao? Hai từ “Đáp thiền v.v...” trở xuống là trả lời theo Tự - Tha. Tự chứng đạt thiền chi từ thô đến tế, trước hỷ sau lạc. Lợi tha bốn đẳng tâm trước ban cho lạc, sau mới hỷ, cho nên thứ lớp đó khác nhau. Hai từ “Lại tiếp v.v...” trở xuống là phân biệt ban cho - dứt trừ có không, chia làm ba: Đầu tiên ngoại đạo niệm tưởng giả dối. Bốn thiền - bốn không và bốn vô lượng là mười hai môn thiền, căn bản của định. Thông suốt đối với trong ngoài đại tiểu thánh hiền, mà tu chứng. Nếu các ngoại đạo và phàm phu chánh tín tu từ bi hỷ xả, tự chứng được định này, suy nghĩ giả dối rằng chúng sanh xa lìa đau khổ đạt được niềm vui, đối với người khác không ích lợi gì, thì tự mình tuy tạm thời ích lợi mà không tránh khỏi lui sụt. Từ “Nếu Nhị thừa v.v...” trở xuống là nói về tự lợi của nhị thừa. Nhị thừa tu tứ vô lượng này tuy không ích lợi cho người, mà tự mình dứt trừ phần đoạn đạt được Niết-bàn nhỏ bé. Ba từ “Nay Bồ-tát...” trở xuống là nói Bồ-tát lợi ích rộng khắp, có hai:

Đầu tiên nói về hạnh vượt lên trên phàm Thánh, không giống như phàm phu ngoại đạo tùy theo thiền mà thọ sanh, khác với Thánh hiền tiểu thừa chỉ tự mình dứt trừ khổ đau, lợi ích chẳng phải hai loại sanh

- pháp duyên từ, mới có thể dùng pháp giới vô duyên ban cho hay cứu giúp, khiến cho các chúng sanh xa lìa tất cả các khổ đau đạt được niềm vui rốt ráo.

Hai là nói đồng thời ban cho và cứu giúp, từ bi Vô duyên không hai mà hai, sử dụng chẳng khác thời, phân biệt khiến hiểu rõ cho nên đều giải thích mà thôi. Nói trước nói về sự dứt khổ v.v... ấy là thuận theo bốn hòaai cho nên trước nêu ra đối với từ. Nếu thuận theo thứ lớp sử dụng trước cứu giúp sau ban cho, vì thế cho nên bốn thế thuận theo dụng làm thứ lớp.

Thứ ba là phân biệt Phước Tuệ, có hai: Đầu tiên xác định lý do phước trí ban cho và cứu giúp, có hai: Thứ nhất hỏi, thứ hai đáp. Nhân tu phước tuệ, đến quả thì thành tựu hai đức trí - đoạn. Đức này không hai với thể tánh chúng sanh, cho nên gọi là Quán Âm gọi là người trí đức, tức là thường hiển bày triệu tập bốn tánh liễu chủng, vì thế cho nên có thể trừ diệt nổi khổ mê hoặc tối tăm. Nếu đối với Phổ Môn đoạn đức ứng thân, tức là có thể dẫn khởi bốn tánh duyên chủng, vì thế cho nên đạt được niềm vui của nhân quả. Nếu không như vậy, làm sao gọi là đường cảm ứng giao nhau? Từ “Hỏi phước v.v...” trở xuống phân rõ phước tuệ nhất dị thị phi, có hai: Đầu tiên dựa theo ngăn cách khác nhau để chất vấn. Đưa ra đầy đủ tướng để chất vấn nay ngăn cách khác nhau. Hai từ “Tự có v.v...” trở xuống là trả lời theo Thiên - Viên, có hai: Đầu tiên lập ra bốn câu về Tức - lìa, Đại tiểu đều có bốn cho nên biết Tức Ly tên gọi như nhau mà nghĩa khác nhau. Hai từ “Như sáu v.v...” trở xuống là thông suốt các giáo Thiên - Viên, có hai: Đầu tiên là nói Tức lìa Câu Phi của ba giáo, có hai: Trước tiên là nói tiểu thừa khai hiển, có hai: Thứ nhất Tam Tạng, một vị Bồ-tát được hai câu Tức, La-hán bạch tượng được hai câu ly, tuy có Tức - Lìa mà cùng ở tại tam tạng. Từ “Nếu đại v.v...” trở xuống là Đại thừa, dựa theo Địa tiên Biệt giáo để nói về bốn câu, đầu tiên đối chiếu hạnh hành với tuệ hành mà làm phước tuệ. Không phá vô minh cho nên đều gọi là phước, tức là hai phước này thường phá trừ tướng chấp. Lại nhận được tên gọi là trí, cho nên phước trí này thích hợp hai câu Tức. Lại nữa, phước trí Địa tiên đều ở tại vô minh, cho nên đều gọi là phước; phước trí ở trên phá trừ vô minh từng phần, cho nên đều gọi là trí. Phước trí này thích hợp hai câu Phi. Vì thế hai loại bốn câu chẳng phải phước trí này. Từ “Phước đẳng v.v...” trở xuống ví dụ hai bộ. Từ “Nay đây v.v...” trở xuống trình bày khai hợp câu thị (đều đúng) của Viên giáo, có hai: Đầu tiên giải thích, có hai: Trước hai mà không hai, có ba: Thứ nhất nói về tức nhau,

một tâm ba chỉ là phước, một tâm ba quán là tuệ. Bắt đầu từ Lý tánh, rốt ráo nơi cực quả, định tuệ không hai là hai tức này. Hai từ “Cho nên Đại Luận v.v...” trở xuống nói về lẫn nhau cũng đủ. Bát-nhã đã là cái thấy của người tôn quý tuyệt vời, nghiệm biết tuệ có đủ phước, do đó tôn diệu tức là Thượng Định. Luận tức là Đại luận, nơi đó phiên dịch Thủ Lăng Nghiêm là kiện tướng. Tam-muội đã có thể phá trừ địch mạnh kia, nghiệm biết phước đầy đủ tuệ, cường địch tức là vô minh trước kia. Ba từ “Đại kinh v.v...” trở xuống là nói về tên gọi khác nhau. Trong năm tên gọi, Bát-nhã Sư Tử Hống là tuệ, Lăng Nghiêm Kim Cương là định, Phật tánh là tên gọi chung. Đã là tên gọi khác nhau cùng nổi bật một thể, vì thế cho nên năm tên gọi là đều xứng hợp với đầy đủ cả hai. Lại bởi vì không ngại thiên tuệ để kết luận không hai. Từ “Không hai v.v...” trở xuống là hai mà không hai, pháp tuy không hai, mà không trở ngại phân môn đều làm danh số mà vì đó giải thích. Từ “Đây là v.v...” trở xuống là kết luận, luận tuy nói theo phân môn biệt tướng mà nói, nhưng cần phải biết thiên tuệ rốt ráo không hai.

Thứ tư phân biệt Chân ứng, có hai: Đầu tiên đích thực phân biệt chân ứng, có hai: Thứ nhất lập câu. Hai từ “Nếu chẳng phải v.v...” trở xuống là phân biệt nêu ra, có hai: Đầu tiên là phân biệt ba câu Phi ở trước, tạm thời chọn phạm phu Tiểu thừa thật sự bao gồm chung riêng. Thông giáo khôi đoạn giống như nhị thừa Tạng giáo, Địa tiền tác ý không phải không mưu cầu ứng, đầy đủ sáu căn thanh tịnh tuy toàn tánh phát khởi, nhưng biệt hoặc đang còn cho nên không gọi là chân ứng. Từ “Cũng chân v.v...” trở xuống là nêu ra một câu sau, đây tức là chân mà ứng thường bàn luận của thế gian. Tự xả bỏ tông nay thì chẳng biết hết sự tuyệt diệu đó, đều vì Sư khác không biết tánh ác, dẫn đến khiến cho khởi ứng không thể nào không mưu cầu, uống nói về Từ của vô duyên, không suy xét kỹ ý chỉ của vô duyên. Từ “Nay dựa theo v.v...” trở xuống bao gồm xác định thường và gián đoạn, có ba: Đầu tiên cùng hưởng về tạm thời phân biệt, dùng hai đoạn kinh khác nhau đối chiếu với thường gián đoạn. Từ “Thường và gián v.v...” trở xuống là cả hai hưởng tới có đủ lẫn nhau, có hai: Đầu tiên lập ra. Hai chim: Đại kinh thứ tám ở phẩm Điều Dụ chép: “Người thiện nam! Có hai giống Chim: Một tên là Ca Lân Đề, hai tên là Uyên Ương. Bay ở cùng nhau đều không xa lìa nhau”. Phẩm này trả lời trước đây, sao nói cùng chung hạnh Thánh? Sa-la-Ca-lân-đề, xưa giải thích hoặc nói: “Sa-la một đôi - Lân đề một đôi”. Hoặc nói: “Sa la một đôi, Lân đề một đôi”. Hoặc nói Sa la phiên dịch là Uyên ương”. Chương An nói: “Nhưng người Hán không giỏi âm

Phạn, chỉ tăng thêm tranh luận, ý ví dụ là lấy sự thư hùng cùng nhau đi lại hay dừng lại đó, để dụ cho trong sanh tử - Niết-bàn đều có thường và vô thường, đang cao đang thấp cả hai bay lên cả hai dừng lại, ngay nơi sự mà là Lý, ngay nơi Lý mà là sự. Mở rộng ở số kia. Nay dụ hai thân thường và gián đoạn hai lợi ích không thể nào xa lìa nhau ấy, chính là Quán Âm phần chứng hai dụng thường vô thường trong Niết-bàn. Hai từ “Nếu tiểu..” trở xuống là giải thích, có hai: Đầu tiên chân lý tiểu thừa thiên nhiên là thể của Phật tánh, Thiệt Cát quán thấy thường không gián đoạn như vậy, đối với Liên Hoa Ni tựa như có gián đoạn, cho nên quay về hai Thánh nói về thường vô thường. Đây chính là chân thân tự có hai lợi ích, tướng thân tượng sáu đối với người có duyên thường được nhìn thấy. Nếu vô duyên cũng không thấy nơi chốn, há chẳng phải ứng thân cũng có hai lợi ích hay sao? Hai từ “Đại thừa v.v...” trở xuống là Đại, thân pháp giới của Phật chưa hề không ích lợi, đối với người tình chấp mà trở thành gián đoạn diệt mất, chân có cả hai. Thân ứng hóa của Phật tùy căn cơ chúng sanh thành thực mà xuất hiện và tàng ẩn không đứt quãng, ứng thân thường lợi ích. Thấy và không thấy khác nhau khiến cho ứng không thể thường, lại thành ra lợi ích gián đoạn. Do đó biết hai thân đều có đủ hai lợi ích. Từ “Mà nay v.v...” trở xuống là thuận theo văn tách biệt đối chiếu. Văn trước liền xưng niệm thì cảm ứng ngay, tách biệt đối chiếu nghĩa thường lợi ích của chân thân. Văn sau hiện rõ tướng sanh diệt, tách biệt đối chiếu nghĩa lợi ích gián đoạn của ứng thân.

Thứ năm là phân biệt Dục Châu, có hai: Đầu tiên nói theo nghĩa có đủ lẫn nhau. Chỉ dựa vào ví dụ nói tức là hiển bày chân ứng đều thường ban cho và cứu giúp, đây là dùng hết lý rồi. hai từ “Nếu biệt v.v...” trở xuống chính là văn tách biệt đối chiếu. Văn trước từ diệt khổ đau gọi là Dục thân, văn sau mang lại niềm vui gọi là Châu thân, tạm thời thuận theo văn kinh làm thành sự tách biệt đối chiếu này.

Thứ sáu là phân biệt Ẩn Hiện - Ba mươi sáu câu ấy là ẩn hiển cơ ứng đều nói về bốn câu. Ẩn cơ: Thiệt quá khứ năng cảm. Hiện cơ: Thiệt hiện tại năng cảm. Cơ vừa ẩn vừa hiển: Nghiệp Thiệt quá khứ và hiện tại cùng chung năng cảm. Chẳng ẩn chẳng hiển cơ: Không có thiện quá khứ và hiện tại, sẽ có thể phát sanh thiện mà năng cảm. Ẩn ứng: là pháp thân. Hiện ứng: là ứng thân. Ứng vừa ẩn vừa hiển: Hai thân đều ứng. Ứng Chẳng ẩn chẳng hiển: cũng là pháp thân, chỉ vì không thấy không nghe mà biết mà hiểu là ẩn ứng. Không thấy không nghe, không biết không hiểu tức là cả hai chẳng phải ứng. Do đó hai

ứng này đều là pháp thân trong quả. Nhận thức tám thứ rồi, đối lập với nhau đối chiếu lẫn nhau đầy đủ mà nói thành mười sáu câu. Dựa theo cơ cảm ứng - dựa theo ứng phó cơ, tất cả thành mười sáu, cộng thêm bốn căn bản tức là ba mươi sáu câu. Nếu hiển rõ ý này thì chẳng chúng sanh nào không thể cảm - không thời gian nào không thể ứng, diệt trừ các tà kiến nhận Thánh ân sâu sắc, cũng biết tất cả chúng sanh không một ai không thành Phật.

Thứ bảy là phân biệt quyền thật, có hai: Đầu tiên xác định văn để lập nên chất vấn, chân tức là Thật, giả tức là Quyền. Văn trả lời thấy đầy đủ bốn thứ tướng. Hai là lập nên câu trả lời thông suốt, có hai: Đầu tiên luận tương tận có đủ lẫn nhau. Chân trí kín đáo. Ứng có thể có cạn sâu. Bảy nạn - hai mong cầu tránh khỏi khổ đau trong sự, là quyền thoát do. Xa lìa ba độc căn thành Phật không nghi ngờ là thoát hoặc chướng ngại. Thật Quyền trí hiển ứng được độ, thoát không như nhau. Thấy thân nghe pháp phá trừ mê hoặc hiển bày lý, là độ thật. Trong sự sợ hãi khó có được vô úy ấy là độ nơi Quyền. Người căn cơ thuần thực, đối với hai trí này đạt được lý quyền - thật, gọi là đều độ. Xa lìa chướng nạn sâu gọi là đều thoát. Cơ phát sanh trở lại nơi này, vì thế cho nên đều gọi là không độ - không thoát, vì hai cơ sở nói nên tạm thời phân biệt.

Thứ tám phân biệt Bồ Tịch, có hai: Đầu tiên Bồ Tịch đều ban cho - dứt trừ, có hai: Thứ nhất tất cả đầy đủ hai Dụng. Hai từ “Phi bốn v.v...” trở xuống là tướng căn cứ vào sát văn, chẳng phải thoát khỏi tích của các khổ, thì không nói lên Bồ của một chân, cho nên lần hỏi đáp trước là nói về Tích Bồ, chẳng phải chứng minh Bồ của ngàn Như, thì không lưu truyền Tích của mười cõi giới, do đó lần hỏi đáp sau là nói về Bồ Tịch. Từ “Hỏi bốn v.v...” trở xuống là Bồ Tịch, khác với Chân ứng, có hai: Đầu tiên hỏi. Hai là trả lời. Các kinh đã nói bắt đầu từ Địa trú rốt ráo đến Đẳng, Diệu, một phần chân sáng tỏ thì một phần ứng khởi lên, đâu chỉ một đời thực sự ở nơi đương niệm hay sao? Phân rõ tên gọi quyền này, tách biệt nói về Bồ Tịch. Như phẩm Thọ Lượng, thì nay nói cửu viển là Bồ. Các kinh và tên gọi Tích Môn đã nói, tiếp cận mà thành là Tích. Đã dựa theo lâu xa, gần kề, vì thế cho nên tên gọi dựa vào suốt ba đời mà luận. Trước đây nói về Quán Âm phần nhiều dựa vào thể dụng mà nói về Bồ Tịch, nay làm sáng tỏ bộ cho nên dựa theo lâu xa gần kề mà nói về Bồ Tịch.

Thứ chín phân biệt Duyên Liễu, có hai: Đầu tiên dựa theo đương tông hỏi đáp, có bốn: Đầu tiên nói về thiện ác pháp môn - tánh đức đều đầy đủ, có hai: Một. Hỏi: Duyên có thể giúp đỡ Liễu - Liễu nói lên

Chánh nhân, Chánh nhân rốt ráo hiển bày thì thành tựu quả Phật. Nay nói về tánh có đủ hai nhân Duyên và Liễu, chính là tánh đức có đủ hướng về thiện để thành Phật. Nếu tạo ra chín cội thì cũng đợi đến nhân duyên. Chín cội so với cội Phật đều gọi là ác, các ác những cội giới này tánh vốn có đủ hay không? Hai. Trả lời: Chỉ một chữ cụ (đầy đủ - vốn có- có) càng hiển bày rõ tông này, vì tánh có đủ thiện các Sư cũng biết, có đủ ác liễu duyên người khác đều không lường được, cho nên Ma-ha Chỉ Quán nói về tánh ba ngàn, Diệu Huyền Văn Cú đều nêu ra ngàn pháp, thấu suốt đối với tu tánh, văn đó đã rộng nhiều mà nghĩa khó làm sáng tỏ. Vì thế cho nên trong này nói lược về thiện ác, nói lên tánh vốn có đủ không thể thay đổi, danh ngôn đã sơ lược thì người học dễ tìm kiếm. Nếu biết thiện ác đều là tánh vốn có tánh không gì chẳng dung thông, là mười cội - trăm cội - một ngàn- ba ngàn. Do đó người đạt được ý lấy điều này để bàn luận, hướng về văn chỉ quán không thể nói khó nhiều không ít. Hai là nói Xiển-đề và Phật chỉ dứt trừ thiện ác trong tu, có hai: Một. Hỏi: Nhất Xiển-đề, Hán dịch là Vô dục, bởi vì đối với Niết-bàn không có vui mừng mong muốn. Lại phiên là Tín bất cụ, vì không tin nhân quả thiện ác đó, đã không có ham muốn không có niềm tin thì gọi là dứt trừ thiện không còn. Phật đã vĩnh viễn xa lìa năm trụ hai tử cho nên gọi là dứt trừ ác không còn. Thiện ác đã là lý tánh vốn có đủ, thì không thể dứt trừ vậy sao thiện ác Xiển-đề và Phật dứt trừ không còn: hai là Trả lời: rằng tất cả các pháp không thể thoát khỏi thiện ác, đều là tánh vốn có đủ chẳng thích hợp nay mới có. Vì thế nói: “Pháp trú pháp vị tướng thế gian thường.” Nếu vì tu mà có làm sao thường trú được? Đại kinh nói: “Mười hai nhân duyên chẳng phải Phật - Tu-la-người - trời v.v... tạo ra, không phải tánh có đủ làm sao có thể chẳng tạo ra?” Khởi Tín chép: “Tất cả các pháp chân thật không thể bỏ đi. Nếu chẳng phải chánh có đủ sao có thể đều là chân? Vì tánh có đủ nhân duyên nhiễm tịnh, bắt đầu làm nhân duyên nhiễm tịnh trong tu, mới có phát sanh pháp thế gian và xuất thế gian. Nếu nói đầy đủ điều ấy, thì vốn có đủ ba ngàn làm tánh thiện ác, duyên khởi tam thiên làm tu thiện ác. Tu đã thiện ác, mới có thể nói về sự nghịch thuận của nhiễm tịnh. Xiển-đề là cùng cực của nhiễm nghịch, cho nên nói dứt trừ tu thiện không còn Phật là điểm cực cao của tịnh thuận, cho nên nói dứt trừ tu ác không còn. Nếu tánh đó vốn có tam thiên thiện ác, thì Xiển-đề và Phật chẳng đoạn mảy may”. Ba là nói về lý do không đoạn thiện ác trong tánh, có hai: Một. Hỏi. Hai. Trả lời, có hai: Đầu tiên dựa theo lý trả lời. Thiện ác là tánh - tánh thì không thể nào thay đổi làm sao có thể

dứt trừ vậy? Đã không thể thay đổi, nhưng là pháp môn của thiện ác. Pháp gọi là có thể khuôn mẫu, khuôn giữ gìn sắp xếp tự thể không mất không hoại, lại có thể vật khuôn mẫu mà phát sanh hiểu biết. Môn là thường thông suốt, có thể đi ra có thể đi vào, chư Phật hướng về môn mà đi vào thì tu thiện trọn vẹn đầy đủ - tu ác dứt trừ không còn, Xiển-đề là bỏ môn mà đi ra, thì tu ác tràn đầy sung túc - tu thiện dứt trừ tất cả. Con người có hướng về - rời bỏ mà môn rốt ráo không thay đổi. Từ “Thí như v.v...” trở xuống là đưa ra thí dụ tương tự. Ma thiêu đốt kinh Phật như Xiển-đề dứt trừ tu thiện, tánh thiện không hết bởi vì pháp hợp lại. Phật đốt cháy sách vở xấu ác như dứt trừ tu ác, pháp ác môn còn tức là hợp lại. Thiêu đốt kinh sách hãm hại nhà nho, cả hai dụ cho hai người dứt trừ tu thiện tu ác, há có thể cùng hợp lại hay sao? Bốn là nói về Xiển-đề và Phật mê - đạt - khởi - bất khởi khác nhau, có hai: Một. Hỏi: Hai người thiện ác đã đều dứt tu mà còn ở tánh, tại vì sao về sau Xiển-đề phát khởi tu thiện, Như-lai tại vì sao không khởi lên tu ác? Hai. Trả lời, có hai: Đầu tiên là vì hiểu thấu suốt cho nên không khởi lên thật ác; Xiển-đề vì tà si dứt trừ đối với tu thiện, đã không có thể thấu suốt tánh thiện vốn không, cho nên được nhiễm thiện mà tu thiện được phát khởi. Phật dùng tuệ không dứt trừ đối với tu ác, hiểu thấu suốt tánh ác xưa nay thanh tịnh, ác không thể vấy nhiễm cho nên tiêu tan tu ác. Từ “Vị tự tại v.v...” trở xuống là vị tự tại, cho nên thường phát khởi quyền ác, Phật thường thấu suốt ác đối với ác tự tại, hiện ra ác gồm thâu chúng sanh không vấy nhiễm không phát khởi. Nếu Xiển-đề như vậy thì gọi là Phật rồi. Từ “Nếu y v.v...” trở xuống là phá nghĩa khác hiển bày chánh, có hai: Đầu tiên nói nghĩa không hợp của nơi khác, có hai: Một là nói nơi khác được tu mất tánh. Tha tức là Tương Châu - Bắc đạo từ trước đời Trần - Lương, là Hoàng Địa luận sư. Lại có sư Nhiếp Đại thừa, cũng giống như giải thích của người Địa luận. Họ nói A-lợi-da là sở y của vô ký - vô minh - thiện ác, thường nắm giữ tất cả hạt giống thiện ác. Xiển-đề chỉ dứt trừ cái thiện của hiện hành, sau làm hạt giống huân khởi cho thiện. Phật dứt trừ thức này không có hạt giống ác xông ướp, không bao giờ phát khởi ác, vẫn giải thích điều phục câu hỏi, Phật dứt trừ hạt giống ác, làm sao hiện ra ác hóa độ các chúng sanh? Vì thế giải thích rằng chỉ dùng thần thông biến hóa hiện ra ác để hóa độ chúng sanh mà thôi. Từ “Hỏi nếu v.v...” trở xuống là chất vấn họ tác ý giống như ngoại đạo. Dứt ác không còn mà thần thông biến hóa hiện ra ác, toàn là tác ý, chẳng giống như gương sáng vô niệm mà hiện ra. Tuy Tương Châu - Nam Đạo - Hoàng Địa luận giả, dùng pháp tánh làm cơ sở để luận hạt

giống, nhưng không hiểu là tánh có đủ các pháp môn ác, hiện ra ác hóa độ chúng sanh cũng không có thể tránh khỏi sai lầm của tác ý. Từ “Nay nói rõ v.v...” trở xuống là nói về Diệu Chỉ hiện tại, có hai: Đầu tiên chính thức trình bày do tánh có đủ thiện ác khởi lên quyền thật thiện ác, chia làm hai: Một. Chính thức nêu ra nghĩa này, Xiển-đề thành Phật - Chư Phật hiện ra ác. Nếu chẳng phải không dứt trừ tánh thiện tánh ác, thì nghĩa không thể thành tựu. Từ “Vì có v.v...” trở xuống kết thúc thành tựu Diệu chỉ. Đoạn - Thường gọi là người Thông - Biệt duyên với lý dứt chín loại. Ví nhất định đoạn chín loại nên mờ mịt tánh ác, gọi là đoạn kiến. Không có thể quên duyên là còn tu ác, gọi là thường kiến. Từ Niết-bàn về trước đều gọi là tà kiến. Đây là nói vậy chăng? Đoạn tu còn, tánh đã xa lìa đoạn thường, chính là dứt bật nghĩa tất cả biên, tà và các thứ tư duy, đây là Diệu chỉ ngộ hầu gạt bỏ ngưng trệ nơi tình. Từ “Như-lai v.v...” trở xuống tiếp tục trình bày nguyên do thấu suốt, không thấu suốt, tự tại - không tự tại. Hiện ra ác thấu suốt chẳng lẽ có thể nhiễm ác hay sao? Ranh giới ác ranh giới thật, tướng ràng buộc tướng thoát khỏi, phi đạo Phật đạo, vì hiểu thấu suốt cho nên không có chấp mắc ngăn trở. Xiển-đề không thể như vậy cho nên mãi mãi khác nhau.

Thứ mười là phân biệt Trí Đoạn, có hai: Đầu tiên là nói hai đức đồng thời, có hai: Một là nêu ra một pháp chất vấn về hai dụng ban cho và dứt trừ. Đã là một pháp mà đặt ra tên gọi khác nhau, chắc chắn không có gì hạn cuộc, tại vì sao dứt trừ và ban cho, nhất định thuộc về trí đoạn. Hai từ “Nhưng mà v.v...” trở xuống dựa theo thân tâm. Thuận theo hai nghiêm lập nên tên gọi, tên gọi từ nghĩa lập nên chẳng thể không có thân sơ. Tâm hiểu thông suốt linh hoạt thuộc về trí, sức lực của thân tự tại thuộc về đoạn. Tâm thì trí tuệ trang nghiêm, thân thì phước đức trang nghiêm. Hai nghiêm này thích hợp đối với dứt trừ và ban cho. Từ “Nay kinh v.v...” trở xuống chỉ ra hai văn nêu lên lẫn nhau. Hai đức trí đoạn đâu hề xa lìa nhau, nay tạm thời tất cả nói ảnh hiện rõ ràng lẫn nhau, đoạn trước nói về trí, đoạn sau nói về đoạn. Từ “Nếu hiểu sâu v.v...” trở xuống kết luận chung về ích lợi. Nêu lên mười cặp này để làm nghĩa ví dụ, ngộ hầu người thực hành thông suốt khắp tất cả. Nếu thế thì giải thích đề mục này không giới hạn. Thứ hai là tách biệt giải thích, có hai: Đầu tiên là nêu ra, nghĩa là phân văn người và pháp giải thích từng phần riêng. Từ “Vì nhân duyên gì v.v...” trở xuống là giải thích, có hai: Đầu tiên là giải thích Quán Thế Âm, có hai: Một là kết thúc trước phát sinh hai đoạn sau. Hai từ “Thế nào là cảnh trí v.v...” trở xuống dựa vào tách biệt đích thực giải thích, có hai: Đầu tiên

phân biệt chỉ ra cảnh trí, có hai: Thứ nhất nêu ra khoa - Lý bên ngoài, lý bên trong của cảnh trí có thể nghĩ bàn. Ở đây có khác với văn khác nói. Hoặc như nghĩa của bốn giáo dùng hai đế Tạng và Thông làm lý ngoài, hai đế Biệt - Viên làm lý trong. Bởi dựa theo chân đế chẳng phải Phật tánh, cho nên nói là lý ngoài. Nếu Tịnh Danh Huyền Nghĩa lấy Diển Môn Tam Giáo, đều là hai đế lý trong, bởi do chân đế Thông giáo cũng bao gồm trong đó. Nay văn thông vì người ngoại đạo và bốn giáo phát khởi các kiến giải, đều gọi là cảnh trí của lý bên ngoài có thể nghĩ bàn. Cho nên dẫn ra Trung Luận để làm năng phá. Nếu cảnh trí của lý bên trong có thể nghĩ bàn, thì đã phá trừ bốn tánh quán lý chứng chân, chính là nghĩa Thông giáo bao gồm Tam Tạng. Nếu về cảnh trí không thể nghĩ bàn, chính là chỉ riêng cho Viên giáo cũng bao gồm Biệt giáo. Viên giáo đầy đủ Sáu tức - Biệt giáo ở tại hậu tâm, có hai: Một là từ “Cảnh trí thiên nhiên” v.v... là thiên hạ giải thích về tướng, có hai: Đầu tiên nói về cảnh trí có thể nghĩ bàn, có hai: Trước tiên dựa theo lý ngoài, có hai: Thứ nhất lập thành bốn, gọi là thiên nhiên, tương đãi, nhân duyên, tuyệt đãi. Bốn cặp này chính là tên gọi khác của bốn tánh. Sử dụng tên gọi là, sơ lược có hai ý: Một là chỉ ra danh ngôn có cả tà chánh, cần phải theo lý nghi ngờ xác định đúng sai. Tạm thời như thiên nhiên cho đến tuyệt đãi, vốn gọi là Viên cực nay ở ngoài lý. Vì thế biết không thể dùng tên gọi quy định lý. Hai là trình bày lý ngoài không hoàn toàn là ngoại ngoại. Ý khiến cho người bên trong đừng đối với chánh pháp sinh ra tánh suy tính. Do đó đặt tên nên gọi định rõ nhìn thấy sai lầm. Còn trong bốn câu đều xem xét cả hai là, nói về nguyên nhân bởi vì cảnh trí đều có tự phát sanh những sai lầm. Đầu tiên trong thiên nhiên - nói do trí cho nên cảnh, do cảnh cho nên trí ấy là mượn tương đãi kia để biểu hiện thiên nhiên này. Hai là tương đãi là cảnh tiếp đãi trí thành tự - trí tiếp đãi cảnh lập ra. Ba là nhân duyên ấy là chẳng phải đều là một mình tự - một mình Tha, mà trở thành cảnh, chính là tự - tha hòa hợp mới trở thành ở tại cảnh, nhân duyên tức là tự - tha. Trí cũng như vậy, đây chính là cộng tánh. Bốn là tuyệt đãi, một mình Tự một mình Tha và tự tha cùng nhau, đối đãi này đều bật dứt. Dựa theo không có ba câu, thường tình cho rằng: Một là hướng về lập ra tên gọi tuyệt đãi hoàn toàn chẳng phải bất lý. Hai từ “Đều là v.v...” trở xuống là phá bỏ, có hai: Đầu tiên dựa chung theo tánh chấp gạt bỏ, có ba: Một là dựa theo lý ngoài gạt bỏ. Cảnh trí ở trên đã thuộc về bốn tánh không thể đi vào ba đế nên nói là lý ngoài. Từ “Cho nên Trung luận v.v...” trở xuống là dẫn ra Trung luận để gạt bỏ, pháp xa lìa bốn tánh sao chấp là bốn? Ba từ “Kế chấp

v.v...” trở xuống dựa theo sai lầm phát khởi để gạt bỏ, lý ngoại vọng tương đối với bốn kế chấp, tự chấp ấy là thật, người khác nói ấy đều là dối, kiến hoặc đã tràn đầy thì ái sử cũng tăng thêm, kiến ái cùng thêm tức là chín mươi tám thứ, do đó tạo nghiệp chịu khổ vô cùng tận. Từ “Thế nào nói v.v...” trở xuống tách biệt chỉ ra bốn tánh sai lầm, có hai: Đầu tiên là tự phát sanh, có hai: Trước đưa ra sai lầm, có hai: Thứ nhất dựa theo năng mê - sở mê, có hai: Một là năng mê các hoặc, tùy theo chấp một thứ liền phát sanh mười sử, trong lợi có độn tức làm trái sử trên, trải qua ba cõi bốn đế, thành ra tám mươi tám thứ, tuy khắp cả ba cõi cho đến bốn đế, mà tùy đó phát sanh một kiến tức là có thể đầy đủ khởi lên ở một xứ, lý hiển bày lập tức có thể trừ diệt, thì gọi là Thông gọi là lợi sử phiền não. Nếu tư duy hoặc giới trói buộc không như nhau, đã chẳng phải mê lý không thể đối chiếu bốn đế chỉ trải qua ba cõi mà thành mười sử, đầy đủ trước kia mới thành chín mươi tám sử. Từ “Đây tức là v.v...” trở xuống là các pháp mê mờ, tức là bốn thứ bốn đế - bốn thứ Tam bảo. Hai từ “Nếu làm v.v...” trở xuống là dựa theo năng chấp sở chấp, có hai: Đầu tiên năng chấp tánh kế, có hai: Thứ nhất chính là phân định thuộc về kế chấp, cho dù học Phật pháp, nếu chấp cảnh trí tự thiên nhiên (tự nhiên như vậy), nếu chiếu soi hay không chiếu soi thường là cảnh trí, Ngã kiến không quên ấy là chỉ tăng thêm sanh tử, hoặc nghiệp đã tràn đầy, luân hồi hoàn toàn như ngoại kia. Hai từ “Cho nên, Đại luận v.v...” trở xuống là dẫn Đại luận chứng minh, luận kia nói về nghĩa ba loại Ngã rằng: Ba loại Ngã phàm phu, đó là ngã mạn danh tự, người học hai loại, vô học một loại. Kiến tức là lợi sử sơ quả lập tức dứt trừ, cho nên nói người hữu học hai loại. Mạn tức là độn sử tứ quả mới hết, cho nên nói vô học một loại. Chỉ tùy theo thế tục phân biệt kia đây, mà có tên gọi của Ngã. Nói ba loại ngữ, tức là ba loại ngữ ngã không như nhau.” Hai từ “Nay phàm v.v...” trở xuống là chánh giáo sở chấp, vì tâm kiến mạn sử dụng lời trong kinh luận, như con sâu ăn mòn thành chữ không biết đúng sai, chỉ tăng thêm kiến mạn tức là không biết sai, vì điều này ngăn cách lý gọi là không biết đúng. Vì thế mờ mịt đúng sai, uống thuốc bất tử mà xảy ra chết non. Từ “Nay không v.v...” trở xuống kết luận là sai. Hai là từ “Tự sanh v.v...” trở xuống là ba cảnh trí kia cũng vậy. Hoặc tăng thêm kiến mạn, đối với trăm ngàn câu phát khởi sai lầm đều như vậy.

Từ “Hai, nói rõ v.v...” trở xuống là dựa theo lý trong, có hai: Đầu tiên là nêu ra tướng, có hai: Thứ nhất nói về lý trong, ở trong cảnh trí của bốn thứ trên, tùy đó sử dụng một loại, mà biết căn bản là diệt trừ

kiến mạn, lập tức tiến hành tinh tiến nghiên cứu cảnh trở thành trí, đối với hoặc có thể phá trừ gọi là hoàn tất, đối với trí không mê đắm gọi là không tạo ra cái mới, chính là thành tựu dường như hiểu rõ mà phát ra chân thật chứng đắc. Ví như những người mù lòa, phẩm Như-lai Tánh trong Đại kinh chép: “Ví như trăm người mù vì chữa trị mắt, đến nơi thầy thuốc tài ba, lúc này thầy thuốc liền lấy kim phi (mũi tên vàng) vạch màng mắt họ ra, lấy một ngón tay chỉ ra, hỏi rằng nhìn thấy hay không? Người mù trả lời rằng: Tôi hãy còn chưa thấy. Tiếp tục lấy hai ngón - ba ngón tay chỉ ra, mới nói là nhìn thấy chút ít”. Kinh kia đã thí dụ đây đủ chỉ ra ba để còn nói là nhìn thấy chút ít, nay vẫn chỉ thí dụ vạch ra màng kiến tư chỉ bày ngón tay của chân đế, tuy chẳng phải Phật tánh mà tam dựa theo kiến “Không” được xứng hợp lý trong. Từ “Tuy thấy v.v...” trở xuống gạt bỏ tác ý. Cảnh trí này là tuy dứt trừ hoặc chướng chướng chân, mà chẳng phải chỉ riêng cảnh - chỉ riêng trí, nghĩ bàn không bật dứt chẳng phải nay vốn luận bàn. Từ “Nay nói v.v...” trở xuống là kết nói về sai lầm.

Từ “kế là nói rõ v.v...” trở xuống là chẳng thể nghĩ bàn, có hai: Đầu tiên là dựa vào trước đây phá trừ chất vấn về tánh. Bốn câu cảnh trí nếu sai, sao nói lập nên đối với cảnh trí, hơn nữa các kinh luận vốn nói về cảnh trí chẳng ngoài bốn câu này. Từ “Đáp kinh v.v...” trở xuống là xa lìa tánh lấy bốn tất-đàn để trả lời, có hai: Đầu tiên giải thích về tướng, có hai: Trước tiên tướng bốn tất-đàn, có hai: Thứ nhất nói về pho cơ bốn tất-đàn, có hai: Một là nói về bốn tướng, cảnh trí bậc Thánh mãi mãi dứt trừ bốn chấp. Nếu chúng sanh đó đối với cảnh trí tự nhiên, có hoan hỷ phát sanh thiện phá bỏ ác đi vào lý cơ thì bậc thánh mới có thể tùy cơ, giới thiệu nói về cảnh trí tự thiên nhi nhiên. Chúng sanh nếu đối với cảnh trí tương đãi - cảnh trí nhân duyên - cảnh trí tuyệt đãi, có bốn cơ tất-đàn, thì bậc Thánh mỗi mỗi tùy theo cơ duyên kia, để thực hiện giới thiệu ba loại như tương đãi v.v... vậy, tất cả khiến cho được lợi ích. Vì thế cho nên trong kinh thực hiện bốn thứ này nói về cảnh trí. Hai từ “Tuy làm v.v...” trở xuống giải thích về xa lìa tình Bậc thánh nói về cảnh trí như tướng thiên nhiên v.v... không bao giờ có bốn chấp nên ái kiến không sanh khởi, vì thế giúp cho người nghe phá trừ Hoặc chướng đi vào đạo, đạt được cảnh trí chân thật. Ba cảnh trí tất-đàn cũng giống như vậy. Từ “Như thế v.v...” trở xuống là nói về khả năng biểu hiện chánh pháp. Nếu biết bốn thứ chấp trước là sai lầm tai họa, gọi là nhận thức được đạo diệt. Bốn đế đã rõ ràng thì Tam bảo lập thành, pháp của Chư Phật không pháp nào không hiện tiền. Từ “Nếu dùng v.v...” trở

xuống là tướng chẳng thể nghĩ bàn, có hai: Đầu tiên lại tiếp tục nói về suy tư nhận thức, đối với bốn cảnh trí, xa lìa kế chấp mà tu, bốn tánh đã “không” đi vào “không” dẫn đến chứng đắc, tuy thành tựu lý trong mà chưa dứt ngôn ngữ suy nghĩ. Hai từ “Nếu không v.v...” trở xuống chính là nói về chẳng thể nghĩ bàn, có ba: Đầu tiên dựa theo nghĩa chỉ ra. Hỏi: Ma-ha chỉ quán phá kiến tư giả từng tiết đều gọi là tánh tướng hai không, trong cảnh chẳng nghĩ bàn dựa theo pháp tánh vô minh, xem xét sai lầm của bốn tánh. Kinh Khê nói: “Vốn từ hai “không” làm cảnh của tánh đức, mở rộng xem xét hai “không” làm cảnh của tu đức, vậy thì nghĩ bàn và chẳng thể nghĩ bàn, đều cần phải quán tánh tướng hai “không”. Nay vẫn vì sao sắp xếp trái với các luận nói, mới có thể dùng hai không phân chia đối chiếu hai nơi? Đáp: Hai hoặc Chung riêng cùng ngăn cách Trung đạo, dựa theo nói về quán pháp đều phải hai không. Nay đã nói lược gọi là có còn-mất, Thông hoặc phá xứ tuy có đủ hai không, mà người tiểu thừa được trú nơi tướng Niết-bàn, vì thế cho nên tạm thời mất tên gọi của tướng không. Nếu phá Biệt hoặc nói thuận theo trội hơn thì, chỉ còn lại tướng không mà ở trong đó, chứa đựng nghĩa hai không. Vì sao? Vì quán danh tự bốn thứ cảnh trí, không trú vào bốn câu cũng không thể không trú vào, bốn câu thuộc về tánh - không trú vào thuộc về tướng, đã hiểu rõ tên gọi của bốn thứ cảnh trí, không nói, không nghe, không khởi lên phân biệt, không làm ra tư lương, chẳng lẽ đối với Biệt lý mà còn kế chấp tánh thật hay sao? Nay phân tách hai “không” phá trừ hoặc Chung riêng, tạm thời thuận theo các nói nói về giáo đạo. Tiểu thừa chỉ có người không - Đại thừa đạt được hai “không”, trước người sau pháp. Bởi lẽ nay vẫn không nói về quán pháp, mà lại nương nhờ thứ lớp chỉ ra diệu cảnh trí. Từ “Kim quang v.v...” trở xuống là dẫn kinh chứng minh. Từ “Đây nói đây đủ v.v...” trở xuống là dựa vào Đại Bản. Hai là từ “Long thọ v.v...” trở xuống là dẫn ra tương tự. Đại luận giải thích kinh đều trước phá chấp, sau mới chỉ ra nghĩa. Nay nói về cảnh trí cũng tương tự văn kia, trước hết phá trừ lý ngoại kiến mạn mê hoặc tâm, kế đến gạt bỏ chứng đắc nghĩ bàn của Tiểu thừa, sau mới biểu hiện rõ ràng cảnh trí bốn tất-đàn bất khả tư nghị. Từ “Phàm dựa theo v.v...” trở xuống chính là giải Thích Cảnh trí, có hai: Đầu tiên xác định trước sau.

Từ “Thế là v.v...” trở xuống là dựa vào nghĩa giải thích, có hai: Đầu tiên là giải Thích Cảnh, có hai: Trước là giải thích Thế, có hai: Thứ nhất là giải thích danh nghĩa. Có hai: Một là nêu ra Thế chia làm ba loại, có hai: Đầu tiên thẳng nêu ra ba loại. Đại luận giải thích trong một

trăm lẻ tám Tam-muội, đến giải thích Tam-muội năng chiếu nhất thiết thế gian rằng: “Vì đạt được Tam-muội này, có khả năng soi chiếu ba loại thế gian, đó là thế gian chúng sanh, thế gian trú xứ, và thế gian ngũ ấm”. Vì thế một tông phái sử dụng nghĩa, theo đúng ba thứ thế gian của luận kia, phát triển mười như của Pháp Hoa, khéo léo bàn về ba ngàn, vốn chẳng phải sự hy vọng đạt được của thường tình. Hai từ “Đã có v.v...” trở xuống là nghĩa cần phải đến ba. Từ “Thế là v.v...” trở xuống giải thích ba thông suốt mười cõi giới, có hai: Đầu tiên dựa vào y chánh nói về thế gian. Từ “Mỗi mỗi v.v...” trở xuống dựa theo nhân quả nói về pháp giới. Từ: “Nay căn cứ v.v...” trở xuống chỉ ra diệu cảnh, có hai: Đầu tiên chỉ ra diệu nghĩa, có hai: Thứ nhất trình bày ba ngàn duyên khởi, cõi có tướng tánh đến hạng rốt ráo, nhân quả mới đầy đủ, mười cõi đều như vậy thì thành ra trăm pháp, mười cõi có đủ lẫn nhau thành trăm cõi, thì khiến cho nhân quả trở thành ngàn pháp. Như vậy ngàn pháp không ngoài hiểu rõ hay mê hoặc nhân duyên, cho đến chỗ sanh ra pháp thế gian và xuất thế gian. Tiểu thừa nói nhân duyên vô lậu chỉ có thể diệt pháp, vì thế khiến cho bốn Thánh rốt ráo quay về dứt đoạn. Đại thừa nói vô lậu nhân duyên thì thường biểu hiện pháp, vì thế khiến cho bốn thánh rốt ráo quay về thường trụ. Do đó dẫn Đại kinh chứng minh cho nghĩa đại thừa, cần phải hiểu rõ duyên khởi tu tánh đều như vậy, đều do lý đầy đủ mới có sự dụng. Nhưng lại cần phải biết nay nói ngàn pháp tức là ba ngàn, bởi vì dựa theo ba loại giải thích về thế gian, và báo của một cõi cần phải nói về y chánh, chánh lại là giả - thật, lại như tướng ban đầu. Như mặt trời thế gian ấy là ghi nhận đối với đời này, thật pháp của yếu-thọ - hiền - ngu, giả danh của tăng - tục - sĩ - thứ, y báo của áo - cơm - ruộng - nhà, chẳng lẽ tướng ban đầu có thể nói lên ba loại hay sao? Trước sau đã như vậy thì khoảng giữa có thể ví dụ biết được, do đó ngàn pháp ba ngàn chỉ mở rộng và sơ lược như vậy. Nay vẫn trước nói về ba loại thế gian, nay nói về pháp nhân quả của một ngàn, trước sau cùng biểu hiện nghĩa đó trọn vẹn đầy đủ. Từ “Là các v.v...” trở xuống nêu ra diệu cảnh ba đế. Vì ba ngàn pháp đều là nhân duyên sanh, vì thế cho nên mỗi pháp tức Không - Giả - Trung, ba đế có đủ lẫn nhau chẳng dọc chẳng ngang. Do đó Ngài Kinh Khê nói: “Ba đức - ba đế - ba ngàn, đều bật dứt nói năng suy nghĩ đó là diệu cảnh”. Hai từ “Cảnh này v.v...” trở xuống là bao gồm ba pháp, có hai: Đầu tiên dựa theo ba người chia ra hai cảnh, một tông phái trình bày quán không ra ngoài hai cảnh, bốn niệm xứ tâm đối với ấm sắc, mà chia làm trong ngoài. Văn này tâm đối với chúng sanh - Phật, mà phân thành tự - tha.

Mười môn không hai lấy tâm đối với y chánh sắc tâm kia mà chia ra trong ngoài, thì y chánh chúng sanh Phật và sắc ấm của mình, đều gọi là ngoài. Kinh Khê đặc biệt thông hiểu văn của hai nơi, lập nên cảnh ngoài. Cần phải biết y chánh chúng sanh - Phật và sắc tâm của mình đều là pháp giới, chẳng có gì không có đủ ba ngàn ba đế, cho nên trong ngoài - tự tha đều là diệu cảnh. Nhưng vì quán cảnh gần mà lại quan trọng, chẳng có gì bằng nội tâm. Do đó các kinh luận thường nói về tâm pháp khắp nơi gồm thâu tất cả. Cần phải biết rằng khắp nơi gồm thâu căn cứ vào không hai, cho nên Tứ niệm xứ chép: “Chỉ là một thức - chỉ là một sắc, sắc của muôn tượng đã thừa nhận tâm có đủ, tâm của ngàn sai ngại gì sắc có đủ? Chúng sanh thành Phật là y báo thành tựu, cõi nước hưng phế há là sự việc người khác hay sao?” Có người không thấu đạt, chỉ chấp riêng là tâm mà không thừa nhận sắc có đủ, nên lập thành chất vấn rằng: sắc có đủ ba ngàn phải tự thành Phật, nơi nào từng thấy cỏ cây thọ ký, đây là nói gì ư, đây là nói gì? Bởi vì nói nghĩa của tâm có đủ thì dễ sáng tỏ, đối với sắc chỉ ra đầy đủ, tương thì khó biểu hiện. Vì thế nếu giáo văn phần nhiều nói về tâm có đủ là muốn người vâng chịu giáo dựa theo dễ dàng hiểu rõ điều khó. Lấy tâm dụ cho sắc, chính là biểu hiện các pháp từng pháp trọn vẹn đầy đủ. Vì thế nói duy sắc - duy thanh - duy hương - duy vị - duy xúc, hơn nữa nói về duy tâm có thật có quyền, nói về duy sắc chẳng phải quyền mà chỉ riêng thật. Do đó Đại sư vì lập nên Viên Tông, đặc biệt nói về duy sắc, chính là tổ chúng ta một mình bàn luận vượt lên, kiên quyết ẩn kín Viên Tông chỉ giống như nơi khác nói, ý đó thế nào vậy? Nghĩa của duy tâm, nay không phải không thể bàn luận, vì nói về tự tâm và sắc của y chánh. Ba điểm này đều đầy đủ các pháp, thì khiến cho duy tâm không giống với nơi khác. Vì sao? Vì bỗng nhiên nếu không trình bày muôn pháp có đủ lẫn nhau, làm thế nào có thể lập nên tâm có đủ ba ngàn? Kinh Kim Quang Minh chép: “Đối với tất cả các pháp hàm chứa được tất cả, mật nghĩa này sâu sắc có thể dựa vào”. Hỏi: Đại ý nói: Sắc do tâm tạo thành - toàn thể là tâm, sao giáo văn nói: Tâm do sắc tạo thành, toàn thể là sắc. Lại nghĩa theo đó nói: “Tâm có đủ ba ngàn, là đối với vô tình lập nên nghĩa Phật thừa”, cũng là tâm gồm thâu đâu liên quan đến sắc? Đáp: Dựa theo năng tạo thì tâm gồm thâu pháp dễ dàng hiểu rõ, cho nên thuận theo kinh luận dùng tâm gồm thâu pháp, mà làm quán cảnh, vì thế nói sắc do v.v... Đại sư đã nói: “Chỉ là một sắc mà chia ra hai loại, gọi là hữu phân biệt sắc - vô phân biệt sắc”. Ý dựa vào thức tâm để phân biệt sắc, sắc này tạo ra tâm có số lượng bao nhiêu, sao nói: “Xưa nay sắc không

tạo ra tâm”? Đã nói: “Chỉ là một”, sao nói:” “Không nói toàn thể là sắc”? Còn lúc đến quả, trong y hiện có chánh - trong chánh hiện có y, sát nói - trần nói, lý nhân quả như nhau mà y chánh sao khác nhau? Lý tánh - danh tự đã có tướng y chánh không hai, duyên gì kiên quyết chấp một bên đây đủ vậy? Vô tình - Phật thừa là nói theo tâm có đủ căn bản là một thể thuận theo dễ dàng mà quán, đừng dẫn văn này chứng minh sắc không có đủ. Đại sư nói như vậy khiến cho biết đều có đủ, mà nay dựa vào điều này chỉ hạn cuộc ở tâm, là đạt được ý hay không được ý? Muốn cho người ta hiểu rõ hay phù hợp với ngã kiến? Từ “Hỏi tự v.v...” trở xuống là dẫn ra hai kinh trình bày tất cả có đủ, có hai: Đầu tiên Hỏi: Trước lấy mười cõi mà làm cảnh gian, kể đó nói về cảnh thế gian có tự có tha, tha tức là chúng sanh - Phật, tự chính là tâm mình. Chính là dẫn Hoa nghiêm chép “Tâm như người thợ vẽ tạo ra các loại Ấm”. Nói là chúng chủng (các loại) há chẳng phải chúng sanh - Phật hay sao? Vì thế căn cứ vào pháp này mà lập ra câu hỏi này. Tâm năng tạo có thể đầy đủ mười cõi, là tạo chúng sanh và Phật, vì sao nói đều có thể đầy đủ mười cõi? Vì biết người thế gian không hiểu rõ nghĩa của ba pháp không sai khác, cho rằng tâm là lý chúng sanh Phật là sự, lý năng tạo sự - tâm tùy theo hiểu rõ duyên tạo Phật, tâm tùy theo mê muội duyên tạo chúng sanh. Cả ba không xa lìa nhau gọi là không sai khác. Giải Thích Cách này trái với kinh, che lấp Viên nghĩa, do đó phát khởi câu hỏi này để sinh ra câu trả lời sau. Hai Trả lời: Trước tiên dẫn ra Tịnh danh thật tướng ấy, tức là thật tướng các pháp. Dựa theo ý kinh này, các pháp của mười cõi đều là thật tướng, quán thân - quán Phật thật tướng đã như vậy, há không thể đều đủ mười pháp giới hay sao? Lại dẫn văn về ba vô sai khác trong Hoa Nghiêm, để chứng minh tất cả đầy đủ. Bồ-tát Như-lai Lâm trong kinh ấy nói: “Tâm như người vẽ giỏi, tạo ra nhiều loại ngũ ấm. Trong tất cả thế gian không gì không từ tâm tạo ra, như tâm - Phật cũng vậy, như Phật - chúng sanh cũng thế, tâm - Phật và chúng sanh ba thứ không hề sai khác: Văn kinh trước chỉ ra tâm tạo tất cả, nhân tiện lấy tâm này dụ cho Phật, nêu ra Phật quyền tạo, giống như tâm thật tạo. Kế đó lại lấy Phật mà dụ cho chúng sanh, nêu ra chúng sanh thật tạo giống như Phật quyền tạo, quyền thật tuy khác nhau nhân quả tạm thời khác nhau. Cả ba đều là năng tạo tất cả thế gian, cho nên có thể kết luận nói ba không hề sai khác. Vì sao lại nói một là năng tạo - hai là sở tạo, sao có thể ba điều này là không hề sai khác? Đây là tông phái hiện nay làm cho mất dần văn kinh kia. Nếu nói nghĩa đó thì lại làm cho người khác không biết, vì kinh này nói về nhân duyên quả báo,

tức là thật tướng; nhân duyên là năng tạo - quả báo là sở tạo. Nghĩa tạo ở đây đã thuộc về thật tướng. Vì thế cho nên nghĩa tạo lý vốn đầy đủ, dùng lý tạo này mới có sự tạo, ba pháp đều như vậy, vì thế cho nên có thể nói lý sự không hai - bốn mặt ảnh hiện lẫn nhau. Lý đã dung hợp lẫn nhau thì sự lẽ nào ngăn cách khác nhau? Ba pháp có đủ lẫn nhau - thay đổi lẫn nhau - gồm thâu lẫn nhau, rất có lý do, tôn chỉ của viên đốn cùng cực ở đây. Ngoài Kinh Khê than: “Không hiểu rõ văn này, làm sao hiểu hết câu kệ: Tâm tạo ra tất cả, ba pháp không sai khác?”

Câu hỏi trước sao có thể tự tha tất cả có đủ mười cõi? Nay đáp chẳng lẽ không thể tất cả có đủ ba đế hay sao? Vì thế biết mười cõi hoặc chung hoặc riêng, đều là ba đế.

Hai là giải thích Âm, có hai: Đầu tiên dựa vào miệng nghiệp đích thực giải thích. Phật trong mười pháp giới: Nay đã nói về cơ, phải trừ bỏ cực quả tự phần chứng trở lại, chỉ là viên cơ đều gọi là cõi Phật, tất cả có thể xưng gọi danh hiệu. Từ “Hỏi v.v...” trở xuống là nói ba nghiệp cùng cơ, có hai: Đầu tiên là câu hỏi khởi lên. Hai từ “Nhưng thông v.v...” trở xuống trả lời giải thích, có hai: Đầu tiên chính là nói cùng thông suốt, chân tịch thường chiếu đâu có phân biệt thân ý và chỉ đi đến miệng? Từ “Mà nay v.v...” trở xuống là đối chiếu Biến hiển bày Viên, có hai: Đầu tiên xưa trình bày biến giới hạn, có sáu: Một. Hưởng đến đưa ra. Hai là Tùy tục. Ba - Đưa ra lẫn nhau, có ba: Đầu tiên chính thức giải thích. Bậc Thánh nêu lên quán chắc chắn soi chiếu sắc tâm của chúng sanh, tức là thân ý. Chúng sanh nêu lên Âm thanh, chắc chắn phù hợp nhĩ thức của bậc thánh, đã nghe âm thanh lại quán sát sắc tâm, tức là bậc thánh thuận theo ba nghiệp của căn cơ. Hai từ “Xưa hỏi v.v...” trở xuống thông suốt chất vấn, có hai: Đầu tiên người khác chất vấn. Đưa ra lẫn nhau cùng một loại, sao không gọi là nghe sắc tâm? Hai từ “Xưa đáp v.v...” trở xuống là xưa thông suốt, có ba: Đầu tiên nói về xưa thông suốt, nêu lên quán làm ứng, đã là hai chữ sắc tâm thì rõ ràng ứng rộng, nêu lên Âm làm căn cơ - âm chỉ một chữ, tức là cơ hẹp. Cơ hẹp ứng rộng, nói lên sâu sắc thánh đức. Từ “Nay lại v.v...” trở xuống là hiện tại ghi nhận lời hỏi kể là từng chữ một, rõ ràng cảm ứng có thích hợp có hay không? Nếu cùng ứng cùng cảm, thì không cần nói ứng hai cảm một. Từ “Nay không v.v...” trở xuống là nay vì thông suốt Thánh ba đều ứng - phạm ba đều cảm, chỉ vì dựa theo cho và lấy được lẫn nhau nên nêu miệng ý. Bốn là nghĩa gồm thâu, chỉ có ngôn âm đầy đủ đối với ba nghiệp, cho nên nói nghĩa gồm thâu. Năm - ẩn hiển. Sáu khó dễ, có hai: Đầu tiên tai nạn cấp bách miệng cơ dễ phát. Từ “Lại thứ sáu

v.v...” trở xuống là thệ nguyện sâu sắc thích hợp khẩn cấp xưng gọi. Từ “Nay trình bày v.v...” trở xuống dẫn luận giải thích đầy đủ, có hai: Đầu tiên dùng giác quán so sánh âm thanh, tạm thời dẫn ra Thích luận: “Sự của ba nghiệp chẳng có gì không trọn vẹn có đủ, giác quán vừa mới lay động giống với hơi thở hoàn toàn, đã trở thành thân hành, đã là lời nói căn bản lại trở thành miệng hành, ý nghiệp kín đáo tinh tế hãy còn có thể đầy đủ ba loại, thân miệng biểu hiện thô kệch tất cả đầy đủ có thể biết”. Từ “Chỉ nêu v.v...” trở xuống là nói về Quán Âm trọn vẹn cảm ứng. Đại thánh vừa quán sát chẳng phải chỉ có đầy đủ đối với một loại ba nghiệp, cần phải biết rằng đầy đủ ba nghiệp của trăm cõi giới, bởi vì lấy toàn bộ pháp giới mà làm ứng hợp.

Một âm của chúng sanh đầy đủ trọn vẹn cũng như vậy. Lấy toàn bộ pháp giới để làm cơ cảm, do đó bậc Đại Thánh soi chiếu cùng tận chánh tánh, ranh giới ngọn nguồn đó, khó nghĩ được cảm ứng, đâu thể dùng cái thấy phạm tục của thầy người để suy lường được.



QUÁN ÂM HUYỀN NGHĨA KÝ

QUYỂN 3

Thứ hai là giải thích quán trí, có hai: Đầu tiên là nêu ra. Từ “Kết cảnh v.v...” trở xuống là giải thích, có hai: Đầu tiên là kết thúc cảnh của Thế Âm. Muốn trình bày quán trí trước tiên kết thúc cảnh giới, âm thanh thế gian có vô biên phẩm loại, trần sa chẳng thí dụ được, phải dựa vào thánh giáo kết hợp nêu ra để cảnh, mới có thể nói về quán. Quán không dựa vào để thì sai lầm còn gì nghi ngại. Mười cõi là nhân duyên cảnh: Vì mười như là tương tự mười hai nhân duyên, do đó nghĩa không khác nhau. Từ “Hai, nói rõ v.v...” trở xuống chính là trình bày trí của năng quán, có hai: Đầu tiên là nói sơ về các cảnh quán. Để duyên với tất cả bốn giáo cho nên là bốn, ba để chỉ riêng Biệt giáo - Viên giáo cho nên là hai, hai để thêm vào ba kể cho nên là bảy, một thật chỉ riêng Viên cực cho nên là một, không có để thì thể quên do đó quán cũng không thành lập. Từ “Nay căn cứ v.v...” trở xuống là nay dựa vào ba để quán ấy, cảnh thuận theo văn mới của Niết-bàn, quán dựa theo nói tức nhau của Trung luận, gột sạch tình lập nên pháp chỉ ra tâm kỳ diệu dung thông, cuối đời Tượng pháp quán môn này là nhất. Đầu tiên nêu ra cảnh chung riêng. Thông đối với Đốn Quán - Biệt đối với Tiệm quán. Từ “Nay đối v.v...” trở xuống nói về quán Tiệm - Đốn, có hai: Đầu tiên nêu ra cả cặp. Từ “Thứ lớp v.v...” trở xuống giải Thích Cả hai, có hai: Thứ nhất trải qua giáo giải thích. Hai là chủng loại quán, có hai: Đầu tiên là Thiên - Viên cùng giải thích, có hai: Thứ nhất dựa theo các bộ giải thích, có năm: Một là dựa vào Anh Lạc nói về ba quán. Thể ở ba Giả nên bốn câu không sanh khởi, ngay nơi tục nhìn thấy chân gọi là từ giả đi vào không quán. Quán ba giả tục đi vào ngay nơi không chân, từ tục đi vào chân lại gọi là hai đế. Đối với không chẳng thể chứng, phân biệt tất cả thuốc - bệnh của ba giả, tùy bệnh trao cho thuốc, cho nên gọi là từ không đi vào giả. Trước dùng chân phá trừ tục, nay dùng tục phá bỏ chân. Hoặc là tục hoặc chân phá bỏ sử dụng đã cân bằng, lại gọi là bình đẳng. Dùng hai phá trước làm thành cặp ngăn trở phương tiện, tức là lấy

hai dụng làm thành cặp soi chiếu phương tiện. Thứ lớp phá - dụng đã lập nên, một tâm ngăn trở - soi chiếu có thể tu, do đó nói hai quán làm những phương tiện. Ba quán đều dùng từ trong tên gọi thù thắng, tâm đã tức trung thì tư nghị quên hết, gọi là đệ nhất nghĩa đế quán. Hai là từ “Đây ba quán v.v...” trở xuống dựa vào Đại phẩm nói về ba trí, có hai: Đầu tiên chính thức nói về tướng của ba trí. Nội pháp nội danh: Pháp tướng mà trong lý giải thích và danh tự năng thuyên. Ngoại pháp ngoại danh: pháp tướng mà trong ngoài là giải thích, và danh năng thuyên. Nếu quán không thành tựu, đối với danh tướng này đều có khả năng thể đạt vô ngã và ngã sở. Vì thế Phật dạy: “Pháp Bà-la-môn Ma-ha Ca-diếp đều biết, pháp Sa-môn đều biết, cho nên nói trong ngoài thường biết, thường hiểu rõ”. Nhưng trí Không đó chỉ có thể đạt được chung các pháp vô sanh, không thể tách biệt biết rõ duyên khởi các pháp, do đó không thể sử dụng đạo pháp của chư Phật, phát khởi tất cả hạt giống thiện của chúng sanh. Giả quán có thể như vậy, cho nên sử dụng đạo chủng mà gọi trí đó. Đối với Nhất chủng v.v... nói đến trí Trung quán ấy, thì hiểu rõ tất cả đều là Trung đạo, Trung thì không nghiêng về tuyệt đãi làm nghĩa. Nếu một pháp là Trung, thì tất cả là nhân chủng của chúng sanh, đạo pháp của tất cả Chư Phật. Chẳng có gì không hướng đến, một pháp có bên ngoài không gọi là Trung. Một pháp đã như vậy, thì tất cả các pháp đều như thế, cho nên nói rằng đối với nhất chủng trí, biết tất cả đạo, biết tất cả chủng loại. Nhất tướng v.v... Kết thúc những gì đã nói ở trước mà trở thành ngăn dứt, soi chiếu, cả hai ngăn trở thì một tướng vắng lặng, cả hai soi chiếu thì các loại đều biết. Ngăn che - soi chiếu đồng thời, cho nên gọi là nhất thiết chủng trí. Từ “Thông mà v.v...” trở xuống là đối chiếu ở trên giải thích về chung riêng. Anh lạc là ba quán, Đại phẩm là ba trí, chung thì tên gọi khác nhau- riêng thì chia ra nhân quả. Từ “Ba quán trí v.v...” trở xuống đối chiếu bốn trí của Đại kinh, có hai: Đầu tiên sơ lược chỉ ra tướng bốn trí. Đại kinh thứ hai mươi lăm chép: “Quán về nhân duyên, trí gồm có bốn thứ, đó là hạ - trung - thượng - thượng thượng. Người hạ trí quán xét không nhìn thấy Phật tánh, vì không thấy cho nên đạt được Bồ-đề hàng Thanh-văn. Người trung trí quán xét không thấy Phật tánh, không thấy Phật tánh cho nên đạt được Bồ-đề Duyên-giác. Người thượng trí quán xét thấy không sáng tỏ, không sáng tỏ cho nên trú ở địa Thập trụ. Người thượng thượng trí quán xét thấy thì hiểu rõ ràng, đạt được A-nậu-bồ-đề”. Phụ Hạnh giải thích: “Nhân duyên không sai khác, bốn quán không bằng nhau”. Đối chiếu trong Biệt giáo: “Nói rằng trú ở Thập trụ địa ấy

là, theo thứ lớp hành từ Trú đi vào không, cho đến Thập địa mới đi vào Trung đạo. Thứ lớp trú vào ba nơi cho nên gọi là Trú, Trú và Bất liễu hoàn toàn dựa theo giáo đạo”. Từ “Niết-bàn v.v...” trở xuống là đối chiếu phía trên phân định về lìa - hợp, bốn giáo chứng tu chỉ trí ba quán, không phân tích thành thể cho nên trở thành bốn. Đại kinh quán xét duyên trình bày bốn trí là, dùng Tạng giáo phân tích “Không” làm hạ trí. Đại phẩm là ba trí - Anh lạc là ba quán vì chọn lấy Tiểu thừa nói về Đại thừa. Nếu dùng ba trí ba quán của hai kinh, dựa vào bốn trí của Đại kinh thì phải tiến hành phân tích không sanh diệt tất cả trí. Nếu dùng bốn trí của đại kinh dựa vào ba trí ba quán của hai kinh ấy, thì phải kết hợp hạ trí - trung trí cùng nhau đi vào không trí. Từ “Nếu đem v.v...” trở xuống là dùng quán trí đối chiếu năm thứ mắt. Hai thứ nhục nhãn - Thiên nhãn là bốn trí, ba trí, cảnh sở quán vốn không luận bàn về khai hợp, Tuệ, Pháp, Phật nhãn cùng với ba quán trí, chủ định đối chiếu đầy đủ với bản thân. Nếu nói về bốn trí cần phải ở tại tuệ nhãn, mà so sánh phân tích thể của hai không trí. Từ “Trung luận v.v...” trở xuống là dùng Trung luận kết thúc bốn câu. Từ “Nếu đem v.v...” trở xuống là đối chiếu bốn giáo giải thích, có hai: Đầu tiên chính là đối chiếu bốn giáo, có hai: Thứ nhất chính là đối chiếu với giáo. Hai từ “Sở dĩ v.v...” trở xuống là đưa ra lý do. Quán cần phải giải thích giáo - trí căn cứ vào quán đạt được, nay nói về quán trí thì phải thường giải thích giáo. Từ “Giáo hản v.v...” trở xuống mở rộng nói về bốn tướng, có hai: Đầu tiên bốn giáo chủ, có hai: Thứ nhất nói về giáo chủ một và khác. Văn có hai nghĩa nói về một và khác. Trước là luận vượt quá tiết đoạn, chỉ một vị Phật viên mãn mang đến bốn thứ cơ, nói ra bốn giáo pháp. Kế là từ “Hoặc có thể v.v...” trở xuống dựa theo luận đang phân biệt, tùy cơ sở kiến dựa vào giáo sở thuyên, thể dụng của bốn Phật hơn hay kém khác nhau rất lớn. Từ “Bốn giáo v.v...” trở xuống nói về Bồ xứ Thiên - Viên. Bồ xứ cũng trình bày vượt quá tiết đoạn tương đương phân chia, theo như Giáo chủ có thể biết. Từ “Nếu nói v.v...” trở xuống là bốn giáo pháp, có hai: Đầu tiên là nói lý còn không có một. Hai từ “Đáp lý v.v...” trở xuống là nói về phó duyên nói ra bốn giáo. Trước giải thích chung đề mục, đầu tiên của mười nghĩa đã nói về nghĩa này, chứng lý tuyệt ngôn phủ kín cơ duyên cần phải có giáo, có hai: đầu tiên nói về phó duyên. Từ “Tam Tạng v.v...” trở xuống nói về nói ra bốn giáo, có bốn: Đầu tiên là Tam Tạng, có ba: Thứ nhất trình bày giáo tướng, có hai: Trước hết nói về nguyện hạnh, có hai: Một. Dựa vào đế lập thế, đầu tiên là người thợ gốm: Hợp lại nói là con người thợ gốm, nhân gặp Đức Phật ấy đi vào

thành khát thực, tướng tốt cao to oai nghiêm, mới phát sanh thiện tâm mà thích thú cúng dường, liền hướng về Đức Phật ấy phát ra lời thề rằng: Nguyên con sẽ thành Phật, hoàn toàn giống Thế tôn trước mắt, cho nên hiện nay là thời pháp trụ của Đức Thích Ca, hóa độ cho người bao nhiêu v.v... đều giống như vị Phật xưa kia. Nói lập tức khởi lên từ bi ấy là phát tâm dứt trừ khổ đau mong muốn mang lại niềm vui cho họ. Nếu không xem xét tỉ mỉ không nghĩ đến kiết tập và nỗi khổ luân hồi, lại không xem xét tỉ mỉ ba vô vi diệt, và không còn khổ đạo, thì không dứt trừ ranh giới khổ đau, chẳng mang lại niềm vui thật sự. Phạm phu ngoại đạo không thể tưởng tượng, Nhị thừa không có thể nguyện, Bồ-tát y để lập thế trái với hai loại. Từ “Hành lục v.v...” trở xuống là y thế khởi hạnh, có hai: Đầu tiên Lục độ bổ sung nguyện. Trong văn đã nói về sáu Tể (che đậy) là Tập, sáu đường là khổ, sáu độ là đạo, che đậy dứt sạch là Diệt. Lục nêu đầu đuôi, bốn thứ giữa theo đây mà biết. Bồ-tát giáo này tự mình điều phục sáu Tể, đối chiếu phá trừ sáu đạo, khiến cho người khác dứt trừ tập xa lìa khổ. Bồ-tát Giới sơ nói: “Bố thí phá trừ ngã quý, trì giới cứu giúp địa ngục, nhẫn nhục cứu giúp súc sanh, tinh tiến dứt trừ Tu-la, thiền định yên ổn trong loài người, trí tuệ chiếu soi chúng cõi trời”. Từ “Hành sáu độ này v.v...” trở xuống là thời gian sáu độ đầy đủ. Như vua Thi-tỳ cắt thịt khắp thân đến chỗ chim ưng đối lấy chim bồ câu, cho đến dùng hết một thân mà không phiền muộn không chết, tự thề mà chân thật cảm được thân hoàn lại như cũ, là tướng bố thí (đàn) trọn vẹn. Như vua Tu-ma-đề dùng thân đến chết giữ gìn giới không vọng ngữ, là tướng trì giới (thi) trọn vẹn. Như vị Tiên nhẫn nhục bị Ca Lợi Vương cắt đứt thân thể, hiện từ nén chịu bất động thực hiện lời thề lập tức cảm ứng máu thay đổi biến thành sữa, là tướng nhẫn nhục (sản đề) trọn vẹn. Như Thái tử Hiếu Thí cầu ngọc như ý vật báu rãi xuống như mưa cứu giúp người nghèo, được ngọc châu rơi xuống biển vạch biển lấy lên, gân cốt đứt gãy hư hoại không hề rơi lỏng bỏ dở, chư thiên hỏi lý do, nói rằng đời đời không ngừng, vì thế giúp đỡ vạch biển nên nước biển giảm bớt nửa, rồng sợ biển khô nên đưa ngọc châu cho Thái tử, là tướng tinh tiến (Tỳ ly da) trọn vẹn. Như Thượng Xà Lê đạt được thiền thứ tư dứt hơi thở ra vào, chim tướng đó là cây nên đẻ trứng trong bụi tóc, xuất định muốn đi sợ chim mẹ không đến, liền tiếp tục đi vào thiền chim bay mới đứng dậy, là tướng thiền định trọn vẹn. Như Đại thần Cù Tần phân vùng Diêm-phù-đề thành bảy phần, thành thị xóm làng núi sông đồng đều vì thế ngừng tranh cãi, là tướng trí tuệ (Bát-nhã) trọn vẹn. Nói Mãn là độ vốn đối trị Tể, hành đợi chờ đầy đủ nguyện.

Nay che đây đã xa lìa ban cho và dứt trừ được như lòng muốn, tức là biết công lao đó của sáu độ hạn định thoả mãn. Từ “Như đây v.v...” trở xuống nói về thời gian - địa vị, có ba: Đầu tiên dựa theo thời gian nói về hành tướng. Từ cổ xưa đức Thích Ca đến Kế Na Thi Khí Phật. Gọi là sơ tăng kỳ, gần như hướng về địa vị Thanh-văn, thuộc về Ngũ đình tâm và biệt tướng - tổng tướng niệm xứ. Lực quán đã nhỏ bé vì thế không biết thành Phật. Từ Kế Na Thi Khí đến thời Nhiên Đăng Phật, gọi là Tăng kỳ thứ hai, địa vị đang là Noãn pháp. Đã có niềm tin chứng pháp, chắc chắn biết thành Phật, tâm chưa rõ ràng cho nên không nói ra cho người khác nghe. Từ Phật Nhiên Đăng đến Tỳ Bà Thi Phật, gọi là Tăng kỳ thứ ba, địa vị thuộc về Đảnh pháp. Nội tâm hiểu rõ ràng tự biết thành Phật, miệng tự phát ra lời nói không còn sợ khó như dê mập không mỡ: Đại luận nói: “Bồ-tát này tuy có năm dục hấp dẫn mà không sanh ra tham đắm, bởi vì có quán xét về những thứ vô thường, thí dụ như có vị Vương có một đại thần tự che giấu tội lỗi, vua muốn phạt tội, nói rằng: Nếu được con dê mập mà không có mỡ thì sẽ tha tội cho ông. Đại thần có trí, buộc một con dê nuôi ở nơi có đồng cỏ và nguồn nước, mỗi ngày ba lần dùng con sói làm cho khiếp sợ. Con dê tuy được nuôi béo mà không có mỡ. Vua hỏi: Vì sao được như vậy? Trả lời rằng vì việc trên. Bồ-tát cũng như vậy, thấy loài sói vô thường - không, khiến cho mỡ kết sử tiêu hết mà thân công đức mập lên”. Từ “Dùng đây v.v...” trở xuống dựa theo quán nói về địa vị trải qua.

Hỏi: Thanh-văn căn độn hãy còn có thể gấp rút đi vào bảy Hiền bốn Thánh, Bồ-tát lợi trí vì sao ba kỳ mà còn ở Đảnh pháp?

Đáp: Thanh-văn chỉ ở tại một cảnh một môn, tu các niệm xứ cho nên dễ thành tựu Bồ-tát, khắp nơi hướng về tất cả các cảnh giới, mỗi mỗi bốn môn, lại cộng thêm sáu độ huân tu dài lâu, khiến cho mỗi hạnh gồm thấu các chúng sanh làm cho hạt giống giải thoát chín muồi, vì thế trong ba kỳ tất cả người thay đổi cơ duyên được siêu phàm nhập Thánh. Tự thân bờ bên này độ người bờ bên kia, cho nên trải qua kiếp dài lâu chứng đắc địa vị còn dưới thấp. Nói là ba mươi bốn tâm chánh tập đều hết ấy, lập tức chứng La-hán cho đến Bích chi Phật, cũng là ba mươi bốn tâm không gián đoạn mà đạt được, nhưng không dùng chánh tập hết ngay này. Một khi nói đối với tập thì có kiến tư tập và trần sa tập. Bồ-tát tu học các pháp môn nhiều như cát bụi, sửa trị tuệ thấp kém đó, đối với mỗi môn dùng bốn đế quán xét, điều phục chánh sử đó hướng về mỗi mỗi môn thực hành sáu độ xông ướp kiến tư tập. Do đó từ Thọ vương trở xuống ba mươi bốn tâm, đối với trần sa pháp chứng bốn chân

đế, vì thế khiến cho chánh sử và hai tập khí hết cùng lúc, cho nên có thể hai đế đều là rốt ráo, mới khác với đệ tử ba thừa chỉ có sáng tỏ Phật nhãn Phật trí. Từ “Trong đây v.v...” trở xuống dựa theo Phật nói về bồ xứ. Từ “Nếu xét theo v.v...” trở xuống kết luận quán trí. Nếu đối với Tam Tạng nói về con người Quán Âm thì tướng đó như vậy. Ba là phân biệt, có hai: Đầu tiên phân biệt siêu kiếp, có hai: Thứ nhất hỏi - Một vượt lên trên chín kiếp: Bà Sa chép: “Lúc bấy giờ có Đức Phật, hiệu là Đề Sa, có hai đệ tử, một tên gọi Thích Ca, vui mừng tu hạnh lợi tha đã thay đổi cơ duyên thành thực trước, hai gọi là Từ thị, ưa thích tu hạnh tự lợi đã thay đổi cơ duyên thuộc về sau. Đức Phật ấy nghĩ: Cự tuyệt nhiều người thành tựu một người thì khó, cự tuyệt một người thành tựu nhiều người thì dễ. Vì muốn khiến cho Thích Ca thành đạo trước, liền bỏ hai đệ tử đi vào đến giữa núi, thì Bồ-tát Thích Ca theo sau đi vào núi, tìm cầu Bồn sư không thấy dấu vết. đi tiếp thẳng tới, bỗng nhiên nhìn thấy Đức Phật ấy đang trong Bảo khám, nhập Hoả giới định, uy quang to lớn trang nghiêm tốt đẹp lạ kỳ hơn bình thường. Kế đi đến nhắc một chân lên trải qua bảy ngày, nói ra một bài kệ khen ngợi đức Thế tôn ấy: Trời đất cõi này là thất Đa Văn tức là thất của Thiên Vương Đa Văn ở phía Bắc, Thệ cung cõi trời mười phương không có (Thệ cung chính là cung Phạm Vương. Ngoại đạo nghĩ rằng cung ấy là thường còn, Phật vì thế phá bỏ cung ấy, nên gọi là Thệ cung), trâu chúa trượng phu bậc Đại Sa-môn, tìm nơi núi rừng khắp không sánh bằng. Vì vậy tinh tiến vượt qua chín kiếp, thành Phật còn trước Di-lặc”. Hai là trả lời: Phát sa và Đề sa tiếng phạn chịu để chú âm (xa thiết) mà thôi. Di-lặc gặp Phật chần chẫn có vượt qua trên kiếp, e rằng văn Phạm chưa nói đến. Hai là phân biệt trăm kiếp, có hai: Thứ nhất hỏi. Hai là trả lời. Trì giữ pháp môn: Nếu tùy theo vận dụng thực hành đối với pháp môn sáu độ, thì cần phải trăm kiếp. Đây là căn cứ vào đường lối thông thường của lý số mà nói. Nếu công lao tinh tiến gấp bội, cũng đâu hạn cuộc ở tại thời phần. Thứ hai Thông giáo, có hai: Đầu tiên là nói về giáo tướng, có hai: Thứ nhất nêu ra danh số. Nhân vị ba thừa cùng nhau có thể bỏ qua ngôn từ khế hợp chân đế, cùng nhau dứt trừ kiến ái cho nên nhận được tên gọi chung. Nhưng có lợi căn thông suốt đi vào giáo sau, nay phân chia bốn tướng tạm thời thuận theo độn mà giải thích, Bồ-tát giáo trước đến quả mới đoạn, ba thừa không thông suốt vậy. Từ “Việc này v.v...” trở xuống là giải thích về hành tướng, có hai: Đầu tiên gạt bỏ Tam Tạng nói về hạnh vị có hai: Trước tiên đối chiếu sự độ hiển bày Không hạnh, có ba: Thứ nhất gạt bỏ sự chẳng phải độ. Đại luận bác bỏ Bồ-tát Tam tạng nói.

“Đầy đủ ba độc, vì sao có thể nhóm hợp vô lượng công đức? Ví như bình độc tuy chứa đựng cam lồ nhưng ăn đều trúng thực, Bồ-tát tu các công đức thuần tịnh, mới được thành Phật. Nếu lẫn lộn ba độc, vì sao có thể đầy đủ pháp môn thanh tịnh? Thân của Bồ-tát giống như đồ dùng độc hại, đầy đủ phiền não gọi là có độc, tu tập Phật pháp như chứa đựng cam lồ, pháp này dạy dỗ người khác khiến cho người khác mất đi tính mạng thường trú. Bồ thí (đàn) có ba phẩm, đó là mạng thượng - thân trung - tài hạ. Cắt thân thể đổi chim bồ câu hãy còn là xả bỏ bậc trung, đã không hiểu rõ không thì làm sao đến được bờ bên kia? Từ “Không thấy v.v...” trở xuống nói về không trở thành Hạnh. Bồ thí vốn chứa trì keo kiệt - keo kiệt không thể đạt được, ba sự việc đã không thì tướng bố thí không tồn tại, năng sở đã tiêu tan thì chân không hiện tiền, là chân thật đàn độ. Năm độ dưới năng sở đều không, vậy thì gọi là đạo tướng không hai, dùng không tuệ này gột sạch hai chấp sanh- pháp, do đó làm cho các hành xứng hợp với lý thành tựu trọn vẹn. Từ “Lại nữa v.v...” trở xuống bác bỏ hạn định ba kỳ. Không tâm lập hạnh đời kiếp dài lâu quên hết vất vả, gồm thâu vô lượng chúng sanh trải qua vô lượng kiếp, sao có thể hạn định ba A-tăng-kỳ? Vì dừng lại phát triển cơ cần phải phá trừ Tam Tạng, không phải là hủy bỏ giáo kia tiếp nhận vật. Từ “Đại phẩm v.v...” trở xuống dựa theo dứt kiết mà nói về địa vị giống nhau, có hai: Đầu tiên khai triển môn hạnh vị, có hai: Thứ nhất là hạnh dứt kiết. Tiếng Phạn nói Tát-bà-nhã, ở đây nói Nhất-thiết-trí, phát tâm tương ứng cùng với không trí này, tức là có thể đoạn kiến và phá bỏ tư duy, chính là vô sanh người pháp - pháp duyên từ bi, tự hành hóa tha chứa nhóm công hạnh bổ sung cho nguyện, đều tương ứng cùng với bốn đế vô sanh. Do đó thường trong nhân đoạn kết chứng lý.

Từ “Thì có v.v...” trở xuống đoạn kết vị. Từ “Nếu đem v.v...” trở xuống đối chiếu giai cấp tiểu thừa. Tám nhân địa đối chiếu tám nhãn, nhân ấy là nhãn vậy. Sau thế đệ thứ nhất đến mười sáu sát-na ngang đạo so được với nhãn, hãy còn thuộc về Hiền, đến đạo sánh cùng trí thì gọi là Thánh. Hai địa vị cùng thuộc về vô gián Tam-muội, cho nên dùng mười sáu đối chiếu với tám nhân kiến. Bồ-tát giáo này thuận theo đã phân rõ địa, lưu tập nhuận sanh sử dụng từ bi đạo, cùng với chân không quán cả hai thực hành hóa vật. Trước dứt trừ chánh sử nay tiếp cận hai tập, đến nơi Phật địa, kiến tư tập không còn nên rất ráo chân đế, trần sa tập không còn nên rất ráo Tục đế. Trong địa thứ bảy có dứt trừ có giữ lại, do đó hết mà không biết. Từ “Vì thế v.v...” trở xuống dựa theo giúp đỡ tập còn lại để lợi tha. Chánh sử đã hết thì tập không lợi ích chúng

sanh, lấy năng lực của thế nguyện giúp đỡ chúng sanh trong ba cõi. Bởi vì Tạng - Thông giáo đều không bàn nói về thường, thân sanh tử hoàn toàn do hoặc nghiệp, nhị thừa không còn hoặc nghiệp nên không nhận chịu thân sau, Bồ-tát lợi ích vật sợ giống như nhị thừa, cho nên Bồ-tát tạng giáo sử dụng từ bi thế, giúp đỡ cho chánh sử thọ sanh hóa độ mọi vật. Thông giáo đã đoạn chánh sử dùng thế nguyện giúp đỡ tập mà làm nhân của sanh, hết - còn không bao lâu cho nên tựa như làn khói nhỏ bé, đã vì lợi ích cho người mà giữ lại hình thể nơi ba cõi, cho nên xưng danh cảm ứng nhìn thấy thường dứt trừ khổ đau mang lại niềm vui.

Từ “Đây là v.v...” trở xuống kết thúc quán có thể thấy được. Thứ ba là Biệt giáo, có hai: Đầu tiên là nói về giáo tướng, có hai: Thứ nhất nêu ra danh số. Giải thích về Trung đạo cho nên khác với Thông giáo, thứ lớp lần lượt cho nên khác với Viên giáo, vì thế gọi là Biệt. Không giống Bát-nhã không giống nhị thừa, hoàn toàn khác nhau với giáo trước, Viên giáo cũng không giống nhau cho nên chưa phân biệt ở sau, không tên gọi không giống nhau ý quyết định ở đây. Từ “Giáo này v.v...” trở xuống giải thích thích về hành tướng, có hai: Đầu tiên dựa theo thứ lớp nói về hạnh vị có hai: Thứ nhất trình bày ý thứ lớp. Tuy nói: chúng sanh thấy nghe hiểu biết thể là Phật tánh, mà hoàn toàn khởi lên làm thành hoặc nghiệp của ba loại, cho nên cần phải sử dụng tánh hiểu biết này, quán Không phá trừ Hữu - Quán giả phá trừ không đối đãi hai loại quân bình, mới soi chiếu bốn tánh hiểu biết của Trung đạo, vì thế gọi là phương tiện. Lần lượt hiển bày lý đã vòng quanh nơi này cho nên trải qua trần kiếp, thuận theo tiêu chí ban đầu, lần lượt tu học hằng sa quán trí, phá trừ hằng sa hoặc nghiệp, hiển bày hằng sa tánh đức của Như-lai tạng, cho nên duyên với vô lượng bốn đế mà phát tâm. Từ “Thập tín v.v...” trở xuống trình bày tướng điều phục dứt trừ, có hai: Đầu tiên là pháp: Thập tín duyên với Trung đạo thông suốt điều phục ba hoặc chướng, tâm đang mê đắm vào có, cần phải trước tiên quán xét không để điều phục dứt trừ bốn trụ, mới loại bỏ dính mắc nơi có. Lại mê đắm thiên về không cho nên quán xét thuốc, bệnh của sáu cõi giới, thành tựu thể phân thành tám môn đạo chủng, lại quán xét nhân duyên hoặc trí của bốn thánh, vô lượng vô tác tám môn đạo chủng. Hai quán đã thành tựu cho nên soi chiếu Trung đạo, lúc này ba quán chỉ thuộc về một tâm, gọi là Biệt giáo hướng về Viên giáo tu pháp này rồi. Hai là dụ: Viên giáo ví như chế biến sắt thép làm ra đồ dùng, Biệt giáo dụ cho đốt nóng vàng làm thành vật dụng. Chế biến nghĩa là nấu vàng, đổ khuôn thuần phác lập tức dung hợp, các thô cận cấu bản tùy đó vận dụng rất

lại trước tiên. Thiêu nghĩa là rèn đúc, thể của vật hãy còn kiên trì cần phải trừ bỏ bụi đất thô kệch đầu tiên, sau đó điều hòa vàng để loại bỏ cái bản nhỏ nhặt. Viên quán lập tức cùng tận pháp giới, không có ý định trước tiên quán xét hai đế, hai hoặc nghiệp tùy theo vận dụng rơi rụng đầu tiên. Biệt quán lần lượt hiển bày Trung đạo, có ý định trước hết quán xét hai đế, cho nên làm cho hai hoặc chướng loại trừ đầu tiên. Từ “Bồ-tát này v.v...” trở xuống là kỳ hạn chân ứng để lợi ích cho vật, ban đầu tuy lần lượt tu nhưng về sau có thể trọn vẹn ứng. Từ “Đây là v.v...” trở xuống là kết thúc về quán trí.

Hỏi: Biệt giáo hướng về Viên giáo tu tập, sao chỉ kết luận là đưa ra trí của giả quán?

Đáp: Vì sau được tên gọi, vì dựa theo giáo đạo. Như Phụ hành chép: “Một giáo trước sau tuy có đủ ba đế, nếu đi vào chứng đạo không trở lại gọi là Biệt, vì thế cho nên Biệt giáo chỉ nằm ở Giả. Thứ tư là Viên giáo, có hai: Đầu tiên dựa theo hạnh vị là nói về Viên, có hai: Trước tiên mở rộng chỉ ra tướng, có hai: Thứ nhất chính là giải thích hạnh vị, có hai: Một là dựa theo pháp chỉ ra tướng, có hai: Đầu là giáo thuyết lý. Nói tất cả các pháp đều là Trung đạo, một sắc một tâm một nhiễm một tịnh, đều có đủ ba ngàn toàn bộ chẳng phải Không - Giả, chẳng phải nội tức là chẳng phải tánh, toàn bộ tánh trở thành tu; chẳng phải ngoại tức là chẳng phải tu, vì toàn bộ tu thuộc về tánh. Đã mất hai không - giả đó, tu tánh đều dứt, thì nghĩa của Trung đạo hiển bày rồi. hai từ “Quán mười v.v...” trở xuống là giáo thuyết quán, có hai: Đầu tiên chính là nêu ra, có hai: Trước tiên nói về tu quán, có hai: Thứ nhất đối cảnh nêu ra quán. Pháp mà giáo giải thích làm cho sinh ra diệu giải, nay dựa vào diệu giải mà Tu-diệu quán, chúng sanh mười cõi giới là cảnh sở quán. Nước, gương ví như tánh đức ba ngàn, bóng trăng dụ cho tu khởi lên ba ngàn, trong ngoài có không đều là tánh chẳng có thật, mà ba ngàn đế rốt ráo tự rõ ràng như vậy. Từ “Quán trí v.v...” trở xuống là dựa vào quán nói về đế. Đây là quán vô duyên soi chiếu đế vô tướng, dùng đế vô tướng phát ra quán vô duyên, đế và quán là tên gọi khác nhau mà thể đó vốn đồng nhau, vì thế cho nên năng sở là hai, tức chẳng phải hai. Từ “Đại phẩm v.v...” trở xuống nói về chứng đế giải thích, có hai: Đầu tiên chứng tướng phát tâm. Nếu phát ra chân tâm tương tự tâm - quán tâm và danh tự tâm, tùy theo địa vị dựa vào tức là trình bày ngời nơi đạo tràng chuyển pháp luân hóa độ chúng sanh, vì thế kinh Phật tạng chép: “Trong thân chúng sanh đã có Như-lai ngời kiết già. “Lý tức hãy còn như vậy huống gì địa vị trong tu? Từ “Liên ở v.v...” trở

xuống là đức của sơ phát tâm. Từ “Vào Thập tín v.v...” trở xuống là đi vào địa vị. Từ “Văn nói v.v...” trở xuống là dẫn ra văn khen ngợi, có bốn : Một. kinh này khen ngợi chân thật. Hai. Đại phẩm khen ngợi pháp đầy đủ. Ba. Niết-bàn khen ngợi sơ tâm. Bốn là Từ “Trong đây v.v...” trở xuống là các văn khen ngợi nhân - trí, có hai: Đầu tiên dựa theo kinh này nêu ra chung. Khai thị ngộ nhập đều là tri kiến Phật. Cảnh đã thấy biết đã đầy đủ trăm cõi, nghiệm xét khả năng thấy biết tức là ba trí, năm mắt, từ trội hơn hẳn gọi là Nhất, như biển có đủ các dòng chảy. Hai là dẫn ra hai văn tách biệt giải thích, có hai: Một là Đại luận nói về trí. nói là mười trí, là thế trí - tha tâm - khổ - tập - diệt - đạo - pháp - tử - tận - vô sanh. Mười trí như vậy thông suốt đối với Tam tạng - Tam thừa, chỉ riêng trí như thật thuộc về Diễn giáo. Nay chỉ chứng Viên. Từ “Mắt cũng v.v...” trở xuống là Đại kinh nói về mắt. Đã thấy thô sắc, tức là Phật tánh có đủ tất cả các pháp, tức là quán hành năm mắt từ vượt hơn nhất gọi là Phật nhãn, Nhục nhãn kiến tánh, tốt bằng Phật nhãn, tuệ nhãn kiến không nghiêng lệch kém như nhục nhãn. Từ “Nếu có thể v.v...” trở xuống bao gồm nói về người - pháp, có hai “Một là nêu ra sáu cặp Viên. Từ “Dùng không thiếu.” trở xuống là nói hai lợi ích của kinh. Tam điểm Niết-bàn: Đại kinh chép: “Tạng bí mật giống như ba điểm của chữ Y, nếu song song thì không thành Y, dọc cũng không thành. Như ba mắt trên mặt Ma-hê-thủ-la, mới thành Y - ngã cũng như vậy. Pháp của giải thoát cũng chẳng phải Niết-bàn, thân của Như-lai cũng chẳng phải Niết-bàn, Ma-ha Bát-nhã cũng chẳng phải Niết-bàn, ba pháp đều khác cũng chẳng phải Niết-bàn. Đây chính là ba đức tức một mà ba, gọi là đại Niết-bàn”. Hai là từ “Đó gọi là v.v...” trở xuống là kết thúc quy về đề mục như văn.

Hai lần hỏi đáp hiển bày Diệu, có ba: đầu tiên nói về vô duyên ban cho và dứt trừ, có hai : Một là căn cứ vào Trung đại trở ngại đến Từ, để hỏi. Hai là dựa vào Tịnh danh thành tựu Từ để trả lời. Phẩm Quán chúng sanh trong văn kinh Thù Vấn Duy ma cật nói: “Tại vì sao quán xét đối với chúng sanh? Duy Ma chép: Ví như nhà ảo thuật thấy những huyễn nhân, như người trí thấy trăng trong nước, như trong gương thấy những hình tượng trước mặt đó. Văn Thù nói: Nếu Bồ-tát thực hiện quán sát-này, làm sao hành từ? Duy Ma nói: Bồ-tát thực hiện quán sát-này rồi, tự nghĩ rằng mình nên vì chúng sanh giải thích như pháp này tức là chân thật từ”. Phẩm kia đã là thông suốt tướng, từ giả đi vào không thấy thấu suốt ba đế tức là Trung đạo vô duyên ban cho và dứt trừ. Hai là nói về Trung đạo kiến lập, có hai: một là dựa theo cả hai “chẳng

phải” đều phá bỏ để hỏi: Hai là nói về Trung đạo thành lập biến khắp để trả lời, có hai: Đầu tiên nói về Trung đạo có thể lập ra bốn đế, Tam bảo thiên - viên, có hai: Thứ nhất sơ lược chỉ ra lỗi mê mờ Trung đạo. Bốn giáo bốn đế là tướng quyền - thật, đều dựa vào Trung đạo chẳng phải quyền chẳng phải thật, mà được kiến lập. Nay đã mê muội điều này thì tất cả đều sai. Từ “Nếu rõ v.v...” trở xuống là rộng rãi nêu rõ hai đức của Trung đạo, có hai: Đầu tiên chỉ ra bốn thứ bốn đế duy tâm, lý mười loại pháp giới quên mất danh ngôn, gọi là Trung đạo. Đạt được lý này cho nên mới lập bày giáo quyền thật, mười pháp giới dung thông thì nói ấy gọi là Viên, mười pháp giới lần lượt thứ lớp nói ra thì gọi là Biệt, sáu pháp giới vô sanh thuyết gọi là Thông, sáu pháp giới sanh diệt thuyết gọi là Tạng. Bốn giáo này đều nói về bốn đế. Nếu nhận thức Trung đạo thì các pháp đều dung, cho nên đối với một tâm có đủ bốn thứ bốn đế. Từ “Sở dĩ v.v...” trở xuống là giải thích nhất thể tam bảo có đủ tiệm, chia làm hai: Đầu tiên dựa theo Viên quán trình bày Tam bảo. Phật chỉ cả cặp chẳng phải (Song phi) ấy là tạm thời thuận theo sơ lược nêu ra. Ngăn che chắc chắn có đủ ba trí viên giác soi chiếu, mới gọi là Phật bảo. Dùng pháp ba đế nói lên Phật không đơn độc. Trong Tăng Bảo nói: “Lý sự hòa ấy là, pháp ba đế trên tánh vốn viên dung, gọi đó là Lý; tùy theo tình sai khác gọi đó là sự. Thật tướng tuệ của Phật có đủ quyền thật, thật tuệ hòa hợp lý có thể nói ra Viên pháp, quyền tuệ hòa hợp sự có thể nói ra Thiên pháp”. Do đó văn cú nói về pháp dụng phương tiện chép: “Trí đến chỗ quy định dễ dàng sử dụng Viên pháp, lưu lại thông hiểu chúng sanh như chỗ hoàn bị và chỉ tay, mắt nhìn. Trí đến nơi phép tắc dễ dàng sử dụng thiên pháp, lưu lại thông hiểu chúng sanh, như chỗ thiên hẹp và chỉ tay, mắt nhìn. Nói sự hòa tức là có ba giáo trước: quyền tuệ thuận theo tình soi chiếu để sai khác, tức là nói về thứ lớp ba đế của Biệt giáo, hoặc nói Tạng - Thông tức là xa lìa hai đế, mới có thể có người thực hành ba giáo, vâng theo pháp tu hành trở thành Tăng Bảo của ba giáo. Nếu thật tuệ đó hòa hợp tùy theo trí, đế, tức là nói ba đế không thứ lớp, mới có thể có người thực hành đốn tu, vâng theo pháp trở thành tăng của nhân quả Viên giáo. Không chỉ khiến cho người theo giáo thành Tăng, mà còn trở thành người thực hành Thiên - Viên, tu tập trở thành Tăng Bảo.

Hỏi : Bốn mươi hai địa vị, từ Đẳng Giác đến hợp lại xếp vào là tăng, Diệu giác là Phật, vì sao nhân quả đều gọi là tăng?

Đáp: Biệt tướng Tam Bảo chính là lấy nhân quả mà làm Tăng - Phật, nay nói về Nhất thể, một người một niệm đầy đủ Tam bảo, bốn

mười hai địa vị, bảo trí của từng địa vị sâu kín ở tại pháp tánh, đều gọi là Nhị bảo, ứng thân từng địa vị một đều gọi là Tăng Bảo. Cho nên Diệu Giác thích ứng nhất có khả năng thống lý đại chúng ba cõi. Thế nên Tăng Bảo thành tựu rất ráo. Nếu có thể khéo nhận thức Nhất Thế Tam Bảo, thì mặc ý chuyển vận có thể đầy đủ ý nghĩa Tam Bảo trong các giáo Tiệm, để thường hòa hợp đối với sự lý ba đế. Từ “Cho nên, Đại kinh v.v...” trở xuống dẫn ra mặt trăng đáng yêu để trình bày tăng tướng, có hai: Đầu tiên căn cứ vào văn kinh nói về trí - đoạn các Địa, có hai: Trước chính là dẫn ra Niết-bàn, có hai: Thứ nhất tất cả thí dụ các địa, có hai: Một là thuận theo dụ cho trắng - đen nói về thêm bớt, có hai: Đầu tiên đưa ra ánh sáng mặt trăng ví dụ, ánh trăng sáng tỏ thêm lên dụ cho phát trí, ánh trăng tối mờ giảm xuống dụ cho dứt hoặc, dụ tuy trước sau nhưng pháp chính là đồng thời. Từ “Tánh của Tăng v.v...” trở xuống theo Thế Dụng kết hợp, thật tướng thì nhân quả không hai, trí - đoạn thì thêm bớt có khác, các pháp không sanh các pháp không diệt, Tam thiên không có thay đổi. Phiền não diệt đi Bát-nhã sanh ra, vô minh lập tức sáng tỏ. Đại kinh v.v... vì thế vô minh là hiểu rõ ưu việt, cho nên cũng gọi là Minh. Từ “Như vậy v.v...” trở xuống dựa theo pháp từng địa một nói về trí - đoạn, bỏ dụ theo pháp nói về bốn mươi địa, mỗi trí đoạn cho nên nói đều có đủ. Từ “Nếu ngày rằm v.v...” trở xuống là đối chiếu riêng các địa, có hai: Một là dùng cuối tháng, giữa tháng (hồi vọng) đối chiếu Diệu Giác, trăng giữa tháng để dụ cho lý thể - trí đức của Diệu Giác cả hai đều tròn đầy cùng cực, cho nên lại nói là Bất sanh; trăng cuối tháng dụ cho Diệu giác chỉ phần đầu tương ứng mà cả hai trí đều rất ráo tận cùng, cho nên lại nói là Bất diệt. Từ “Ba ngày đầu tháng v.v...” trở xuống dựa theo khai hợp đối chiếu các địa. Hợp trước khai sau, cho nên đối chiếu mười lăm bốn mươi hai, ba ngày đầu trong này tức là có tối - sáng hai lần ba ngày đầu, cho đến mười lăm cũng giống như vậy. Từ “vua cõi người v.v...” trở xuống ví dụ về các Bát-nhã, chỉ nói về nhân vị cho nên đối chiếu mười bốn với bốn mươi một địa, trong từng địa một có đủ ba Bát-nhã. Từ “Như đây v.v...” trở xuống kết thúc Tăng thật sự lập nên tất cả nhân quả. Nếu hòa hợp với lý Trung đạo, thì chắc chắn hòa hợp cùng với sự của ba giáo, vậy thì quyền thật y cứ vào quả đều do Trung đạo, chính là phá trừ bốn đế Tam bảo tiệm đốn, có hai: Đầu tiên nêu ra được trước mất sau, Tam bảo bốn giáo và bốn thứ bốn đế, chỉ dựa vào hai loại Trung đạo mà thành lập. Tạng - Thông dựa vào xa lìa đoạn - thường Trung đạo Biệt - Viên dựa vào Phật tánh Trung đạo, tất cả có ngay trong - xa lìa cho nên thành bốn giáo. Ngoại

đạo chấp đoạn - thường đều mê mờ hai chấp này, cho nên mất đi bốn đế Tam bảo của bốn giáo. Ba giáo được mất tại văn có thể thấy. Từ “Truyền truyền v.v...” trở xuống là nói trước nhiều sau ít. Hai là dùng quyền bày thật, có hai: Đầu tiên là dựa theo Viên giáo giải thích phế bỏ tiệm để hỏi. Hai là dựa theo quyền có thể hiển bày thật để trả lời, có hai: Đầu tiên bày ra Tiệm hiển bày Viên, có hai: Thứ nhất dùng quán thí dụ giáo, quán đã theo thứ lớp hiển bày đối với không thứ lớp, giáo cũng dùng ba hiển bày một viên, lợi căn có thể trực tiếp bàn luận, độn căn nên từng bước hiển bày, nay hoặc bốn nói lợi, độn không bỏ sót. Từ “Nếu không v.v...” trở xuống lấy ba hiển bày Viên, có hai: Đầu tiên nêu ra thành lập ba ý. Từ “Tuy nói v.v...” trở xuống dẫn ra văn chứng minh để giải thích. Trong các pháp sâu khác: Tạng - Thông là pháp khác mà không sâu, Viên giáo sâu sắc mà không khác, Biệt giáo cũng khác cũng sâu sắc, cho nên đem pháp chỉ riêng khác cho đến cả hai cũng giúp hiển bày chỉ riêng, sâu sắc. Lộng dẫn: Dẫn khứ thanh, nghĩa là trước kia quanh co sẽ có lối dẫn ra. Nói khai “không” pháp đạo: Nghĩa là ba giáo trước là mở đường thông đến pháp đạo “không” của Viên giáo. Từ “Nếu nhập v.v...” trở xuống là thu quyền về thật, có hai: Đầu tiên phế bỏ ba lập nên Viên giáo. Trước là vì thật lập bày quyền, nay nói về bỏ quyền lập nên thật, pháp ba đời mười phương đều như vậy. Từ “Lại nữa v.v...” trở xuống là quên dứt nói năng, kế hợp lý. Nương ngôn ngữ hiển bày lý - từ thiên đi vào Viên, quyền sai thật đúng. Sợ rằng sai ý thì đúng sai không dứt, cho nên dùng cặp phi bật dứt nghĩ bàn đó. Quyền đã không sanh thì thật cũng không sanh, do đó hai không sanh khởi rõ ràng đối với diệu khế. Nên biết đây lập nên chẳng phải quyền chẳng phải thật này, chỉ loại bỏ đối với tình của chấp trước ngôn ngữ, các lý khế ngộ đó đường lối không hề khác nhau, chớ cho rằng lý cả hai chẳng phải vượt qua một thật, hai quán tâm nói về hai loại quán.

Hỏi: Trên trình bày các giáo chẳng qua là đối cảnh lập ra so với quán môn, huống chi lại dựa theo cảnh quán của Viên giáo đều là diệu, tại vì sao đến đây lại nói về quán tâm?

Đáp: Trên vì giải thích tên gọi Quán Thế Âm, cho nên dựa theo bốn giáo trình bày đối với quán pháp, đã là Quán Thế Âm, thì chính là dùng chúng sanh khác mà làm cảnh quán. Tâm - Phật - chúng sanh tuy không sai khác, mà cảnh của chúng sanh - Phật cao rộng khó quán sát, nếu dựa vào cảnh của tâm gần kề mà dễ dàng soi chiếu. Tức là đương cơ thời Phật tại thế thuận theo nghe mà ngộ nhập, cảnh không có xa gần. Sau khi Phật diệt độ người sơ học tu quán đòi hỏi phải tập luyện

khó thuận theo dễ, cho nên nay các bộ dựa theo giáo giải thích Trung đạo, dù cho bản thân sáng tỏ về quán, mà sau cần phải lại lập nên một khoa quán tâm. Lại nữa, chúng sanh khác không ra khỏi tâm tánh, nếu quán sát tự tâm, thì có thể thấy rõ chúng sanh trong mười pháp giới, cho nên biết trước quán tâm thành tựu thì dựa vào giáo quán sát Thế Âm. Nay chỉ ra quán tâm ý đó sơ lược như vậy. Trước là nêu lên. Kế là từ “Nói về tâm v.v...” trở xuống là chỉ ra, có hai: Đầu tiên dựa theo nguồn tâm vốn không có cảnh quán, có hai: Thứ nhất là nói vốn không có tâm cảnh, có hai: Một là nói về tánh dứt trăm phi. Nguồn tâm vốn tịnh v.v... ấy là chỉ có tâm hiện tiền đương xứ tức trung, gọi đó là nguồn, xa lia tất cả các tướng gọi là vốn tịnh. Từ “Vô vi v.v...” trở xuống là bày ra tướng đã xa lia, đã là như vậy thì làm sao lập nên tâm cảnh? Từ “Tuy là v.v...” trở xuống là nói tâm chẳng phải là bốn vận dụng, hãy còn không thể dùng tri giác mà cầu, chẳng lẽ có thể dùng sanh diệt mà đạt được hay sao? Thế nên không thể lập tâm làm cảnh. Từ “Đâu có thể v.v...” trở xuống là nói dừng sắp bày pháp quán, có ba: Một là pháp - tâm cảnh vốn không có thì quán hướng về đâu mà lập ra. Từ “Cũng như v.v...” trở xuống là dụ, không thể so sánh gượng gạo dựa vào hư không. Ba là từ đây trở xuống kết hợp. Từ “Có nhân duyên v.v...” trở xuống do duyên cảm cần phải lập nên quán tâm có hai: Một là do duyên lập tâm - có mười nhân duyên để tu chứng: Trong không năng sở lập nên cảnh sở quán. Từ “Đã có v.v...” trở xuống căn cứ vào tâm lập nên quán, có hai: Đầu tiên sơ lược lập nên, có ba: Một là pháp. Hai là dụ. ba là hợp. Từ “Nếu thực hiện v.v...” trở xuống là đích thực nêu ra, có hai: Đầu tiên nêu ta Tiệm quán, tuy trình bày hai quán mà hai ý thuộc về Viên giáo, cho nên quán thứ lớp sơ lược chỉ ra mà thôi. Từ “Nếu quán v.v...” trở xuống nêu ra đốn quán, có hai: Đầu tiên trình bày toàn tánh thành tu, có hai: Trước tiên dựa vào pháp thẳng thắn trình bày, có hai: Thứ nhất nêu ra, có hai: Một là đối với một niệm quán tánh ba nhân ba đế chính là chánh nhân, ba quán tức là liễu nhân, tất cả các pháp tức là duyên nhân, có đủ chánh nhân của duyên liễu gọi là ba đế, có đủ liễu nhân của chánh duyên gọi là ba quán, có đủ duyên nhân của chánh liễu gọi là tất cả các pháp. Vì thế Đại kinh nói: “Pháp thân cũng chẳng phải, Bát-nhã cũng chẳng phải, giải thoát cũng chẳng phải. Ba pháp này đưa ra một tức là ba - ba tức là một, chẳng phải dọc chẳng phải ngang cùng ở tại một niệm. Từ “Mười pháp v.v...” trở xuống là quán xét ngàn pháp đều có ba đế, bởi vì ngàn pháp đó đều là nhân duyên sanh, cho nên hướng đến đưa ra một tánh tướng không thể đạt được nên Không, duyên khởi

rõ ràng nên Giả, tánh tuyệt dứt đối đãi nên Trung, một pháp đã vậy thì ngàn pháp đều như thế. Người học cần phải biết rằng ngàn loại ba đế chỉ có một ba đế, nói ngàn chẳng phân tán nói một chẳng hợp lại. Bởi vì viên dung cho nên ngàn pháp đều được ba đế toàn phần. Bởi lẽ do Thể của ba đế là ba đức, gọi là Bí mật tạng, tất cả các pháp không ra ngoài Tạng này, toàn thể tạng này hòa nhập khắp cả các pháp, như vàng thật ở thế gian có đủ sắc màu chói lọi, có đủ năng lực chuyển biến - có đủ tánh chẳng thể thay đổi. Nếu trở thành sư tử, thì toàn bộ lấy các sắc làm đầu làm đuôi làm thành ngực - lưng - bốn chân - răng - móng và các lông, há có một nơi không có đủ ba loại các sắc chẳng? Ba loại này há có thể tạm thời phân cách ư? Đạt được ý dụ này thì đối với ngàn loại ba đế, không khởi lên suy nghĩ một - nhiều của hợp lại hay phân tán. Hơn nữa, ngàn pháp này tạm thời chung sơ lược mà nói, rộng ra thì ba ngàn đều nhất nhất ba đế. Vì thế Kinh Khê nói: “Ba ngàn tức là liễu nhân tánh không, ba ngàn tức là duyên nhân tánh giả, ba ngàn chính là chánh nhân tánh trung”. Tâm pháp đã như vậy, thì ba ngàn chúng sanh - ba ngàn chư Phật đồng nhất bí tạng, vì thế cho nên mỗi mỗi đều đầy đủ ba đế. Những pháp môn này cùng ở nơi một niệm. Từ “Đây tức v. v...” trở xuống là kết luận. Ngay nơi quán không thứ lớp ấy là, cảnh không thể nghĩ bàn thì cảnh tức là quán, nếu cảnh tự nó là cảnh thì lại khởi lên quán trí, để soi chiếu cảnh này. Đây chính là biệt tu không phải hành tánh đức, cho nên chỉ quán mười thừa là quán sát biệt tướng, ba ngàn Không - Giả - Trung là quán sát tổng thể. Lấy đây làm diệu cảnh, lấy đây để phát tâm, lấy đây an tâm đó, lấy đây có thể phá bỏ khắp nơi, lấy đây thông suốt cửa ải mê đắm, lấy đây điều hòa đạo phẩm, lấy đây hợp lại trợ đạo. Dựa vào đây nói về thứ lớp địa vị, lấy đây chịu đựng duyên khác, lấy đây xa lìa tương tự ái, ngoài đây ra không có hạnh - ngoài đây ra không có quả, bởi vì lấy lý của đế làm diệu hành, cho nên sau khi chỉ ra ngàn loại ba đế, thì nói rằng đây chính là không thứ lớp quán. Từ “Hoa nghiêm v.v...” trở xuống là dựa vào kinh đích thực nêu ra, có hai: Đầu tiên dẫn ra kinh nêu ra quán, có hai: Thứ nhất trình bày tâm tạo ra tất cả. Mười loại thế gian đều trú nơi chân pháp, chân pháp vô ngại cho nên mười lại dung thông lẫn nhau, dung thông cho nên trăm cõi giới ngàn pháp đầy đủ. Lý này đầy đủ đã có nghĩa tạo, do lý tạo cho nên mới có sự tạo, vì thế một lời tâm tạo chính là hai tạo vậy. Từ “Nếu quán v.v...” trở xuống là quán tất cả đều là ba. Lý tạo sự tạo đều nói về tất cả, sơ lược thì ngàn pháp, mở rộng thì ba ngàn. Nếu quán tâm không thì lý sự ba ngàn không có gì không thể không, quán tâm Giả - Trung thì

Lý sự ba ngàn không có gì không là Giả - Trung. Đã ba ngàn không thì không tức là ba quán, cả ba đều thường phá bỏ cho nên chung nói là không. Quán ba ngàn Giả thì Giả tức là ba quán, bởi vì đều lập ra cho nên toàn bộ nói là giả. Quán ba ngàn Trung thì Trung tức là ba quán, bởi vì đều tuyệt đãi cho nên chung quy nói là Trung. Đây chính là ba đức - ba đức - ba ngàn vậy. Từ “Như thế..” trở xuống là kết luận pháp quy về tâm. Từ “Nếu có thể v.v...” trở xuống chỉ ra Tu-là Phật, có hai: Đầu tiên mở rộng dẫn ra văn kinh, có hai: Trước tiên dẫn chứng ngang nhau với Phật, có ba: Một là dựa theo Đại kinh quán sát duyên được Phật. Mười như tức là mười hai nhân duyên, nay quán ngay nơi tánh cho nên thấy ba ngàn tức Không - Giả - Trung, gọi là thượng thượng trí, sơ tâm tu như đây tức gọi là được Phật. Hai là dẫn Kinh Tịnh danh quán các thân Phật, quán cảnh tuy khác mà thật tướng há khác nhau, do đó có thể quán quả Phật ấy từ những thân tâm. Ba là dẫn ra tâm - Phật không sai khác trong Hoa Nghiêm, như trước đích thực đã nói. Từ “Nếu làm...” trở xuống dựa theo kinh khen ngợi quán, có hai: Thứ nhất khen ngợi chánh quán, quán khác so với đây đều biết thiên lệch, Ca diếp chưa nghe trở về trước đều là tà kiến. Từ “Liên khai v.v...” trở xuống khen ngợi là Phật, khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật. Nay tông phái giải thích bốn cách: Một - Đây đủ bốn địa vị Trú - Hạnh - Hương - Địa. Hai - Đây đủ bốn trí gọi là đạo tuệ tức là rốt ráo không, hai là đạo chủng tuệ chẳng thể nghĩ bàn Giả, ba là Nhất-thiết-trí song già Trung đạo, bốn là nhất thiết chủng trí song chiếu Trung đạo. Ba. Đây đủ bốn môn, tức là Không, Hữu môn bất tư nghì cả hai phi và cùng. Bốn: Bốn quán viên mãn tức là ba quán đều không, ba quán đều Giả, tức ba mà một - tức một mà ba, đều như dưới đây đối chiếu khai thị ngộ nhập. Bốn địa vị theo chiều dọc mà luận ba phần còn lại theo chiều ngang mà giải thích, do đó biết khai thị ngộ nhập v.v... thông suốt cạn thông suốt sâu. Chỗ ngồi - nhà ở - y phục (tòa- thất - y) cả ba đều gọi là Như-lai ấy, bởi vì sử dụng quả pháp để hành vậy. Địa vị tuy cao thấp mà cảnh quán không thể khác nhau, vì thế cho nên bốn oai nghi đều cần phải xây dựng tháp. Từ “Như đây v.v...” trở xuống là kết thành Phật pháp, không phải vốn trình bày khó vượt qua chín cõi giới. Ba là nói về Phổ Môn, có hai: Một khai chương. Hai. Tùy giải thích, có hai: Đầu tiên theo cách chung nói về môn, có hai: Thứ nhất liệt ra. Hai là giải thích, có sáu: đầu tiên sơ lược liệt ra tên gọi về Môn, có ba: Một từ “Liệt kê môn v.v...” trở xuống tất cả dựa theo dụ biểu hiện. Hai từ “Phàm phu thấp kém v.v...” trở xuống tách biệt dựa theo pháp nêu ra, có hai: Đầu

tiên là thế gian, có hai: Một là nêu ra các môn. Ngoại đạo chỉ riêng thế gian cho nên thông đến hoặc khổ, hoặc tức là Tập. Ái trước vào thường lạc ngã tịnh của ba cõi, cho nên nói là bốn Đảo. Kiến hoặc tuy nhiều, mà không ra ngoài có - không cho đến một - khác, tất cả chấp vào bốn câu. Từ “Thiện ác v.v...” trở xuống tóm lại nói đều trở về sanh tử. Hai từ “Nếu đem v.v...” trở xuống là Phật pháp môn, có hai: Đầu tiên nêu ta tất cả năng sở của bốn giáo, thông suốt chân hàm chứa Trung đạo, độn căn đi vào hóa thành thấy không là chân, lợi căn thấu đạt thường trú thấy Trung là chân. Hai từ “Đây thì v.v...” trở xuống trình bày bốn thứ có, đối với giáo quán. Đại Bản Huyền nói: “Nếu đối với một giáo dùng bốn câu diễn lý, tức là bốn môn, bốn - bốn hợp lại là mười sáu môn. Nếu lấy hạnh làm Môn, thì vâng theo giáo tu quán nhờ suy tư được hội nhập, tức là lấy hạnh làm Môn. Dựa vào giáo phát chân thì lấy giáo làm Môn. Nếu lần đầu nghe giáo như ngựa nhanh nhìn thấy bóng roi, lập tức đi vào đường thẳng; không cần phải tu quán như dựa vào ánh sáng điện liền được thấy đạo, không cần giáo nữa. Hoàn toàn là xưa kia thiện căn luyện tập đã thành thực, nay ở tại giáo môn đạt được đạo gọi là Tín hành, ở tại quán môn đạt được đạo gọi là Pháp hành. Từ “Năng thông v.v...” trở xuống rộng rãi chỉ ra Đại bốn.

Từ “Hai là chỉ cho tướng Môn v.v...” trở xuống là nêu ra tướng Môn, có bốn: Một là Tam tạng: Tục đã thật có thì “không tức” là chân đế, cho nên ở tại Tục đế nói về bốn thứ môn. Bởi vì thông suốt đối với lý, giả nhân không thể đạt được bốn môn này như nhau, chỉ dựa vào năm ấm phân biệt bốn tướng. Thật pháp vô thường là quán hữu môn, ba giả phù hư là quán không môn. Hai môn cùng sử dụng thông dong mà tu, là cũng hai môn quán. Xa lìa tướng không, có bật ngôn ngữ mà tu, là song phi môn quán. Tùy theo thành tựu bất cứ một quán nào đều được thông hiểu chân. Hai là Thông giáo: Hai đế tức nhau bốn môn không tranh cãi, hoặc quán huyễn có hoặc quán huyễn không, hoặc quán cả cặp còn hoặc quán cả cặp mất, chỉ tùy theo căn tánh, dựa vào một môn tu đều được đi vào đạo. Ba là Biệt giáo: Nói là quán Phật tánh ấy, tin tâm phân biệt là căn bản - thể giác tánh là ba đế, căn chậm lụt không biết tánh có chín loại, dẫn đến khiến cho thể của ba đế không hòa hợp tiếp xúc, tùy vâng theo bất cứ một môn nào mà tu quán pháp. Người vâng theo hữu môn, quán tánh bốn giác là chân thiện diệu hữu, như tìm bình lọ bốn chậu bị bóng đêm che lấp, không thể hiện rõ. Mười dụ về Phật tạng đều là ý môn này. Người vâng theo không môn, quán xét bốn giác rất ráo không, vô tướng có thể đạt được. Vì ngã chấp ấy mà không

được nhìn thấy, như cái không của thành Ca-tỳ-la. Thành này vốn là nơi Đức Thích Tôn ra đời, vì sự tàn phá hủy diệt của vua Lưu Ly dòng họ Thích đã không còn mà thành ấp cũng hết không còn, A-nan sầu não, Đức Thế Tôn vui vẻ tự tại. Vì A-nan thưa hỏi, cho nên Đức Phật trả lời rằng: Ông thấy thành Ca-tỳ-la có, Ta thấy thành Ca-tỳ-la là không. Đại Niết-bàn không cũng giống như vậy. Người vâng theo môn cũng là cả hai tức quán tánh bốn giác bất định có hay không, như vàng trong đá người có phước thấy cho nên cũng có, người tội lỗi không thấy cho nên cũng không, có không cả hai chiếu soi có thể chứng nhập. Người bảm thọ cả hai không phải môn, quán tánh bốn giác chẳng thể có hay không mà suy nghĩ nói ra, bật dứt ý niệm mà quán mới có thể khéo tỏ ngộ. Bốn là Viên giáo: Chân thiện diệu hữu và rốt ráo không - Cả hai cùng ngăn cùng chiếu - tên gọi há khác với trước ư? Chỉ vì người khác không biết thể của ba đế là ba đức, không dọc không ngang mỗi mỗi có đủ lẫn nhau, dùng ba đế này làm bốn môn. Vì mất ý này, tùy môn đều hiểu rõ gọi là có bốn cửa bốn. Nay trọn vẹn được ý chỉ, mới đối với bốn môn kia hòa hợp tiếp xúc mà quán, cho nên được gọi là bốn cửa chẳng bốn. Tuy đặt nên hạnh vị mà đều không thể nghĩ bàn.

Từ “kế luận v.v...” trở xuống là nói về quyền thật. nghiêng về chân là quyền - Trung đạo là thật. Năng thuyên năng quán của hai giáo trước gồm mười sáu Môn, sở thuyên sở chứng chỉ thuộc về thiên chân, cho nên đều là quyền: Giáo đạo năng thuyên năng quán của Biệt giáo đều thứ lớp cho nên là quyền. Thấy lý sở thuyên và địa sở chứng dường như trọn vẹn cho nên là thật. Giáo quán của viên giáo, năng thuyên sở thuyên - năng hành chỗ đến trước sau đều trọn vẹn, cho nên đều là thật.

Từ “kế nói về v.v...” trở xuống là nói về Phổ - bất Phổ, có hai: Đầu tiên phạm tiệm không Phổ, hai là Viên môn là Phổ, có hai: Thứ nhất dựa theo pháp thẳng thắn chỉ ra. Pháp của ba ngàn tức Không - Giả - Trung, chính có thể lấy sở thông mà làm năng thông, ngoài Môn không có lý, năng sở đều mất, nghĩa phổ của diệu môn này thành tựu. Từ “Lại v.v...” trở xuống là dẫn kinh giải thích, có hai: Đầu tiên là các kinh viên môn, có hai: Thứ nhất chỉ riêng bốn môn, có ba: Một. Dựa theo hai kinh cùng hướng nói thuộc về Không, có hai: Đầu tiên dẫn ra Tịnh danh, không chuyên dẫn văn, đã bao gồm giải thích nghĩa. Văn kinh đó nói: “Bồ-tát Thiện ý nói: Sanh tử Niết-bàn là hai, nếu thấy tánh sanh tử thì không có sanh tử, không trói buộc không cởi ra không rõ ràng không diệt mất. Người hiểu rõ ràng đúng là đi vào pháp môn không hai”. Sở

kia giải thích rằng: “Sanh tử là trói buộc như vậy, Niết-bàn là cởi bỏ là diệt mất là hai loại. Nay quán tánh sanh tử vốn có thường tịch, vốn tự không trói buộc mà sao nói về cởi thoát? Lại cũng không rõ ràng chẳng lẽ thuận theo diệt hay sao? Đã không rõ ràng, không còn có hai thứ ấy, đây là đi vào pháp Môn Không hai.

Hỏi: Kinh sơ chỉ lấy một của Trung đạo, không ở tại hai của trói buộc - cởi thoát, rõ ràng diệt đi, nay vẫn vì sao lại thêm vào chẳng phải một?

Đáp: Vốn nói là Trung, thể bất dứt đối đãi. Nếu chắc chắn là một nhất định phải đối đãi hai, người khéo nói về Trung thì phải quên Trung. Cho nên, kinh Mật Đà Ma chính là giải thích Trung đạo, mà bởi vì quên Trung nên gọi là Trung đạo. Vì thế tự chú thích: “Mật ấy nghĩa là dừng, chớ, chẳng, không. Đà Ma nghĩa là Trung. Tức là dừng chấp trước Trung đạo”. Lại nữa, nay vẫn lấy kinh ấy, Thiện ý đã bàn luận không hai, để kiến lập viên Không giải thích nghĩa Phổ Môn. Nếu đối với ba đế dứt trừ không hết, chẳng phải là rốt ráo Không, thì đâu thành tựu phổ ư? Cho nên biết bốn thứ dựa vào nghĩa sâu sắc của Trung đạo để, phá dụng tự do, không thể chấp vắn khó về diệu giải. Từ “Vì sao v.v...” trở xuống giải thích nghĩa kinh, có hai: Một là căn cứ vào bốn kinh giải thích. Nếu chân không hai thì chắc chắn không còn một; cũng gọi là chẳng có, chẳng không ấy là viên giáo Trung đạo. Trung đạo này có thể phá bỏ hai giáo Tạng - Thông chỉ có Tục chỉ có chân. Vì thế nói chẳng có phá trừ Giả, chẳng không phá trừ Không. Lại phá bỏ Biệt giáo phức Tục mà đơn chân, cho nên nói chẳng phá trừ hai - chẳng không phá trừ một. Bởi lẽ ba giáo trước đều lấy hai để làm ràng buộc - cởi bỏ. Trung đạo Viên giáo thường có đủ ba loại hai để, có đủ cho nên hòa hợp tiếp xúc, chính lấy ngay hòa hợp tiếp xúc phá trừ không hòa hợp, khiến cho thành tựu không hai. Từ “Nếu vậy v.v...” trở xuống là nói thường hòa hợp cũng dứt trừ, tuy nói Trung đạo Viên giáo mà còn thì thành ra đối đãi. Từ “Đại kinh v.v...” trở xuống ví dụ Niết-bàn để giải thích. Trong kinh Tịnh danh thì sanh tử và Niết-bàn không hai, trong Đại Kinh thì vô minh và minh không hai, hai bỏ đi một cũng mất, nghĩa hai kinh phù hợp. Hai bên và Trung đạo đều đã dứt trừ, gọi là Rốt ráo không. Đây chính là dựa theo Không để nói về Phổ môn. Từ “ba mươi v.v...” trở xuống là tìm Môn Tịnh danh, môn có đủ bốn thứ, chia làm hai: Một. Nêu ra một phẩm các Môn, ba mươi một vị Bồ-tát như Diệu Đức - Tịnh Danh, hoặc nói hoặc nín chẳng có gì chẳng phải thật tướng, đương Thể là Môn. Nếu dựa vào văn hiện tại tăng thêm điểm mạnh mà nói, có thể phân chia đối

chiếu bốn môn các không, cho đến Tạng thứ năm không thể nói, đều gọi là Không hai chẳng có gì không phải Phổ Môn. Hai từ “Xét kỹ...” trở xuống nêu ra nghĩa đầy đủ tất cả bốn. Đại sư khéo hiểu rõ hết ý mà cùng cực, thấy mỗi một môn đầy đủ nghĩa bốn môn, như trước đã dẫn sanh tử Niết-bàn. Hai đã tức là Trung - Trung cũng tức là hai, Trung tức là sanh tử gọi là Môn Diệu Hữu, Trung tức là Niết-bàn gọi là Môn Diệu Không, hai tức là Trung đạo - Trung đạo tất nhiên ngăn dứt và soi chiếu, cặp soi chiếu là Môn thứ ba, cặp ngăn dứt tức là Môn thứ tư. Tuy ở tại một môn dựa theo nghĩa mở ra bốn, mà bốn thứ này thấy đều gồm thấu pháp rộng khắp, đều được gọi là Phổ. Còn lại ba mươi Môn đã đều dung hợp hai, mà quy về Không hai đều bốn thứ rõ ràng như thế. Văn thù dùng ngôn ngữ biểu hiện cho vô ngôn, Tịnh danh dùng im lặng làm sáng tỏ vô nói, bởi lẽ chỉ ra Thể của ba đế là bí tạng vốn tuyệt dứt nói năng giải thích. Đã nêu ra ba đế há chẳng phải bốn môn hay sao? Lại do trước ba mươi một vị Bồ-tát, đều từ vô nói biểu hiện rõ ràng bốn môn, từng môn nhiệm màu dứt không thể nói suy, cơ duyên đạt được ý tùy theo những điều đã nghe đó, quên cả danh ngôn mà chứng. Người không được ý đó còn cho rằng có nói, không khế hợp vô sanh. Vì thế hai vị Đại sĩ dùng nói, nín để, hiển bày cái gọi là bốn môn xa lìa sự nói năng, thì khiến cho những cơ duyên của bốn môn kia, đều ở tại Môn đó quên mất ngôn nói mà hướng về lý. Phải hiểu rõ vô nói mang đến cơ duyên bốn môn, công lao đó lớn nhất. Do đó các vị Bồ-tát tuy đều dấy lên lời nói mà không bàn luận một chữ. Tịnh Danh ngậm miệng nói rộng về bốn môn, thế thì lúc nói thường im lặng - lúc im lặng thường nói. Nếu không như vậy, tại vì sao nêu ra đủ ba mươi ba môn, mà nói đều có nghĩa bốn môn? Chẳng phải Triền Đà-la-ni (Tổng trì) thì không cùng tận ý chỉ này, và nói tỉ mỉ tường tận đến mức rất sâu sắc đó. Từ “Triệu sư v.v...” trở xuống dựa vào các kinh phân văn đối chiếu bốn, ba mươi ba môn - mỗi một môn có đủ bốn, nghĩa tuy thành tựu, mà văn lại sâu kín. Vì muốn làm cho tất cả đều biết, nên hiển rõ văn chỉ ra tướng bốn môn, Triệu Sư chú thích kinh Tịnh Danh rằng: Các vị Bồ-tát nhiều lần nói về pháp tướng Văn thù nói ở vô ngôn: “Sơn Gia (tông phái Thiên Thai) theo đúng Triệu sư xếp vào hai môn. Kinh Tư Ích thì tất cả tức tà tức chánh, tà là tục Hữu - Chánh là chân Không. Kinh Hoa Nghiêm thì tâm đi lại khắp nơi vào trong pháp giới, há chẳng phải Diệu hữu? Lập tức thấu suốt như không há chẳng phải Diệu không? Do đó hai kinh này đều là môn cả hai cũng dùng Tịnh Danh ngăn lại ngôn nói, biểu hiện các pháp đều chẳng phải hai biên, chỉ ra Môn thứ tư văn đó

rất rõ rệt. Vậy thì các kinh dựa vào lý tròn đầy chân thật mở ra cái gọi là bốn môn, sâu mà lại rộng đều là Phổ Môn. Từ “Đại phẩm v.v...” trở xuống tất cả nói về Phổ Môn. Đại phẩm - Pháp Hoa có ba câu nói về Môn, tuy không tách biệt thuộc về số của bốn môn, mà khắp nơi gồm thấu pháp đều là Phổ Môn. Bốn mươi hai chữ - từng chữ đều có đủ ba loại Bát-nhã, chẳng phải dọc chẳng phải ngang mà cao mà rộng, cho nên công đức các chữ thường thấu nhiếp nhau. Trí Môn hay Nhất Môn đều thông suốt thật lý. Nhỏ hẹp khó đi vào nghĩa đó tác thành lẫn nhau, khó đi vào bởi vì hẹp - hẹp cho nên khó đi vào, hơn bốn mươi năm điều phục cơ duyên mới nói ra. Môn này rất mâu nhiệm bảy phương tiện chẳng hề hiểu chẳng thể vào được. Đây chính là rất rộng mà được gọi là hẹp. Từ “Các kinh v.v...” trở xuống là kết luận môn gọi là Phổ. Kinh này mở ra quyền khác hẳn với các bộ, biểu hiện rõ ràng thật lý so với Viên xưa kia như nhau, cho nên cùng với các kinh là nói về Phổ Môn. Bốn tùy, và Quán tâm cùng ở tại Đại Bản thứ tám giải thích về Thể Trung đạo rõ ràng. Nghĩa là tùy theo căn cơ kia nhiều loại sai khác, đi đến mong muốn - đi đến thích nghi - đi đến đối trị - đi đến giác ngộ, do đó bốn môn khác nhau để nói. Quán tâm: nếu lấy giáo làm môn, tức là hướng về bốn môn tùy theo môn được ngộ, không cần phải tu quán, gọi là người Tín Hành. Nếu nghe mà không ngộ, nên cần phải tu quán, gọi là người Pháp Hành. Bốn giáo bốn môn đều có mười pháp quán, người học nên tìm hiểu. Hai là giải thích riêng về Phổ Môn, có hai: Một là Nêu lên. Hai là từ “Chí lý v.v...” trở xuống là giải thích, có sáu: Một là nói về Trung thích hợp, hai là nêu mười chương. Từ ở “trên đã trải qua v.v...” trở xuống là giải thích khác Thông. Mười cặp Thông giải thích đã dùng mười đơn độc giải thích người Quán Âm, tức là dùng mười đơn lẻ giải thích pháp Phổ Môn, cho nên nói cách chung đã dựa theo pháp hoàn tất. Mười Môn nay ở trong hai Nghiêm, chính là phước đức nói về nhân quả tự - tha trang nghiêm pháp thân. Như vậy là hành của tánh đức, trở lại nghiêm đối với tánh năng sở vốn mất, tức là chẳng phải trang nghiêm mà trang nghiêm. Bốn là phân biệt tướng. Năm là sanh khởi chung, có bảy: Một là Từ bi. tâm Bồ-đề tiểu trí không có thể phát khởi, tâm do niệm rộng rãi cứu giúp, mà phát khởi tâm vô thượng. Hai. Thệ nguyện. Theo giải thích chung từ bi tức là thệ nguyện, không chia làm hai môn. Nay nói hồng thệ thường hạn định từ bi. Công lực đã khác nhau cho nên cần phải thành lập riêng. Lại từ bi thông thường nói về ban cho và dứt trừ, thệ nguyện dựa vào bốn đế khác nhau nêu ra hạn kỳ yêu cầu. Lại Từ có ở cả phạm phu và tiểu thừa còn thệ chỉ có ở Bồ-

tát. Ba là tu hành. Phước đức, tài của tức là bốn độ trước. Thần thông lực tức là công dụng của thiên định. Trí tuệ chính là Bát-nhã. Bốn. là dứt hoặc, có ba: Một là dẫn ra hai luận, hai là nói về ba đường, tu hành dứt hoặc và đi vào pháp môn. Ba môn này có khai triển có hợp lại, nếu theo luận Thành thật thù dứt tức là giải thoát, đối với vô ngại chỉ lập hai đạo; nếu dựa vào Tỳ-đàm thì đoạn chứng không như nhau đối với phương tiện trở thành ba đạo. Ba từ “Dẫn thích v.v...” trở xuống là dựa vào Thích Luận sử dụng ba đường. Bồ-tát có đoạn cho nên hành đạo vô ngại, quả Phật không đoạn cho nên hành đạo giải thoát. Đã phân chia nhân quả thì không thể hợp lại nói, do đó sử dụng Tỳ-Đàm lấy ba đường làm kế tiếp. Vì thế nay nêu ra chương mục thứ ba Tu hành tức là đạo phương tiện, thứ tư dứt hoặc tức là đạo vô ngại, thứ năm Nhập Pháp môn tức là đạo giải thoát. Năm là Thần Thông. Từ thứ nhất đến thứ năm chính là tự thực hành từ nhân đến quả. Nay nói về Hóa tha không ra ngoài ba bí mật, thứ sáu thần thông tức tương đương thân mật, thứ bảy Phương tiện tức là ý mật, thứ tám Nói pháp tức là miệng mật. Sáu là Cúng Phật. Kết hợp pháp cúng dường với tự hành. Bảy là Độ sanh. Nói đi vào các pháp môn ấy là, dùng Trung đạo thật trí, đi vào quyền môn của hai đế, hóa độ chúng sanh cùng nhau quy về Trung đạo. Sáu là tùy theo chương để giải thích, có hai: đầu tiên là nêu lên. Hai là từ “Bắt đầu từ v.v...” trở xuống là giải thích, có ba: Thứ nhất tạm thời dựa theo mười nghĩa giải thích về Phổ Môn, có mười: Thứ nhất là Từ bi, có hai: Đầu tiên dựa theo thứ lớp ba Từ thông suốt để giải thích, có hai: Một là dựa vào con người để nêu bày ra. Phạm Thánh ba loại Từ bi gồm thân tất cả, phẩm Phạm Hạnh trong Đại kinh quyển mười bốn chép nói: “Từ có ba thứ: Một là duyên chúng sanh, hai là duyên vào pháp, ba là vô duyên. Chúng sanh duyên: Duyên với tất cả chúng sanh như cha mẹ thân thiết nghĩ nhớ. Pháp duyên: Thấy tất cả các pháp đều từ duyên sanh khởi. Vô duyên: Không trụ vào tướng pháp và tướng chúng sanh”. Đại luận quyển hai mươi cũng nói: “Từ có ba loại”. Ý văn cùng đại thể giống nhau với Niết-bàn trên. Còn luận quyển năm nói về Bi, cũng có ba loại như chúng sanh v.v... Trong Phụ Hạnh nói: “Dùng ba thứ từ bi để đối chiếu ba đế, nghĩa rất rõ ràng”.



QUÁN ÂM HUYỀN NGHĨA KÝ

QUYỂN 4

Từ “Nếu duyên v.v...” trở xuống là y theo pháp mà phân biệt, có hai: Đầu tiên là phân biệt chúng sanh, và pháp không hoàn bị. Thứ lớp chúng sanh, pháp theo hai thứ Từ bi. Hai giáo Tạng - Thông cho đến Biệt trụ hạnh. Nếu chúng sanh duyên cũng gồm phạm phu ngoại đạo, thì có hai sở duyên sao được gọi là Phổ? Hai là từ “Nếu vô duyên v.v...” trở xuống phân định vô duyên mới là Phổ. Thập hồi hương bên Biệt giáo - sơ tâm bên Viên giáo, tu Từ bi này đến khi nhập vào Địa - Trú, mới có thể phần chứng, giống như gương sáng không lay động mà biểu hiện ra, đá nam châm không ý nghĩ mà hút vật. Từ bi này mới được gọi là Phổ. Từ “Giải thích riêng v.v...” trở xuống dựa theo ba từ của Viên đốn mà giải thích riêng. Ba là từ một niệm không dọc không ngang, cho nên Đại kinh chép: Từ nếu có- không - chẳng có - chẳng không, gọi là Như-lai Tư, có tức là chúng sanh duyên, không tức là pháp duyên, cả hai chẳng phải (song phi) tức là vô duyên thì tâm Phật trọn vẹn đầy đủ. Nay tu Phật tử, cho nên mỗi Từ đều Chẳng thể nghĩ bàn”. Văn chia làm ba: Đầu tiên là chúng sanh duyên từ, có hai: Thứ nhất nêu chung, có hai: Một là Một tâm duyên với một cõi chẳng phải là Phổ. Hai là từ: Nay quán v.v...” trở xuống là một tâm duyên với mười cõi là Phổ, có hai: Đầu tiên là quán chúng sanh, có ba: Thứ nhất là pháp đối với pháp giới ở duyên không rốt ráo chân thật, vì thế nay chúng sanh là khó nghĩ chân của tục, là thật giả của tục cho nên nói là Giả Danh, chẳng phải chỉ có nhân ngã, gọi là Giả Danh. Tánh mười cõi là một nêu ra một tức là mười, cho nên thành trăm cõi. Tất cả đều có tướng - tánh - thể - lực - tác - nhân - duyên - quả - báo gốc ngọn rốt ráo đẳng do đó có ngàn loại, đâu chỉ có ngàn loại thôi? Chúng sanh - Phật tất cả ngàn đều ngầm kín ở tánh. Hai là dụ. ba là hợp. Một tâm phạm phu có đủ mà không nhận biết, một niệm pháp nhãn bậc thánh trọn vẹn biết được khắp nơi. Từ “Biết ngàn loại tánh tướng này v.v...” trở xuống phát khởi Từ bi trọn vẹn. Nghe tên gọi học theo Từ bi của Phật, tức là trong một niệm quán

sát nhân duyên thiện ác - gốc ngọn khổ vui của chúng sanh trăm cõi, mà khởi lên ý nghĩ từ bi ban cho và dứt trừ. Như trong bốn thứ của mười Như ở Đại Bản giải thích: “Một là bốn đường, hai là người - trời, ba là nhị thừa, bốn là Bồ-tát - Phật. Nếu chia khổ vui ấy ra thì nên xếp bốn đường vào khổ, đường trời và người là vui. Hoặc sáu phàm là khổ - bốn Thánh là lạc. Hoặc chín cõi giới là khổ - Phật quả là vui: “Nay y cứ v.v...” trở xuống là giải thích, có hai: Đầu tiên nói về quán pháp, có hai: Thứ nhất chỉ ra hai cõi đầu tiên và sau cùng. Địa ngục là rất khổ, cõi Phật là tốt đỉnh an vui. Từ “Địa ngục v.v...” trở xuống là nói ngàn pháp trong một niệm. Có hai: Đầu tiên là nói địa ngục có đủ chín cõi còn lại, có hai: Thứ nhất trực tiếp là nói thẳng mười pháp của địa ngục, có hai: Một là nói về mười pháp, có mười: Một. Tánh. Hai. Tướng. Ba là Thể, Đại bản lấy chung phân tách nhỏ sắc tâm làm thể, nay chọn lấy giác ngộ khổ đau cho nên chỉ cho tâm. Bốn là “Cho đến..” trở xuống là Lực, có thể chịu đựng đao binh hỏa hoạn nhiều kiếp dài lâu không ngớt. Năm - Tác: Đã có thể chịu đựng khổ đau thì tất nhiên tùy ý làm ác. Sáu là Nhân: Ba nghiệp hoạt động thành nhân của thói quen xấu. Bảy là Duyên: Nhờ vào các điều ác ngã và ngã sở mà tất cả phương tiện suy tính giúp thành nghiệp tập. Tám là Quả, nhân tập nghiệp dâm dục đã thành tựu, quả ở khổ cụ thấy là cảnh ham muốn, như xưa nhiễm ái. Chín là Báo, thói quen của quả thuộc về tâm cảnh tùy theo tâm biến đổi, nhân của báo đã lập đầy đủ tức nhận chịu thiêu đốt không sai. Mười là Bản mặt, Đại bản lấy tướng đầu tiên - báo sau cùng làm gốc ngọn, thì tu tánh đều như vậy. Nay muốn sáng tỏ đối với lý - sự không hai, cho nên lấy tu - tánh mà làm gốc ngọn, toàn tu thuộc về tánh - toàn tánh trở thành tu, mới được gọi là bậc rốt ráo. Từ “Địa ngục v.v...” trở xuống là nói chín cõi còn lại cũng như vậy. Nếu chẳng phải mười pháp thì không thành tựu một cõi. Từ “Cõi tương đương v.v...” trở xuống là nói đầy đủ chín cõi, mười pháp, có hai: Thứ nhất dựa theo Phật pháp khó có đủ để hỏi, cõi có pháp phân biệt vì sao nói có đủ lẫn nhau? Phật pháp xa lìa dâm nhiễm lập tức vượt ra ngoài phàm Thánh, vì sao nói địa ngục có đủ mười pháp ấy? Từ “Đáp Đại kinh v.v...” trở xuống nói về tâm phàm tức Phật để trả lời, có hai: Thứ nhất chính thức là nói về địa ngục có đủ mười pháp của Phật, có mười: Một là Phật tánh. Vua Tiên Dự đại muốn cảm hóa ngoại đạo, trong mười hai năm cúng dường chúng Bà-la-môn năm trăm vị, sau đó giúp họ quy y tin tưởng Đại Thừa Phương Đẳng. Bọn họ không quy y tin tưởng mà chê bai nói không có. Tiên Dự nghe chê bai bèn giết năm trăm người, năm trăm người rơi vào địa ngục liền

sanh ra ba ý nghĩ, ý nghĩ thứ nhất: Đây là nơi nào, mới biết là địa ngục, ý nghĩ thứ hai, Từ nơi nào đến, mới biết là loài người, ý nghĩ thứ ba: Duyên gì đọa địa ngục, biết rằng chê bai Phương Đẳng. Nhờ điều ấy hối hận lầm lỗi liền sanh đến cõi nước Phật, rốt ráo được thân Phật. Đây chính là Tiên Dự biết rõ người nơi địa ngục có Phật tánh, giết đi làm cho rơi vào địa ngục phát ra trong ba ý nghĩ. Bà Tẩu trước đây giết sinh vật “cúng tế trời”, vì thế đọa địa ngục ở tại địa ngục giáo hóa chín mươi ức người, từ địa ngục vượt ra đến hội Phương Đẳng. Đức Phật dạy: Bà ấy là tốt, Tẩu ấy là cao, người tốt trên cao há đọa địa ngục ư? Lại dạy: Bà ấy là kiên cường, Tẩu ấy là mềm mỏng, người kiên cường mềm mỏng há đọa địa ngục ư? Đây là quyền lực to lớn bày tỏ hiện rõ tướng ác, biểu hiện ở tại địa ngục có Phật tánh vậy. Hai. Phật tướng. Ba. Phật thể, ác tâm phẩm Thượng tức là Trung đạo. Bốn. Phật lực, tánh có đủ công dụng to lớn chính là tám tự tại. Năm. Phật tác, ở đây nói từ vô trú vốn lập nên tất cả các pháp ấy là muốn trình bày thuận theo Tu-làm nên cõi Phật. Nhân quả của chín cõi. Cõi giới đều làm trái căn bản lập nên, chỉ riêng nhân quả của Phật thuận theo căn bản mà thực hiện. Vì tánh bốn giác đầu tiên xa lìa trú trước, tức bốn vô trú. Nếu không thuận theo bốn vô trú mà làm, thì chẳng phải nhân duyên quả báo của cõi Phật. Đây là khéo tu, lúc tu này khởi lên, chợt nhiên có thể thực hiện trí hành tuyệt vời của bảy loại phương tiện do đó dụ cho dây gân sư tử bật đứt dây gân trăm loài thú, giọt sữa của sư tử thay đổi sữa của trăm loài thú. Cần phải biết rằng tâm của địa ngục, vốn có đủ tánh của tu tánh ở cõi Phật, như trong Đại bản lấy tướng - tánh - thể làm ba loại Phật tánh, từ Lực - Tác trở đi là tu của cõi Phật. Tu - tánh này phạm tâm đều có đủ. Đạt được tác ý này thì hiểu rõ các tu đều thuận theo tánh mà phát khởi. Sáu. Nhân: Tức là lý đã hiển bày thuận theo tu, cho nên nói là chánh nhân. Bảy - Duyên: Tức là thuận theo tu có thể giúp đỡ trí hành, cho nên nói là duyên, liễu. Nhưng nói tánh đức ấy là bởi vì tâm địa ngục vốn có vậy. Tám. Quả. Chín. Báo tức là duyên liễu trước đây đã hạn định hai quả, tâm của địa ngục không có gì không đủ. Mười. Phật bốn mặt rốt ráo v.v... Dựa theo tướng tu - tánh đang giải thích, cùng với địa ngục trước không khác nhau. Từ “Đại kinh v.v...” trở xuống là dùng cõi Phật so sánh mười pháp của cõi giới khác. Tuyết sơn là tâm địa cực ác. Diệu được độc thảo là hai cõi giới đầu tiên và sau cùng. Phật pháp vượt lên trên hơn hẳn mà địa ngục hãy còn có đủ, há không thể có đủ tám cõi giới còn lại hay sao? Từ “Địa ngục v.v...” trở xuống là chín cõi giới còn lại đều chính là mười cõi giới, địa ngục đầy đủ chín cõi giới đã nói như

trên, chín cõi giới tất cả đều có đủ chín cõi giới còn lại, ý có thể đạt được. Từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống là khởi lên từ bi, có hai: Đầu tiên dựa theo mười cõi giới để giải thích, có ba: Thứ nhất đi sâu vào quán sát cảnh thiện ác: có hai: Một là pháp. Bồ-tát tu từ chỉ ở tại một niệm, quán sát khắp cả mười cõi giới, tu đạt được thiện ác đều chính là tánh có đủ, lấy tánh soi chiếu tu toàn bộ bến bờ thiện ác. Hai từ “Như thấy v.v...” trở xuống là dụ. Từ “Vì quán v.v...” trở xuống là mở rộng vận dụng tâm ban cho và dứt trừ, quán sát bảy pháp nhân duyên ở tại chín cõi giới, cho đến quả báo của hai tử đã sinh ra, đều chính là tánh đức cho nên khởi lên đại bi muốn dứt trừ nỗi khổ đó. Quán sát bảy pháp nhân duyên ở tại cõi Phật, cho đến quả báo của hai đức đã sanh ra, đều chính là tánh đức, cho nên khởi lên đại từ muốn ban cho niềm vui đó. Hỏi: Tánh đức thiện ác cho đến khổ lạc, đều là pháp môn bất sanh bất diệt, nay vì sao ban cho và dứt trừ? Đáp: Bàn nói về sự tuyệt diệu này không thể tùy tiện ý kiến, bởi vì ba thứ này Bồ-tát quán sát ở khổ lạc chỉ gọi là tu thành, cho nên giữ lại công lao của ban cho và dứt trừ, không vận dụng sức lực của vô duyên, vì thế cho nên Từ bi đều không gọi là Phổ. Nay biết rõ khổ lạc đã sanh khởi cho đến nhân duyên thường sinh ra, đều là tánh đức, do đó dứt trừ tất cả nỗi khổ không giảm chút nào, ban cho niềm vui không tăng chút nào, mới đạt được Từ bi rộng mở phổ biến vô lượng đời kiếp quên vất vả. Chúng sanh duyên này cùng với vô duyên đó không hai không khác nhau. Ba từ “Mười pháp giới này v.v...” trở xuống là kết thành Từ Bi Phổ. Từ “Hỏi: Cõi địa ngục v.v...” trở xuống là dựa vào địa ngục để phân biệt, có hai: Đầu tiên dựa theo khổ đau sâu nặng gây trở ngại cho niềm vui để hỏi. Hai là dựa theo thừa cơ thay thế khổ đau để trả lời, có hai: Đầu tiên từ “Đáp chúng v.v...” trở xuống thừa cơ chỉ ra nhân. Lấy ý nghĩ thứ ba nhớ lại biết rõ tội lỗi trước kia chắc chắn có tâm hối hận. Đại bực Thánh cơ hội hiện thân mình nói pháp, hoặc bí mật báo hiệu phát ra khiến cho tâm thiện khởi lên, tức là nhân của niềm vui. Hoặc lập tức được niềm vui như Bà-la-môn, hoặc về sau được niềm vui như Bà Tẩu đã cảm hóa. Hai từ “Lại Bồ-tát v.v...” trở xuống là thay thế nỗi khổ ban cho niềm vui. Thỉnh Quán Âm nói: “Hoặc đi lại chơi đùa nơi địa ngục khởi đại bi thay thế nhận chịu khổ đau”. Hai là pháp duyên từ chúng sanh duyên trước đây nếu duyên với sáu cõi giới chỉ là sanh tử Tục, không được gọi là Phổ. Nhị thừa quán sát đầy đủ mười cõi giới tức là Chân. Bồ-tát là Tục - Phật là Trung đế. Đã thuộc về một niệm, tức là chẳng phải thứ lớp, hướng chi lại hòa hợp lẫn nhau mà thành ra trăm cõi giới, càng biểu hiện rõ một Giả tất cả Giả vậy. Chúng

sanh duyên này sao có thể không Phổ? Nay nói về pháp duyên tức là ở tại cảnh này mà quán sát hường về không. Nhị thừa không Tục - Bồ-tát không Chân, Phật không hai đế. Đã dựa theo trăm cõi giới chính là một không tất cả không, gọi là rốt ráo không. Đây đủ mà nói thì ba ngàn chính là không, tên gọi pháp duyên này, sao có thể không Phổ? Đầu tiên nói về quán cảnh, có ba: Thứ nhất sâu sắc quán tánh không, có ba: Một là quán ngàn pháp không. Mười cõi giới chắc chắn là trăm thì tánh - tướng có ngàn, quán sát chỗ này đều không suy cho cùng là vô tướng. Hai từ “Mười pháp v.v...” trở xuống quán sát ba ngàn không. Ngàn pháp ở trên đối với Giả - đối với Thật, cho đến đối với y báo thì trở thành ba ngàn. Ba từ “Vô ngã v.v...” trở xuống quán sát hai Thủ-Không. Vô năng quán ngã - vô ngã sở quán, vô trí vô đắc xa lìa hai tướng Thủ. Hai từ “Như huyễn v.v...” trở xuống nêu lên dụ vốn Không. Không chỉ Tục huyễn mà Chân - Trung cũng huyễn, mới là dụ về pháp duyên của Viên gia. Ba từ “Thường tịch v.v...” trở xuống là dẫn chứng Viên không. Ba ngàn thanh trừ tướng tức là giáo hiện tại suy cho cùng quy về nơi không. Từ “Chúng sanh v.v...” trở xuống là pháp khởi từ bi, có ba: Đầu tiên đích thực chỉ ra từ bi, có hai: Thứ nhất trình bày tướng ban cho và dứt trừ. Sanh tử Niết-bàn vốn không có hai tướng, bởi vì không giác ngộ cho nên chỉ khổ đau không có niềm vui. Từ “Cứu họ v.v...” trở xuống là trình bày pháp thường ban cho và dứt trừ. Tức là dùng ba đế như huyễn Từ bi, dứt trừ và ban cho nỗi khổ niềm vui như huyễn của mười cõi giới. Từ “Tịnh danh v.v...” trở xuống dẫn chứng Chân Thật. Nói ba đế “không” Từ tức là Chân Thật. Từ “Nếu duyên v.v...” trở xuống là kết thành Viên Phổ, có thể hiểu được. Ba là Vô duyên từ: Tên gọi khác của Trung quán. Trung thì tuyệt đãi - có duyên chẳng phải là Trung.

Hỏi: Từ bi cần phải đối với khổ lạc của chúng sanh, nếu không có khổ lạc đó sao có thể ban cho và dứt trừ?

Đáp: Đại thừa đã nói về Đồng thể Từ Bi tâm, Phật chúng sanh cả ba không sai khác, danh tự địa vị Viên học ngay nơi tâm - Phật từ ngay nơi tâm - độ chúng sanh ngay nơi tâm. Chúng sanh đã đồng Thể, khổ lạc ban đầu tánh có đủ, cho nên không có năng duyên sở duyên, cũng không thể dứt trừ - Không thể ban cho. Như vậy Từ bi cùng tận thời gian vị lai, dứt trừ tất cả khổ đau mang lại niềm vui rốt ráo. Bàn luận đầy đủ không riêng gì vô duyên như vậy, chúng sanh pháp cũng như thế, vì sao? Bởi vì chúng sanh duyên Giả danh ba đế đều Giả. Pháp duyên không tịch ba đế đều không, vô duyên chính là Trung ba đế tuyệt đãi, ba từ đều chiếu soi viên dung ba đế, há có thể hai Từ chẳng phải Đồng

Thế ư? Chỉ thuận theo thích hợp với niềm vui cho nên lập ra ba môn. Người thích hợp Thủ môn, cho nên nói về chúng sanh duyên. Người thích hợp Xả môn, cho nên nói về pháp duyên. Người thích nghi không thủ, không xả nên nói vô duyên. Giải thích điều này chia làm hai: Đầu tiên dựa theo ba quán nêu ra Từ bi, có hai: Thứ nhất trình bày tướng tu, có hai: Một là dựa theo cả hai đều ngăn nói về quán pháp. Nếu duyên với giả danh của sáu cõi giới, Giả này chắc chắn Giả tức là có sở duyên, ngay nơi duyên mười cõi giới Giả chưa chắc là Giả, vì thế duyên tức là chẳng duyên. Nếu duyên với sáu cõi giới như huyễn thì không này chắc chắn không tức là có sở duyên, đã duyên với mười cõi giới không chưa chắc là không, do đó duyên chính là vô duyên. Vì thế nói không duyên tánh tướng mười cõi giới. Chẳng duyên với chân của mười cõi giới, ngay nơi giới hạn là Trung cho nên ngăn dứt hai bên. Đã là ngay nơi giới hạn lại sao là Trung đạo? Trung - Biên mất dấu vết bất khả tư nghị, miễn cưỡng nói là vô duyên. Từ “Như thế v.v...” trở xuống dựa theo cả hai chiếu (song chiếu) giải thích về Từ bi, có ba: Một là pháp. Tâm không nơi gởi gắm tự tại soi chiếu cả hai, không dứt trừ mà khắp nơi dứt trừ - dứt trừ tất cả khổ đau, không ban cho mà khắp nơi ban cho ban cho niềm vui rất ráo. Từ “Như từ v.v...” trở xuống là dụ, không có giáo dụ cho vô duyên - tương ứng dụ cho ban cho và dứt trừ. Ba từ “Vô duyên v.v...” trở xuống là hợp. Hai từ “Hành giả v.v...” trở xuống trình bày đi vào địa vị, có hai:

Một là dựa theo địa vị giải thích về có chứng đắc. Nên biết rằng lý tánh có đủ ba loại từ bi, toàn tánh khởi tu trở thành ba quán trí, tuy là sáu địa vị nhưng vô duyên không khác, chắc chắn đang chứng ngộ mới rõ ràng ban cho và dứt trừ. Từ “Bất động v.v...” trở xuống dẫn ra dụ để hiển bày vô duyên. Gương sáng như Thế của Từ, hiện rõ ra hình ảnh tức là ban cho niềm vui, nam châm như công năng của Bi, hút sắt tức là dứt trừ khổ đau. Từ “Tam đế v.v...” trở xuống dựa theo ba đế nói về Phổ Môn. Ba đế gọi là Phổ tức là năng thông. Lại nói thông đến Trung đạo ấy là dựa theo chứng đắc làm sở thông. Lại nữa, tức một mà ba là năng thông, tức ba mà một là sở thông, sở thông bật dứt đối đãi miễn cưỡng gọi là Trung đạo mà thôi.

Hai là Thệ nguyện Phổ. Có hai: Một. Giải thích tên gọi. Hai từ “Hoằng thệ v.v...” trở xuống là nói về nghĩa, có hai: Đầu tiên chung nói về tướng Thệ, có ba: Thứ nhất trình bày công dụng của bốn Thệ. Có hai: Một là chung trình bày Thệ trở thành từ bi. Hai đế khổ tập là nhân quả khổ đau, hai đế đạo diệt là nhân quả vui sướng. Từ “Nếu thấy v.v...”

trở xuống là tách biệt trình bày sự ban cho và dứt trừ của Thệ, có bốn: Một là nguyện cứu độ quả. Khổ đau. Từ “Nếu thấy v.v...” trở xuống là nguyện giải thoát nhân của tập. Ba từ “Thanh tịnh v.v...” trở xuống là nguyện an ổn nơi đạo thanh tịnh. Bốn từ “Diệt phiền v.v...” trở xuống là nguyện đạt được Niết-bàn. Hai từ “Sanh tử v.v...” trở xuống nói về bốn Thệ sắp xếp lần lượt, có hai: Một là tóm tắt nêu ra nhân quả trước sau. Hai nguyện dứt trừ khổ đau dựa theo biết rõ khó dễ, dễ tất nhiên ở trước. Hai là nguyện ban cho, niềm vui là trước tu sau chứng, mà làm thứ lớp. Hai từ “Đại kinh v.v...” trở xuống tách biệt chứng do đạo thu được diệt. Sự khoan lay động dụ cho đạo phẩm, sữa đặc dụ cho thiện hữu lậu, bốn vị như lạc v.v... dụ cho bốn giáo diệt, đạo phẩm không phối hợp điều hòa mất đi thiện phương tiện, so sánh quả của bốn diệt, không nói là sữa đặc và bơ chín ấy là văn lược bớt. Ba là trình bày chung yêu cầu của bốn Thệ, có hai: Một là trình bày bốn đế dựa vào một tâm. Hai loại nhân quả thế và xuất thế gian về sự tương tự chẳng phải một, vốn yêu cầu chung đó không ra ngoài tự tâm, tại vì sao? Bởi vì Tập là bốn tâm - khổ là ba thọ, Đạo là định tuệ - Diệt là chứng trí, há chẳng phải bốn đế đều là một tâm ư? Hai là dùng bốn đế ví như bốn hoàng thệ.

Từ “Tiếp nói rõ v.v...” trở xuống trình bày Phổ Bất Phổ, có hai: Đầu tiên Đại sư dựa theo thiên - viên để phân biệt, có hai: Thứ nhất thiên lệch Thệ không Phổ, có ba: Một là hạng phàm phu chán ghét bậc dưới thấp, lập tức quán sáu hành. Nghĩa là chán ghét khổ đau thô trước ngăn cách dưới thấp bàm víu thẳng diệu xuất hiện ở trên, vì thế bốn vô lượng dựa theo đây mà ban cho và dứt trừ, hư nguy cạn cột hẹp hòi sao có Phổ được? Hai là Nhị thừa - Nhị thừa cần phải gồm đủ hai giáo. Không nói hàng Bồ-tát ấy là ban cho và dứt trừ phân chia ngang nhau chỉ ở trong cõi giới, do đó quả trách nhị thừa thấy không Phổ kia. Ba là Biệt giáo - Bởi vì thứ lớp cho nên sơ tâm không Phổ. Hai từ “Nếu viên v.v...” trở xuống là Thệ trọn vẹn thường Phổ, có ba: Một là một niệm soi chiếu đầy đủ trình bày ý Phổ. Khổ tập của mười cõi giới - đạo diệt của bốn giáo, tức là quay về một niệm viên đốn mà quán sát. Từ “Biến tri v.v...” trở xuống là biết khắp cả bốn đế nói về tướng Phổ, có bốn: Đầu tiên Tập Phổ, có ba: Thứ nhất biết Tập của phàm phu Sư Nhiếp Đại thừa - gọi là Hữu vi duyên tập, Thể là kiến ái. Hai từ “Nhị thừa v.v...” trở xuống là biết tập của nhị thừa, có ba: Đầu tiên nêu ra tên gọi của ba Tập. Sư Nhiếp đại thừa - gọi là Vô vi duyên Tập. Thể là vô minh. Hai là Tịnh danh chứng minh. Không nhiễm sanh tử mà nhiễm Niết-bàn. Kết tập ấy là thói quen còn lại của kiết sử. Vì trong Tiểu thừa giáo chưa

nói đến biệt hoặc - chánh sử của Thanh-văn, tạm thời nương nhờ, thói quen khác của Thông hoặc mà nói. Ba là Đại kinh chứng minh. Đạo phẩm của nhị thừa so với Đạo thừa, là tà chẳng phải chánh. Ba từ “Cho đến...” trở xuống là biết đầy đủ Tập. Trước trụ là tương tự ái, trên trụ là chân ái. Cũng là ngang nhau: Tức là Vô vi duyên Tập thông suốt đến Đẳng Giác. Nếu Sư Nhiếp Đại thừa - lập nên bốn thứ duyên Tập trên, hai Tập trước lại thêm tự Thể cho đến pháp giới, ý chính của tông phái hiện nay chỉ lập nên hai loại, bởi vì tự Thể pháp giới không khác vô vi, thấy đều là vô minh trong chướng cho nên nếu dựa theo vô vi phân biệt đưa ra hai loại, thì cũng không sai, tức là lấy Địa thứ mười làm Tự Thể, Đẳng Giác làm pháp giới, mở rộng như trong Tịnh danh Số Ký. Hai từ “Biến tri khổ v.v...” trở xuống là Khổ Phổ. Lấy nhân đối chiếu quả thì biết rõ không sai lầm. Ba từ “Biến tri đối v.v...” trở xuống là Đạo Phổ, có hai: Một là biết khắp đạo thiên lệch nên không Phổ. Trời người ví dụ lập nên tên gọi của Đạo - Diệt, đạo không tác động đến hoặc - Diệt không vượt ra cõi giới, có tên gọi mà không có nghĩa. Đạo - Diệt của ba giáo tuy có thể tác động vượt ra, nhưng nghĩa Phổ chẳng thành tựu. Hai từ “Viên giáo v.v...” trở xuống là biết Trung đạo Phổ của Viên giáo. Ba ngàn đều Trung thì gọi là Thật tướng. Không tác động mà chuyển vận mới nói là Đại thừa. Lấy điều này làm nhân cho nên gọi là Phổ Đạo. Bốn từ “Cho nên, sở đắc v.v...” trở xuống là Diệt Phổ. Thật tướng ba ngàn rốt ráo để lộ ra nơi chốn, gọi là Viên Diệt. Kiếp hoả dụ cho Trung trí - để lại tro bụi dụ cho vô minh. Ba từ “Sở quán v.v...” trở xuống dựa vào để giúp đỡ khắp nơi khởi lên Phổ Thệ.

Từ “Riêng dùng v.v...” trở xuống là Chương An sử dụng tu tánh phân định Bồ-tát khởi thệ. Muốn dứt trừ nghiệp ác của chúng sanh trong mười cõi, muốn phát sanh thiện nghiệp của chúng sanh mười cõi giới. Quán sát thiện ác này nếu chỉ tu thành tựu, người không biết tánh có đủ, thì thệ này không Phổ, vì sao? Vì tánh đã viên dung thì sự nhất định gồm thâu khắp nơi, như người bên Biệt giác không biết tánh có chín, vì thế mười chỉ là mười, người bên Viên giáo biết tánh có chín cho nên mười tức là trăm, đâu chỉ riêng từng cõi một gồm thâu rộng khắp hay sao? Cũng giống tánh - tướng thu nhận lẫn nhau, cho nên có thể Như một mà thu nhận mười cõi, dùng Như thu nhận cõi giới - lấy cõi thu nhận Như, mỗi một không giới hạn chồng chất chẳng tận cùng. Cõi giới Như này không ra ngoài thiện ác, thể dứt trừ ác này thì ác nào không dứt trừ, thể sinh ra thiện này thì thiện sao không sinh ra? Do đó biết quán sát tánh thệ nguyện mới Phổ. Chương An phân biệt riêng dùng nghĩa của Sư,

thành tựu luận nói của Sư khiến cho Thiên - Viên trước đây rõ ràng có thể thấy được, do đó nói lời khác nhau mà không nói là nghĩa sai khác. Hóan ấy là thay chỗ. Dùng tánh mười cõi và bốn đế Viên, thay nhau biểu hiện soi chiếu.

Ba là tu hành Phổ, tức chỉ rõ người hành diệu, là dựa theo năm hạnh của Đại kinh. Ba là Tu Hành Phổ. Chỉ ra hạnh diệu ấy, nơi kia dựa theo trình bày thứ lớp hay không thứ lớp. Tạm thời thứ lớp năm hạnh là: Một. Thánh hạnh, gọi là giới định tuệ. Hai. Phạm hạnh, đó là từ bi hỷ xả. Hai hạnh này đều là hạnh tu nhân của Địa Tiên. Ba. Thiên hạnh, gọi là Sơ Địa trở lên chứng được đệ nhất nghĩa Thiên, Lý của thiên nhiên, do lý thành hạnh cho nên gọi là Thiên hạnh. Bốn là hạnh Anh nhi, gọi là thị hiện giống như ba thừa, hạnh của người tu bảy phương tiện. Năm là bệnh hạnh, gọi là thị hiện làm thân của chín đường, hiện tại có tướng của ba chướng. Hai loại này đều là hạnh thuận theo quả khởi lên ứng. Năm hạnh không thứ lớp ấy, ngay trong Đại kinh chép: “Lại có một hạnh gọi là hạnh Như-lai, vốn gọi là Đại thừa Đại bát Niết-bàn, Đại thừa là nhân trọn vẹn - Niết-bàn là quả đầy đủ”. Nay văn tuy nêu ra thứ lớp mà ý ở nơi không thứ lớp, vì hạnh Như-lai là Tu hành Phổ.

Bốn là Đoạn hoặc Phổ, có hai: Một là nói về hai quán đoạn không Phổ. Ba thừa Tạng - Thông và Trú - Hạnh bên Biệt giáo đều thuộc về hai quán, Thập hồi hướng tu Viên giáo thuộc về Trung quán sau. Từ “Nếu không v.v...” trở xuống trình bày Trung quán đoạn mới Phổ. Sơ tâm của người bên Viên giáo thấu suốt kiến tư tức là Trung đạo, điều tàn phá trừ vô minh gọi là nhổ sạch gốc rễ, gốc rễ đã lay động thì cành lá hư hại trước. Quán sát chướng chính là đức gọi là lật đất lên, đã quán Trung đạo thì hai quán tự nhiên thành tựu, ba quán trọn vẹn tu thì chẳng có hoặc nào không phá trừ, vì thế được gọi là Phổ.

Năm là Nhập Pháp Môn Phổ, có hai: Một là nói nghiêng về Tiểu thừa không Phổ. Tu không xứng hợp tánh thì chứng là tầng bậc sai khác. Mình chỉ biết v.v... Trong Hoa Nghiêm - Thiện Tài tìm thiện tri thức, trải qua một trăm mười ngôi thành, các bậc tri thức đã gặp đều nói ta chỉ biết một pháp môn này. Tân kinh nói đến thứ năm mươi gặp Di-lặc, thứ năm mươi ba gặp Văn Thù - Phổ Hiền, thì không trở lại nói chỉ biết một pháp, do đó biết tức là trước tiếm sau đốn. Từ “Nếu nhập v.v...” trở xuống dựa theo viên đốn gọi là Phổ, có ba: Một là pháp. Đại kinh nói hai mươi lăm Tam-muội Vương phá trừ hai mươi lăm hữu hiển bày ở ngã tánh. Tam-muội: Ở đây gọi là Điều Trực Định, mà nói là Vương ấy, trong Diệu Huyền chép: “Không - Giả điều trực không được làm Vua,

cho nên nhị thừa đi vào Không - Bồ-tát ra khỏi Giả, không gọi là Pháp Vương. Trung đạo điều trực cho nên được gọi là ". Hai là dụ. ba là hợp. Xuống dưới ba đế theo lý ở ngoài định, tất cả có nhiều loại trợ đạo thiên định, gọi là quyển thuộc.

Sáu là Thần Thông Phổ, thần thông có sáu thứ, đó là Thiên nhãn - Thiên nhĩ - Tha tâm - Túc mạng - Thân như ý và Lưu tận. Cái gọi là thần thông ấy, trong kinh Anh Lạc chép: "Thần gọi là Thiên tâm - Thông gọi là Tuệ tánh. Tuệ của thiên nhiên soi chiếu thấu suốt không ngăn ngại, cho nên gọi là thần thông". Nay văn lược bớt nêu ra Thiên nhãn để làm mẫu cho năm thứ còn lại. Đầu tiên nói về Thiên nhãn, có hai: Thứ nhất Thiên giáo chẳng phải Phổ. Đại La-hán thấy đại thiên ấy, theo Đại luận quyển năm chép: "Đại La-hán dụng tâm nhỏ thấy hai ngàn cõi, dụng tâm lớn thấy ba ngàn đại thiên thế giới, Bích Chi Phật cũng như vậy". Nay nói trăm cõi Phật, trong Đại Bộ Văn Cú cũng chép: "Bích chi Phật thấy trăm thế giới Phật, không bị phong luân làm ngăn ngại, cũng không ngăn cách cõi mình cõi người". Trước giống như người La-hán thuộc về Tam tạng, ở đây chắc chắn thuộc về Thông giáo. Bồ-tát thấy hà sa cõi Phật ấy, chính xác chỉ riêng Biệt giáo mà nghĩa bao gồm cả Thông giáo. Cần phải biết rằng Thiên nhãn những bậc này nhìn thấy cõi nước, đều nói theo Đồng cư tịnh uế vì thể chất của cõi Hữu dư là một. Từ "Nay viên v.v..." trở xuống Viên giáo là Phổ. Duyên với mười pháp giới ấy là Thiên nhãn trọn vẹn chân thật đầy đủ năm thứ nhãn, thấy sáu đường tức là Nhục nhãn - Thiên nhãn, thấy nhị thừa tức là Tuệ nhãn, thấy Bồ-tát tức là Pháp nhãn, thấy cõi Phật tức là Phật nhãn. Nếu như vậy thì đâu khác gì với Phật nhãn? Đáp: Tịnh danh Sơ chép: "Thấy sắc thô tế của mười pháp giới, gọi là chân thật Thiên nhãn, thấy ba đế không hai gọi là Phật nhãn". Từ "Mắt thấy v.v..." trở xuống ví dụ năm thần thông còn lại. Trong Thông Diệu nói về nhị thừa dựa vào lìa bỏ nơi hơn hẳn tất cả các nơi, tu mười bốn loại biến hóa phát ra được thần thông. Bồ-tát Sáu độ nhờ thiên đạt được năm loại, lúc ngồi nơi đạo tràng đạt được sáu loại. Bồ-tát Thông giáo nhờ thiên đạt được năm loại, dựa vào Thể của Pháp - Tuệ đạt được sáu loại: Địa tiền bên Biệt giáo dựa vào thiên đạt được năm loại, Đẳng địa phát ra sáu loại. Viên giáo không căn cứ sự thiên mà phát ra, chính là chân thật Trung đạo, tự có thần thông tùy ý vận dụng mà phát khởi. Lại nói: Ba luân thay đổi không thể nghĩ bàn.

Bảy là Phương Tiện Phổ, có hai: Một là bỏ Thông lấy Biệt. Ba đạo trong Tỳ-đàm là Phương tiện đạo phục - Vô ngại đạo đoạn - Giải

thoát đạo chứng. Nay lấy vô ngại mà làm Trung đạo, tiến hành điều phục hoặc gọi là tiền phương tiện, ở tại địa vị giải thoát quán sát cơ duyên trao cho pháp đều là hậu phương tiện. Từ: “Nếu Nhị thừa v.v...” trở xuống nói về Phổ - Không Phổ, có hai: Một là giáo Tiểu thừa không Phổ. Tiểu Bồ-tát là hai giáo Tạng - Thông. Không nói Biệt là bởi vì nay chính là nói về Đạo hậu phương tiện, Biệt giáo chứng đặc giống như Viên giáo cho nên không nói đến. Hai là Viên giáo nói về Phổ. Hai để làm phương tiện: Người Viên giáo tuy quả là đốn quán ba đế, mà chính giữa cần phải là Thật, hai để là Quyền cho nên cả hai gọi là Phương tiện. Nên biết rằng ba đế là tánh ba nhân, mà duyên liễu thuộc về tu, cho nên cả ba dung thông lẫn nhau xa lìa dọc ngang sai lầm, không giống như Biệt giáo cả ba đều thuộc về tánh không thu nhiếp lẫn nhau. Thế nên Chân thì ba đế đều phá bỏ, Tục thì ba đế đều lập thành. Đã phá bỏ đã lập thành thì nghĩa phương tiện được thành tựu, thu nhận được tất cả phương tiện vậy. Phá bỏ lập thành ở đây nơi nào không thu nhận? Hoặc người hoặc trời hoặc Đại hoặc Tiểu, tất cả trí tuệ đều phá bỏ gồm thâu, những người phước thiện là đều lập thành thu nhận. Lấy phá bỏ lập thành này để phát khởi Trung đạo cả ba không phá bỏ không lập thành, do đó một niệm đầy đủ quán, có đủ tánh có đủ tu hàm chứa quyền hàm chứa thật, nghĩ bàn không dứt mà chẳng gì tạo ra Môn đó. Đi vào Trung đạo rồi cùng soi chiếu các loại ấy là, Đạo tiền tự hành đã lấy hai để để phát khởi quay về Trung đạo, Đạo hậu lợi tha cũng giống như vậy. Soi chiếu Chân thì dùng Chân thân lợi ích vật, soi chiếu Tục thì dùng ứng thân đi đến cơ. Vì thế hai chữ Thần Biến có chung có riêng, chung thì hai thân đều có thần biến, biệt thì Chân vận dụng thần linh dứt trừ ba khổ chương đau, ứng thường biến hiện ban cho ba đức vui sướng, đều lấy ba ngàn mà làm thần biến, cho nên nói khắp cả mười pháp giới. Dụng của hai chiếu tăng, thể của hai ngăn hiển, ở pháp thân đó làm gì có tổn giảm. Người Viên giáo từ đầu đến cuối phương tiện đã rõ, do đó đều gọi là Phổ.

Tám là nói Pháp Phổ, có hai: Một là giáo Tiểu thừa không Phổ. Đây cũng chỉ về hai giáo trước, bởi vì nay nói pháp là trong địa vị phần chứng của Biệt giáo Viên giáo, công dụng của Hóa thân. Hai là Viên giáo nói về Phổ. Nhất âm: Tức là một âm trong tám mươi tướng tốt có thể trả lời nhiều tiếng, khác địa phương, khác loài chẳng ai không được lợi ích. Luận Khởi Tín chép: “Viên âm một khi giảng nói các chủng loại khác nhau đều hiểu”.

Chín là Cúng Dường Phổ, có hai: Một là nêu ra, hai là từ “Hoa

Nghiêm v.v...” trở xuống tùy đó giải thích, có hai: Một là giải thích sự cúng dường, căn bản phần chứng ba ngàn của Sự, công dụng mười phương sáu trần của Lý. Thượng hiến Phật: Bày tỏ nhân hưởng đến quả. Hai là từ “Lý giải v.v...” trở xuống giải thích Lý cúng dường, có hai: Một là chính thức giải thích. Muôn hạnh xông ướp trí gọi là cúng Phật, trí đầy đủ ba loại nên gọi là tất cả. Trí này là Chánh Thể của chư Phật ba đời trong mười phương, lại gọi là tất cả. Từ “Tịnh danh v.v...” trở xuống là dẫn chứng. thức ăn tức là ba đế thường phát ra ba trí, lý Phật - sự Phật đều cung cấp đều cúng dường.

Mười là Thành tựu Phổ, có hai: Một là nêu ra Phổ và Không Phổ để dụ, có hai: Thứ nhất nêu ra ánh sáng đom đóm. Thứ hai nêu ra ánh sáng mặt trời. Cỏ cây rừng rậm nêu chung ba loại cỏ - hai loại cây (ngũ thừa), hoa trái thành tựu sơ lược dụ cho mười loại lợi ích. Từ “Ngoại đạo v.v...” trở xuống là nói về pháp Phổ - không Phổ, có hai: Một là nói về phạm, tiểu, thông, biệt. Từ “Nay Viên v.v...” trở xuống nói về Viên Thánh Từ Tuệ, có ba: Một chính là nói. Hai từ “Hoa Nghiêm v.v...” trở xuống là dẫn chứng. Nhân chính là phát tâm xứng hợp với tánh, quả thì tùy cơ lợi ích khắp cả. Ba là từ “Thí như v.v...” trở xuống là lập lai dụ. Đây là một mặt đất một cơn mưa trong kinh này chúng sanh nói là khác, ý Thánh không nghiêng về có hai. từ “Phổ Môn v.v...” trở xuống là nói về nghĩa vô lượng của Phổ Môn, có hai: Một là nói về Tịnh danh ba hiệu khó nhận được. Kinh ấy nói: “Pháp của chư Phật tất cả đều như nhau, thế nên gọi là Tam-muội Tam Phật-đà, gọi là Đa-đà-a-già-độ, gọi là Phật Đà. A-nan! Nếu Ta nói rộng ra nghĩa ba câu này, ông ở tại kiếp thọ không có thể nhận lãnh hết, chính là khiến cho chúng sanh đầy trong ba ngàn đại thiên thế giới, đều học rộng bậc nhất giống như A-nan, được niêm tổng trì. Những người này đều dùng tuổi thọ một kiếp, cũng không thể nhận lãnh được”. Hạng như Tịnh Danh là giống như hạng ở kinh kia, các kinh Đại thừa gọi là ba hiệu, thấy đều khó nhận được. Từ “Nay đây v.v...” trở xuống là nói ba nghĩa của đề này giống với kinh kia. Chữ Quán của kinh này giống như hiệu Phật Đà thứ ba của kinh kia, vì ở đây nói là Giác Giả. Thế Âm giống hiệu Đa-đà-a-già-độ thứ hai của kinh kia, ở đây nói là Như-lai, bởi vì Thế Âm hiện nay tức là cảnh Như Như. Phổ Môn giống như hiệu Tam Miệu Tam Phật Đà thứ nhất của kinh kia, ở đây nói là Chánh Biến Tri, bởi vì một Thật tướng mở ra mười Môn. Ba nghĩa này nếu nói rộng ra thì kiếp thọ không ai nhận được. Ba nghĩa Chương An dựa vào phẩm chứng minh mười nghĩa. Chương lớn thứ hai giải thích Thể, có hai: Một là sơ lược nêu ra

Thể của phẩm này, có hai: Thứ nhất nêu ra Thể hiện nay. Linh trí là Thỉ giác. Pháp thân ấy là Bốn giác. Cùng là một Giác nơi nào nói về hợp! Chỉ vì vốn mê mờ nên giác trở thành không thể giác, đầy đủ địa vị tên gọi tìm tên gọi của Giác vốn có, công chẳng điều phục dứt trừ thì nghĩa hợp chưa thành tựu. Năm phẩm nhanh chóng điều phục được gọi là Quán hợp, sáu căn hình như hợp, phần chân chứng hợp. Nay Quán Thế Âm hợp với cực quả gần bên cạnh, toàn Bốn làm Thỉ thật sự chẳng phải hai Thể. Vì có không Giác cho nên dựa theo điều phục dứt trừ mà luận đối với hợp. Bốn giác khuôn giữ sanh Thỉ hiểu giải, cho nên gọi là Pháp. Tự nhiên tích tụ ba ngàn diệu đức, cho nên gọi là Thân. Thỉ giác căn bản sáng tỏ cho nên gọi là Linh. Nay có thể dứt trừ - chứng đạt cho nên gọi là Trí. Bốn - Thỉ không hai là đã giải thích về Thể. Hai từ “Hoặc kinh khác v.v...” trở xuống là khác với kinh khác, có hai: Một là dùng ba. Hai đối chiếu giải thích. Kinh khác trình bày ba thân ấy là, Kinh Kim Quang Minh lập nên Hóa thân - Ứng thân - Pháp thân. Lại nói: “Như-lai đạo nơi pháp tánh vô lượng sâu xa, Như-lai là ứng - thường đạo đi là Báo, pháp tánh là Pháp”. Tích Môn của kinh này nói: “Chỉ có Phật và Phật mới có thể hiểu thấu đáo hết thật tướng các pháp. Năm Phật tức ứng, năng thấu đáo là Báo, Thật tướng là Pháp”. Bốn Môn nói “Như-lai thấy biết như thật về tướng của ba cõi, chẳng phải giống như - chẳng phải khác nhau, Như-lai tức là ứng, thấy biết như thật là Báo, chẳng phải giống như - chẳng phải khác nhau là Pháp”. Tịnh danh nói có giải thoát tên gọi chẳng thể nghĩ bàn là Pháp, Trú là giải thoát tức là Báo, có thể để Tu-di vào trong hạt cải là Ứng. Đại phẩm nói ba Bát-nhã cũng là ba thân. Các kinh bậc này đều đồng ý ba thân đối chiếu Thể - Tông - Dụng. Phẩm này chỉ có nghĩa về hai thân ấy là, tên gọi Quán Thế Âm tức là nghĩa của Chân thân, Phổ Môn thị hiện tức là nghĩa của ứng thân, Chân là trí của nội chứng, ứng thân là thân của ngoại hóa. Nếu so sánh các kinh thì Dụng của đương Tông, tuy không có văn về Thể mà có nghĩa về Thể, vì trí không đơn độc lập nên chắc chắn hợp với pháp thân, há có nắp mà không có hộp - có cảnh vật mà không có gương hay sao? Vậy thì ba thân trong các kinh, có thể lấy riêng pháp thân làm Thể. Hai thân trong phẩm này tức là Pháp - Báo phải phù hợp mà làm Thể. Từ “Chỉ đây v.v...” trở xuống là nói về Lý - Trí không hai, có hai: Một là dựa theo thoát khỏi vướng mắc nói về không hai. Trước nói linh trí phù hợp pháp thân ấy là chẳng phải hai vật hợp lại, chỉ có Thể của linh trí này là Pháp thân. Vì Bốn giác không thể giác cho nên đang vướng mắc, gọi là Như-lai Tạng. Bốn giác tự giác cho nên thoát

khởi ràng buộc, gọi là Đại Pháp Thân. Nay đã thoát khỏi ràng buộc nghiệm biết trí chính là lý. Từ “Nay biết v.v...” trở xuống dựa theo một vật dụ cho không hai. Tánh đức vốn có đầy đủ tướng của quyền thật, người bày phương tiện chẳng phải trí của tánh đức, vì thế cho nên không biết Đồng Thể quyền thật. Linh trí hiện tại đã biết quyền thật, nghiệm biết lý và trí không hai, lý trí hai tên gọi mà chỉ gọi là Nhất Thể, điều đó giống như một vật nếu người ở bên phải vật thì vật thành bên trái của người, nếu người ở bên trái vật thì vật thành bên phải của người, trái phải tên gọi khác nhau mà vật không hẳn khác nhau, do đó hai trí và lý tên gọi khác nhau mà Thể là một. Từ “Nếu nói rõ v.v...” trở xuống là mở rộng dựa vào Đại bốn giải thích. Ba là nói về Tông, có bốn: Đầu tiên chính là nói về Tông của phẩm này, có hai: Thứ nhất chỉ ra sơ lược. Chương Thể đã trình bày Trí phù hợp pháp thân, ấy là Thể thoát khỏi ràng buộc. Thể này mở rộng có ứng của tự tại, Ứng này đối với hai cơ ngầm kín và hiển bày. Thu nhiếp hết ở một phẩm văn kinh chẳng gì không cùng tận, cho nên dùng cảm ứng làm Tông của phẩm này. Từ “Thập giới v.v...” trở xuống là chỉ ra Tướng, có hai: Một là chỉ ra tướng cơ ứng. Thể thoát khỏi ràng buộc ở trên là tri của lạng chiếu, mười cơ nếu hợp tức là chiếu của tịch, liền được Chân trí kín đáo dứt trừ các khổ đau, nếu mười cơ hợp thì tịch của chiếu, mới được ứng tượng hiển bày ban cho các niềm vui. Vắng lạng - soi chiếu không hai mà chỉ là một trí, ban cho và dứt trừ tuy khác nhau cần phải động niệm? Dẫn đến có trước sau tức là hai lần hỏi đáp, nói có trước sau chẳng phải ngay một lúc vậy. Hai từ “Ích văn v.v...” trở xuống là hai lần nêu ra nghĩa của tông yếu. Bày nạn ba độc hai mong cầu được thoát khỏi, ba mươi ba thân, mười chín lần nói pháp được cứu độ. Văn nghĩa của đoạn này dụ như các mắt lưới, nếu kéo lưới của cảm ứng, thì các mắt lưới chẳng có mắt nào không chuyển động. Đây là Tông Yếu người nào nói là không đúng? Từ “Kinh khác v.v...” trở xuống là giải thích khác nhau so với kinh khác, có hai: Một là chỉ ra nơi khác sử dụng nhân quả, Bộ nói về nhân quả Nhất thừa, Tịnh danh nói về nhân quả cõi Phật, Quán kinh nói về tâm quán, Kim Quang Minh hướng về quả đức, tuy đơn phức không giống nhau, nhưng không ngoài nhân quả. Đây là các kinh nói về tướng của Tông. Từ “Nay phẩm v.v...” trở xuống dựa vào đây nói về lấy và bỏ, có hai: Một là bỏ nghĩa nhân quả thông suốt. Nói không thể như vậy ấy chính là nói về Tông của phẩm này không sử dụng nhân quả. Vì sao? Vì nếu lấy nghĩa suy ra thì ai không có nhân quả? Từ phàm đến Thánh năng cảm sở cảm, nghĩa này thông suốt khắp nơi chẳng phải chính là

Tông này. Nhưng ý kinh không nói đến tức là đưa ra ý không sử dụng nhân quả, bởi do văn kinh không nói về Quán Âm tự hành tu chứng. Theo Như-lai trả lời về nguyên do được tên gọi, chỉ nói lập tức quán sát âm thanh đó, còn không nói về Quán Âm thanh và quán pháp, há có tướng của quán thành tựu đi vào địa vị hay sao? Hoặc kinh Phật Đảnh Thủ lảng nghiêm chép: “Xưa Quán Thế Âm, Phật dạy Ta từ Văn, Tư, Tu đi vào Tam ma địa, ban đầu đối với những gì nhập vào trong văn (Nghe) trôi mất, chỗ vào đã vắng lặng hai tướng động - tĩnh, rõ ràng không sanh. Như thế dần dần tăng thêm nghe hết những gì được nghe, nghe hết mà không trụ, biết và những gì được biết đều không, giác ngộ không cực Viên không và sở không đều diệt, sanh diệt đã diệt nên vắng lặng hiện tiền, bỗng nhiên vượt qua thế gian và xuất thế gian, mười phương đầy đủ rõ ràng đạt được hai loại thù thắng. Một là trên phù hợp với bốn diệu giác tâm của chư Phật mười phương, cùng với các đức Như-lai chung một Từ lực. Hai là dưới phù hợp với tất cả chúng sanh sáu đường trong mười phương, cùng với các chúng sanh chung một Bi ngưỡng. Thậm chí cùng Từ lực cho nên thường hiện rõ ứng thân, cùng Bi ngưỡng cho nên thường ban cho vô úy”. Còn kinh Đại Bi Tâm Đà-la-ni : “Xưa Thiên Quang Vương Tịnh Trụ Như-lai, vì Ta nói Đà-la-ni Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm này, dùng tay sắc vàng xoa trên đỉnh đầu Ta, nói lời như vậy: Ông nên hành trì tâm chú này, rộng vì tất cả chúng sanh trong đời xấu ác làm lợi lạc rộng lớn. Ta vào lúc này mới trú vào Sơ Địa, một lần nghe chú này liền vượt lên Địa thứ tám, thậm chí thân sanh ra ngàn tay ngàn mắt v.v...” Hoặc hai môn Tích Bản trong Đại Bộ hiện nay, mở rộng nói về Như-lai tu nhân chứng quả, và trong các kinh nói về nhân quả của Phật - văn đều có thể thấy. Phẩm này không phải thế, cho nên nói văn ý hình như không đến nơi này. Từ “Các nhà chọn cơ v.v...” trở xuống chọn lấy cảm ứng giúp đỡ văn. Bởi vì trong lần trả lời trước kín đáo Ứng hiển bày cơ, giải thích đầy đủ ba nghiệp, xưng danh thường niệm và lễ bái v.v... là văn có nhân. Tránh khỏi bảy loại nạn, xa lìa ba độc căn, là văn có quả. Đến trong lần trả lời sau hiển bày Ứng ngầm kín cơ, vì thế cho nên không nói ba nghiệp hiện rõ nhân, mà cảm các thân nói pháp, đều nói là được độ. Bởi lẽ tùy theo cạn sâu đều có thể được được bờ, văn này có quả. Văn nhân quả này dùng Cảm hưởng về thu nhận, có điều gì là thiếu sót? “Thánh tuy không có” v.v... trở xuống là văn tuy không nêu ra Quán Âm tu chứng, mà bàn luận đầy đủ về ngầm kín - hiển bày lợi ích cứu vật vô cùng. Dùng ứng hưởng về thu nhận càng không có gì sai lầm. Hỏi: Trước kia giải thích

tên gọi, Chương An thông suốt nói về mười cặp, từ bi - Phước tuệ thuộc về nhân, chân ứng - trí đoạn thuộc về quả. Đến trong phần biệt giải thích, về người, tức là quán trọn vẹn từ đầu đến cuối, giải thích pháp thì mười Phổ từ đầu đến cuối, đến nay nói về Tông, tại vì sao bèn nói Thánh không nhân quả? Đáp: Chung riêng giải thích tên gọi nói về Quán Thế Âm cho đến Phổ Môn, đã là Đẳng Giác, vô thượng người, pháp, đạo lý cần phải nói về phát tâm lập hạnh từ nhân đến quả, chính là chọn lấy pháp tướng tu chứng đã giải thích trong một đời nói giáo. Giải thích về người pháp đây chính là nghĩa mở rộng, hợp lại có nhân quả vậy. Nay nói về Tông Yếu lý cần phải giúp đỡ văn, há có thể đoạt lấy nhân quả kinh khác ư? Cần phải biết rằng nay nói Thánh không nhân quả, chính là văn không có gì không phương hại giải thích tên gọi - nghĩa cầu tự có. Vì thế cho nên nay nói văn không đề cập đến đây. Nên biết rằng nay Tông không chọn lấy nhân quả, chỉ sử dụng cảm ứng sơ lược có ba ý: Một là kinh đã không bàn đến lý của sở chứng, cho nên nhường linh trí phù hợp với pháp thân làm Thể, đã là lý sâu xa thuộc về Thể do đó gồm thấu vật làm Tông. Hai là kinh không bàn về tướng tự tu chứng của bậc Thánh, nếu sử dụng nhân quả thì không giúp đỡ văn. Ba là một phẩm trước sau chỉ giải thích hai ứng ngầm kín và hiển bày đối với hai cơ ngầm kín và hiển bày. Nếu sử dụng cảm ứng thì Tông yếu dễ dàng thành tựu.

Từ “Cảm ứng v.v...” trở xuống là dựa vào Đại Bản. Từ “Hỏi nếu v.v...” trở xuống là xen lẫn phân biệt hiển bày tướng. Gồm có mười một lần hỏi đáp phân ra năm: Một là bốn lần dựa theo cơ phân biệt, có bốn: Đầu tiên là thiện ác đều cảm nói về nghĩa nhỏ yếu, có hai: Thứ nhất - Hỏi: Nếu nói cơ ấy tức là trong Đại Bản giải thích tên gọi rằng: Cơ nghĩa là nhỏ bé, cho nên dễ nói. Cơ ấy là chuyển động bé nhỏ, trước tiên hiện rõ thuận lợi, chúng sanh có thiện nghiệp sắp phát sanh, thiện nghiệp này hơi hơi sắp chuyển động mà được làm cơ. Nay lấy thiện ví dụ ác, cũng có nghĩa về nhỏ nhẹ chuyển động sắp phát sanh, có thể được làm cơ hay không” hai là Đáp: Không sai ấy là thừa nhận cũng là cơ. Tâm bậc thánh soi chiếu đầy đủ thiện ác không sót, thiện nhỏ bé sắp phát sinh nghĩ rằng muốn mang lại niềm vui, ác nhỏ bé sắp phát sinh nghĩ rằng muốn dứt trừ đau khổ v.v... Hai là tánh thiện kín đáo, ẩn giấu nói lên nghĩa phát sinh, có hai: Thứ nhất. Hỏi: Không biết tánh thiện có nghĩa có thể sanh hay không? Cho nên nên lên câu hỏi này. Hai là Đáp: Kín đáo ẩn giấu không hiện rõ cho nên phải là Thánh ứng, thiện tánh này vì thế có thể sắp phát sinh. Ba là thiện, ác từ bi, nghĩa liên quan với

nhau, có hai: Thứ nhất. Hỏi: Nếu thiện đã thành tựu thì không cần phải liên quan đến Thánh, nếu liên quan Thánh ứng thì nên thiện bé nhỏ thành rõ rồi, ác liên quan Thánh ứng cũng là ác bé nhỏ trở thành rõ ràng chẳng? Hai là đáp: Thánh há thành tựu cái ác của chúng sanh hay sao? Chỉ vì thiện tánh pháp tự nhiên liên quan với Từ ứng, thì thiện thành tựu được niềm vui, ác liên quan với Bi ứng thì ác diệt lìa khổ, đồng Thể cho nên liên quan chẳng thứ lớp như vậy. Bốn là tướng cảm ứng xứng hợp với giải thích nghĩa thích nghi, có hai: Thứ nhất. Hỏi: Trí Thánh xét kỹ căn cơ nên sử dụng pháp gì, sao đem giải Thích Cảm nói rằng cơ thích hợp vậy? Hai là đáp: Thích nghi chắc chắn thích hợp đâu hạn cuộc ở tại Ứng, dụ của đày và nắp không ở một phía nào. Hai là một lần dựa theo ứng phân biệt, có hai: Đầu tiên là dựa theo hai thân không ứng để hỏi. Hai là dựa theo hai thân đều ứng để trả lời. Pháp thân tích tụ vô lượng pháp môn, thường thích ứng các loại quán trí của chúng sanh. Ứng thân tích tụ vô lượng thân biến, thường thích với các loại thấy nghe của chúng sanh. Ba là ba lần đối chiếu nhau phân biệt, có ba: Đầu tiên trình bày cảm ứng chẳng phải nhất - dị, có hai: Một là hỏi, hai là đáp. Không đồng đều cho nên cảm ứng- không khác nhau cho nên tương quan. Hai là trình bày cảm ứng không phải hư - thực, có hai: Một là hỏi: Hai là đáp. Vân vân ấy là nghĩa tùy theo ví dụ trên. Đã chẳng phải một khác cũng chẳng phải hư - thực, như vậy cặp chẳng phải hư- thực và chẳng phải nhất - dị cần phải đạt được ý đó. Tâm - Phật - Chúng sanh là ba vô sai khác, lý vốn không sai khác mà sai khác chiếu dựa theo công dụng của Sự. Lý tam thiên như nhau cho nên bất dị, Sự mê ngộ khác nhau cho nên bất nhất. Ngộ cho nên Phật pháp là ứng, mê cho nên tâm - chúng sanh là cảm. Lý vốn đồng đều cho nên chẳng phải thực, sự tạm thời khác nhau cho nên chẳng phải hư. Vì thế trong Không hai môn nói: “Huyền cơ huyền cảm huyền ứng huyền phó, do đó tướng khác nhau của Địa - Trú tiền vẫn còn, địa vị chân thật từng phần từng phần giống với Thể Dụng của Phật, còn như rớt ráo thì cảm ứng đều mất, lại đâu nói về nhất dị - hư thực”. Từ “Vì người khác v.v...” trở xuống nói về cảm ứng khó nghĩ bàn, có hai: Thứ nhất thuật lại hỏi đáp nơi khác, có hai: Một là nghi ngờ phàm Thánh ngăn cách khác nhau chẳng phải cảm ứng. Khắc phục nói về cảm ứng Thể đó đều tách biệt, tuy cùng nhau lập nên năng sở, mà phàm Thánh chắc chắn phân biệt. Sở cảm là Thánh nhất định chẳng phải năng cảm, sở ứng là phàm xác định chẳng phải năng ứng. Cảm ứng ngăn cách sao gọi là Đạo Giao? Hai là đáp: Năng sở còn mất cho nên Đạo Giao, có hai: Đầu tiên cùng nhau nói về năng

sở. Trước kia lập nên sở cảm - sở ứng không thật, tại vì sao? Bởi vì sở cảm chẳng phải là phàm cho nên không thật, sở ứng chẳng phải là Thánh do đó không thật. Kế đó lập ra năng ứng - năng cảm không thật, tại vì sao? Bởi vì trở lại lấy sở cảm làm năng ứng, sở cảm đã không thật, cho nên năng ứng không thật. Lại lấy sở ứng làm năng cảm, sở ứng đã không thật cho nên năng cảm không thật. Cả hai đã không thật - cả hai cũng chẳng phải khác nhau. Từ “Bất dị v.v...” trở xuống đều nói về còn - mất. Đã không có thật- không có khác, sao gọi là cảm ứng đạo giao? Bởi vì cùng còn cùng mất mà lập ra không khác mà khác, bởi vì sở cảm mà làm năng ứng, sở ứng làm năng cảm, cho nên cảm ứng không khác nhau, mà nay phía Thánh mất từ sở cảm, gọi làm năng ứng, phía phàm mất đi sở ứng, gọi làm năng cảm, cho nên thành tựu mà khác nhau; chính nơi mà khác nhau, cho nên có cảm ứng, ngay nơi không khác nhau đó cho nên được đạo giao. Đây là tình ý Sư xưa giải thích về nghĩa cảm ứng và đạo giao. Từ “Riêng hỏi v.v...” trở xuống là Chương An phá - lập, có hai: Đầu tiên chất vấn nghĩa kia không thành tựu, có hai: Thứ nhất chất vấn nghĩa đã lập không thành tựu, có hai: Một là trình bày còn - mất không thành tựu. Tuy dùng năng sở cùng nói về còn - mất, mà suy xét kỹ Thể trạng đó chỉ ở tại phía Thánh, mất cái cảm của phàm đó lại ở tại bên phàm mất đi cái ứng của Thánh. Bởi vì Thánh đó mất năng ứng không được, phàm mất năng cảm không được. Nếu như vậy thì cảm ứng mãi mãi khác nhau, sao nói là không khác? Từ “Lại cảm v.v...” trở xuống trình bày không khác nhau không thành tựu. Đại ý giống như trước. Từ “Lại hỏi v.v...” trở xuống dùng bốn tánh kết luận sai lầm. Cảm năng ứng tự thuộc về nơi cơ cảm, sở ứng năng tự thuộc về nơi ứng, cho nên là tự tánh. Hai câu kế là tuy liên quan đến cảm ứng, mà nghĩa không liên quan gì bởi vì còn thuộc về tự tánh. Tiếp đến có bốn câu đều từ nơi kia phát sanh, cho nên thuộc về Tha tánh. Thứ ba không chỉ căn cứ vào Tự - không chỉ căn cứ vào Tha, cần phải cả hai hợp lại sanh ra mới thuộc về tánh chung (cộng tánh). Nếu xa lìa Tự - Tha thì thuộc về tánh không có nhân (vô nhân tánh). Từ “Hỏi nếu v.v...” trở xuống trình bày nay có thể khéo khế hợp nhau, có hai: Một là xa lìa bốn câu không có cảm ứng để hỏi. Hai từ “Đáp Thánh v.v...” trở xuống dùng bốn tất-đần lập thành nhân duyên mà trả lời. Đại Thánh chứng trọn vẹn lý sự ba ngàn, cùng ở tại một tâm cho nên tâm bình đẳng, mỗi mỗi đều hiểu rõ tức không Giả - Trung, cho nên tâm vô trụ. Bạc Thánh đã dùng tâm bình đẳng vô trụ này làm pháp năng ứng, vì thế không trú trước vào sở ứng cơ cảm, chỉ tùy theo mười cõi giới ưa muốn bàn thích nghi phá trừ

ác đi vào lý bốn cơ kế hợp. Tức là lấy thế giới, vị nhân, đối trị, Đệ nhất nghĩa, pháp của bốn thứ tất-đàn tùy ý vận dụng mà ứng. Cảm ứng này há có thể dùng Tự Tha đó mà nghĩ cộng và bất cộng bàn ư? Lại nữa, chúng sanh hưởng về tự phát sinh cảm ứng. Có bốn lợi ích ấy, cũng có thể nói rằng tự cảm tự ứng. Nếu đối với ba loại có bốn lợi ích ấy, cũng có thể nói rằng do cảm phát sinh ứng - do ứng phát sinh cảm, cộng năng sinh cảm, cộng năng sinh ứng - lia hai có cảm, lia hai có ứng, đều có thể được nói. Đã không có bốn chấp tùy theo cơ nói ra bốn, cho nên các kinh luận bàn về cảm ứng, không ra ngoài bốn thứ này. Từ “Hỏi vọng chấp v.v...” trở xuống là một lần dựa theo cơ phân biệt, có hai : Một là nghi ngờ vọng chấp thiện chẳng phải cơ. Hai là Đáp: Vọng chấp là ác năng cảm. Từ “Hỏi vọng chấp v.v...” trở xuống là hai lần đối chiếu nhau phân biệt, có hai: Thứ nhất chỉ ra diệu ứng tùy theo ý người mà hành động, có hai: Một là hỏi: Hai là đáp. Từ “Hỏi phàm v.v...” trở xuống chỉ rõ bậc chí Thánh dứt trừ tà quy về chánh, có hai : Một là hỏi. Hai là đáp. Bốn là công dụng từ bi lợi ích chúng sanh , có hai: Đầu tiên là nêu lên. Hỏi: Cảm ứng Từ bi là giống nhau hay là sai khác? Nếu điều ấy giống nhau thì sao có thể phân biệt đối chiếu hai chương Tông - Dụng? Nếu điều đó khác nhau, xin đưa ra nghĩa đó. Đáp : Pháp tướng mở ra - hợp lại, cắt giảm lập ra có nhiều cách. Nay văn đã dùng Bát-nhã - Pháp thân hợp làm Thể, chính là đối với Giải thoát phân ra Tông - Dụng, tuy là một đức mà có hai khả năng, cảm ứng thì chung nói liên quan thích nghi, Từ bi thì nói khác về ban cho và dứt trừ. Nếu nói về cảm ứng mà không nói đến Từ bi, thì tựa như Nhân Vương giáng thế mà không có công lao quản lý sửa đổi. Nay nói về cảm ứng thì thu nhận tất cả nghĩa kinh, cho nên lập làm Tông. Kế là nêu ra Từ bi thì nghĩa lợi ích đầy đủ, cho nên lập làm Dụng. Mở ra một thành hai, ý đó sơ lược như vậy. Từ “Hai trí v.v...” trở xuống là giải thích, có hai: Đầu tiên chính là nói về ẩn hiển, có hai: Một là giải thích sơ lược, có hai: Thứ nhất đối chiếu hai trí giải thích về Dụng, có hai: Trước hết là hỏi. Dụng của Diệu kinh là dứt trừ quyền nghi phát sinh thật tín, chính là thích hợp hai trí đâu chỉ về Từ bi? Hai là đáp: Dụng của hai trí thông suốt kéo dài một bộ, có đủ - Trí - Từ-Bi nay phẩm sử dụng riêng. Hai từ “Nơi khác giải thích v.v...” trở xuống là dựa vào hai thân nói về lợi ích, có hai: Một là thuật lợi nơi khác giải thích hạn chế. Hai từ “Nay nói v.v...” trở xuống là nói nghĩa chính hiện nay, có hai: Đầu tiên là pháp, có hai: Thứ nhất nói về hai thân đều Thường - Gián, có hai: Một là trình bày hai thân đều Thường. Pháp thân dùng lặng chiếu làm Thường, ứng thân dùng chẳng

ngữ làm Thường. Từ “Nếu nói v.v...” trở xuống trình bày hai thân đều là GIÁN. Từ “Nên biết v.v...” trở xuống trình bày hai lợi ích không hai khác nhau. Từ “Thí như v.v...” trở xuống là dụ. Từ “Trong đây v.v...” trở xuống là rộng chỉ. Đại bản trình bày hai mươi lăm Tam-muội Vương phá trừ hai mươi lăm Hữu, hiển bày tánh ngã chân thường, tất cả có bốn ý: Một. Đưa ra sai lầm của các hữu. Hai. trình bày công đức của bốn pháp. Ba. kết luận hành thành tựu Tam-muội. Bốn. Từ bi phá trừ Hữu. Quán Âm tự hành đã phá trừ sai lầm hoặc nghiệp của các Hữu, công đức Tam-muội đều đã thành tựu, chính là dùng từ bi khiến cho người khác phá trừ Hữu, vì thế biết nay sử dụng chính là ý thứ tư vậy. Từ “Vấn quán v.v...” trở xuống bao gồm giải thích về Bốn Tích, có ba: đầu tiên là nói Bốn tích khó biết, có hai: Một là hỏi, hai là đáp. Từ “Như Quán v.v...” trở xuống là nói nhân quả giới thiệu khác nhau, có hai: Một là dẫn ra hai kinh nói còn thuộc về nhân. Hai từ “Hoặc như Quán v.v...” trở xuống dẫn ra một kinh nói đã thành tựu quả. Ba là từ “Hai văn v.v...” trở xuống là sử dụng tất-đàn để hòa hợp quy tụ, có hai: Một là hỏi. Hai từ “Chính là v.v...” trở xuống là giải thích. Hoặc nói đã thành - hoặc nói chưa thành, vì thuận theo cơ duyên khiến cho được lợi ích, dùng câu thực tế đó. Thứ năm là nói về Giáo tướng, có hai: Đầu tiên là xác định văn tướng, có hai: Một là trình nói rộng về các bộ. Hai là từ “Nay chỗ v.v...” trở xuống chính là chỉ ra phẩm đã lưu truyền, có hai: Một là chỉ ra một phẩm của Diệu kinh. Từ “Mà biệt v.v...” trở xuống là nói lý do lưu hành riêng. Từ “Phẩm này v.v...” trở xuống nói về giáo tướng, có hai: Đầu tiên giống như tướng đề hồ trong Bốn kinh, có hai: Một là nói về ý của phẩm. Tất cả ở tại bỏ quyền bày thật: Tạm thời nêu ra Tích Môn, cũng nên lại nói khai tích hiển bốn. Đây chính là dùng phẩm Phương Tiện đến hết mười chín hàng kệ ở phẩm Phân Biệt Công Đức, đều làm Chánh Tông. Từ sau mười chín hàng kệ trở xuống, đều làm hai môn Bốn Tích Lưu Thông. Từ “Viên nhân v.v...” trở xuống nói về Giáo Vị. Pháp trọn vẹn tức là pháp vốn giải thích về hai môn Bốn Tích. Giáo đầy đủ tức là giáo thường giải thích về hai Bốn Tích. Từ “Hỏi văn v.v...” trở xuống khảo sát tỉ mỉ nghĩa thực thi khai bày của phẩm này, có hai: Đầu tiên khảo sát tỉ mỉ tướng thành tựu thi hành quyền, có hai: Một là dựa theo Phương Tiện trái với Viên để hỏi. Từ “Căn cứ v.v...” trở xuống dựa theo giúp đỡ Thực thi hành Quyền để trả lời, có hai: Một là dựa theo con người thật sự thi hành quyền để trả lời. Bạc thánh Viên giáo có nói nghiêng về là dẫn dắt tiệm cơ, há Phật nói Tiểu thừa khiến cho Phật là Tiểu thừa hay sao? Chính là người năng nói mới phân định

thuộc về Viên giáo. Từ “Lại Phó v.v...” trở xuống dựa theo quyền thường thông suốt Thật để trả lời. Tín hiểu sâu tức là dặn dò để lại rằng người tin tưởng trí tuệ của Như-lai. Nếu người không tin tưởng, tức là người của bảy phương tiện. Từ “Lại hỏi v.v...” trở xuống là khảo sát tỉ mỉ tướng thành tựu mở bày quyền, có hai: Một là dựa theo cơ giống như vườn Nai để chất vấn. Người nói tuy là Viên giáo mà người vâng theo có cả Tiểu thừa, vả lại như vườn Nai thì chẳng lẽ Phật không Viên hay sao? Chỉ y cứ vào người bảm thọ xếp vào Tam Tạng, nay há không phải như vậy ư? Hai là dựa theo bộ khai bày quyền Tích để trả lời. Tiểu bộ A-hàm chưa khai bày quyền Tích, liền khiến cho Giáo Vị tùy theo cơ thuộc về Tiểu thừa. Nay kinh khai bày biểu hiện rõ ra thì quyền là thật, ngay nơi Tích là Bốn, tuy nói pháp Tiểu thừa mà là thông suốt Viên kinh, há giống như vườn Nai ư? Từ “Hỏi văn trên v.v...” trở xuống là khảo sát tỉ mỉ tướng thành tựu diệu dụng, có hai: Một là dựa theo tướng xả bỏ Dụng trái lại để hỏi. Hai là dựa theo Thể dụng khó suy lường để trả lời. Chánh Tông bỏ Quyền lập Thật cho nên nói là Xả. Lưu Thông là thật thì quyền cho nên phải dùng. Hiển bày thật thể sau đó nói về Quyền Dụng, đây là phương tiện bí mật tuyệt diệu của kinh này.

